



BÙI MẠNH HÙNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – ĐẶNG LƯU
LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT – NGUYỄN THỊ NƯƠNG

TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA

môn

NGỮ VĂN

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

LỚP

8

Bộ sách: Kết nối tri thức với cuộc sống

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GD&ĐT: Giáo dục và Đào tạo

GDPT: giáo dục phổ thông

GV: giáo viên

HS: học sinh

NXBGDVN: Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

SBT: sách bài tập

SGK: sách giáo khoa

SGV: sách giáo viên

THCS: Trung học cơ sở

VB: văn bản



MỤC LỤC

Trang

Phần thứ nhất: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Tìm hiểu về chương trình <i>Ngữ văn 8</i>	5
2. Giới thiệu khái quát về sách giáo khoa <i>Ngữ văn 8</i>	25
3. Phương pháp dạy học	45
4. Hướng dẫn đánh giá kết quả giáo dục	82
5. Giới thiệu tài liệu bổ trợ, nguồn tài nguyên, học liệu điện tử, thiết bị giáo dục	85

Phần thứ hai: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY 91

1. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy	91
2. Bài soạn minh hoạ	91



1 TÌM HIỂU VỀ CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN 8**1.1. Đặc điểm môn học**

Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực Giáo dục ngôn ngữ và văn học, được học từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp Tiểu học, môn học này có tên là Tiếng Việt; ở cấp Trung học cơ sở và cấp Trung học phổ thông có tên là Ngữ văn.

Ngữ văn là môn học mang tính công cụ và tính thẩm mỹ – nhân văn; giúp HS có phương tiện giao tiếp, làm cơ sở để học tập tất cả các môn học và hoạt động giáo dục khác trong nhà trường; đồng thời cũng là công cụ quan trọng để giáo dục HS những giá trị cao đẹp về văn hoá, văn học và ngôn ngữ dân tộc; phát triển ở HS những cảm xúc lành mạnh, tình cảm nhân văn, lối sống nhân ái, vị tha,...

Thông qua các VB ngôn từ và những hình tượng nghệ thuật sinh động trong các tác phẩm văn học, bằng hoạt động đọc, viết, nói và nghe, môn Ngữ văn có vai trò to lớn trong việc giúp HS hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp cũng như các năng lực cốt lõi để sống và làm việc hiệu quả, để học suốt đời.

Nội dung môn Ngữ văn mang tính tổng hợp, bao gồm cả tri thức văn hoá, đạo đức, triết học,... liên quan tới nhiều môn học và hoạt động giáo dục khác như Lịch sử; Địa lí; Nghệ thuật; Giáo dục công dân; Ngoại ngữ; Tự nhiên và Xã hội; Hoạt động trải nghiệm; Hoạt động nghiên cứu, hướng nghiệp;... Môn Ngữ văn cũng liên quan mật thiết với cuộc sống; giúp HS biết quan tâm, gắn bó hơn với đời sống thường nhật, biết liên hệ và có kĩ năng giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

Nội dung cốt lõi của môn học bao gồm các mạch kiến thức và kĩ năng cơ bản, thiết yếu về tiếng Việt và văn học, đáp ứng các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS ở từng cấp học; được phân chia theo hai giai đoạn: giai đoạn giáo dục cơ bản và giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp.

Giai đoạn giáo dục cơ bản: Chương trình được thiết kế theo các mạch chính tương ứng với các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Kiến thức tiếng Việt và văn học được tích hợp trong quá trình dạy học đọc, viết, nói và nghe. Các ngữ liệu được lựa chọn và sắp xếp phù hợp với khả năng tiếp nhận của HS ở mỗi cấp học. Mục tiêu của giai đoạn này là giúp HS sử dụng tiếng Việt thành thạo để giao tiếp hiệu quả trong cuộc sống và học tập tốt các môn học, hoạt động giáo dục khác; hình thành và phát triển năng lực văn học, một biểu hiện của năng lực thẩm mỹ; đồng thời bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm để HS phát triển về tâm hồn, nhân cách.

Giai đoạn giáo dục định hướng nghề nghiệp: Chương trình củng cố và phát triển các kết quả của giai đoạn giáo dục cơ bản, giúp HS nâng cao năng lực ngôn ngữ và năng

lực văn học, nhất là tiếp nhận VB văn học; tăng cường kĩ năng tạo lập VB nghị luận, VB thông tin có độ phức tạp hơn về nội dung và kĩ thuật viết; trang bị một số kiến thức lịch sử văn học, lí luận văn học có tác dụng thiết thực đối với việc đọc và viết về văn học; tiếp tục bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, tâm hồn, nhân cách để HS trở thành người công dân có trách nhiệm. Ngoài ra, trong mỗi năm, những HS có định hướng khoa học xã hội và nhân văn được chọn học một số chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm tăng cường kiến thức về văn học và ngôn ngữ, kĩ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của HS.

1.2. Quan điểm xây dựng chương trình

Chương trình môn Ngữ văn tuân thủ các quy định cơ bản được nêu trong Chương trình tổng thể, đồng thời nhấn mạnh một số quan điểm sau:

a. Chương trình được xây dựng trên nền tảng lí luận và thực tiễn, cập nhật thành tựu nghiên cứu về giáo dục học, tâm lí học và phương pháp dạy học Ngữ văn; thành tựu nghiên cứu về văn học và ngôn ngữ học; thành tựu văn học Việt Nam qua các thời kì; kinh nghiệm xây dựng chương trình môn Ngữ văn của Việt Nam, đặc biệt từ đầu thế kỉ XXI đến nay và xu thế quốc tế trong phát triển chương trình nói chung, chương trình môn Ngữ văn nói riêng những năm gần đây, nhất là chương trình của những quốc gia phát triển; thực tiễn xã hội, giáo dục, điều kiện kinh tế và truyền thống văn hoá Việt Nam, đặc biệt là sự đa dạng của đối tượng HS xét về phương diện vùng miền, điều kiện và khả năng học tập.

b. Chương trình lấy việc rèn luyện các kĩ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chỉnh thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được hình thành qua hoạt động dạy học tiếp nhận và tạo lập VB; phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

c. Chương trình được xây dựng theo hướng mở, thể hiện ở việc không quy định chi tiết về nội dung dạy học mà chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp; quy định một số kiến thức cơ bản, cốt lõi về tiếng Việt, văn học và một số VB có vị trí, ý nghĩa quan trọng của văn học dân tộc là nội dung thống nhất bắt buộc đối với HS toàn quốc.

d. Chương trình vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, vừa chú trọng kế thừa và phát huy những ưu điểm của các chương trình môn Ngữ văn đã có, đặc biệt là chương trình hiện hành.

1.3. Mục tiêu chương trình

1.3.1. Mục tiêu chung

a. Hình thành và phát triển cho HS những phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm; bồi dưỡng tâm hồn, hình thành nhân cách và

phát triển cá tính. Môn Ngữ văn giúp HS khám phá bản thân và thế giới xung quanh, thấu hiểu con người, có đời sống tâm hồn phong phú, có quan niệm sống và ứng xử nhân văn; có tình yêu đối với tiếng Việt và văn học; có ý thức về cội nguồn và bản sắc của dân tộc, góp phần giữ gìn, phát triển các giá trị văn hoá Việt Nam; có tinh thần tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại và khả năng hội nhập quốc tế.

b. Góp phần giúp HS phát triển các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đặc biệt, môn Ngữ văn giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học: rèn luyện các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe; có hệ thống kiến thức phổ thông nền tảng về tiếng Việt và văn học, phát triển tư duy hình tượng và tư duy lô-gíc, góp phần hình thành học vấn căn bản của một người có văn hoá; biết tạo lập các VB thông dụng; biết tiếp nhận, đánh giá các VB văn học nói riêng, các sản phẩm giao tiếp và các giá trị thẩm mỹ nói chung trong cuộc sống.

1.3.2. Mục tiêu cấp Trung học cơ sở

a. Giúp HS tiếp tục phát triển những phẩm chất tốt đẹp đã được hình thành ở Tiểu học; nâng cao và mở rộng yêu cầu phát triển về phẩm chất với các biểu hiện cụ thể như: biết tự hào về lịch sử dân tộc và văn học dân tộc; có ước mơ và khát vọng, có tinh thần tự học và tự trọng, có ý thức công dân, tôn trọng pháp luật.

b. Tiếp tục phát triển các năng lực chung, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học đã hình thành ở cấp Tiểu học với các yêu cầu cần đạt cao hơn. Phát triển năng lực ngôn ngữ với yêu cầu: phân biệt được các loại VB văn học, VB nghị luận và VB thông tin; đọc hiểu được cả nội dung tường minh và nội dung hàm ẩn của các loại VB; viết được đoạn và bài văn tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng hoàn chỉnh, mạch lạc, lô-gíc, đúng quy trình và có kết hợp các phương thức biểu đạt; nói dễ hiểu, mạch lạc; có thái độ tự tin, phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp; nghe hiểu với thái độ phù hợp.

Phát triển năng lực văn học với yêu cầu: phân biệt được các thể loại truyện, thơ, kí, kịch bản văn học và một số tiểu loại cụ thể; nhận biết được đặc điểm của ngôn ngữ văn học, nhận biết và phân tích được tác dụng của những yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với mỗi thể loại văn học; nhận biết được giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức, giá trị thẩm mỹ; phân tích được tính hình tượng, nội dung và hình thức của tác phẩm văn học; có thể tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

1.4. Yêu cầu cần đạt

1.4.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Ngữ văn góp phần hình thành, phát triển ở HS những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

1.4.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù ở cấp Trung học cơ sở

a. Năng lực ngôn ngữ

Biết vận dụng kiến thức tiếng Việt cùng với những trải nghiệm và khả năng suy luận

của bản thân để hiểu VB; biết đọc VB theo kiểu, loại; hiểu được nội dung tường minh và hàm ẩn của VB.

Nhận biết và bước đầu biết phân tích, đánh giá nội dung và đặc điểm nổi bật về hình thức biểu đạt của VB; biết so sánh VB này với VB khác, liên hệ với những trải nghiệm cuộc sống của cá nhân; từ đó có cách nhìn, cách nghĩ và những cảm nhận riêng về cuộc sống, làm giàu đời sống tinh thần.

Ở lớp 6 và lớp 7: viết được bài văn tự sự, miêu tả và biểu cảm; bước đầu biết viết bài văn nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Ở lớp 8 và lớp 9: viết được các bài văn tự sự, nghị luận và thuyết minh hoàn chỉnh, theo đúng các bước và có kết hợp các phương thức biểu đạt.

Viết VB tự sự tập trung vào yêu cầu kể lại một cách sáng tạo những câu chuyện đã đọc; những điều đã chứng kiến, tham gia; những câu chuyện tưởng tượng có kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm; VB miêu tả với trọng tâm là tả cảnh sinh hoạt (tả hoạt động); VB biểu cảm đối với cảnh vật, con người và thể hiện cảm nhận về tác phẩm văn học; biết làm các câu thơ, bài thơ, chủ yếu để nhận biết đặc điểm một số thể thơ quen thuộc; viết được VB nghị luận về những vấn đề cần thể hiện suy nghĩ và chủ kiến cá nhân, đòi hỏi những thao tác lập luận tương đối đơn giản, bằng chứng để tìm kiếm; viết được VB thuyết minh về những vấn đề gần gũi với đời sống và hiểu biết của HS với cấu trúc thông dụng; điền được một số mẫu giấy tờ, soạn được một số VB nhật dụng như biên bản ghi nhớ công việc, thư điện tử, VB tường trình, quảng cáo và bài phỏng vấn. Viết đúng quy trình, biết cách tìm tài liệu để đáp ứng yêu cầu viết VB; có hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ và biết cách trích dẫn VB.

Trình bày để hiểu các ý tưởng và cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ thích hợp khi nói; kể lại được một cách mạch lạc câu chuyện đã đọc, đã nghe; biết chia sẻ những cảm xúc, thái độ, trải nghiệm, ý tưởng của mình đối với những vấn đề được nói đến; thảo luận ý kiến về vấn đề đã đọc, đã nghe; thuyết minh về một đối tượng hay quy trình; biết cách nói thích hợp với mục đích, đối tượng và ngữ cảnh giao tiếp; biết sử dụng hình ảnh, kí hiệu, biểu đồ,... để trình bày vấn đề một cách hiệu quả.

Nghe hiểu với thái độ phù hợp và tóm tắt được nội dung; nhận biết và bước đầu đánh giá được lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng; nhận biết được cảm xúc của người nói; biết cách phản hồi những gì đã nghe một cách hiệu quả.

b. Năng lực văn học

Nhận biết và phân biệt được các loại VB văn học: truyện, thơ, kí, kịch và một số thể loại tiêu biểu cho mỗi loại; phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học; hiểu nội dung tường minh và hàm ẩn của VB văn học. Trình bày được cảm nhận, suy nghĩ về tác phẩm văn học và tác động của tác phẩm đối với bản thân; bước đầu tạo ra được một số sản phẩm có tính văn học.

Ở lớp 6 và lớp 7: nhận biết được đề tài, hiểu được chủ đề, ý nghĩa của VB đã đọc;

nhận biết được truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; kí trữ tình và kí tự sự; nhận biết được chủ thể trữ tình, nhân vật trữ tình và giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật gắn với đặc điểm của mỗi thể loại văn học (cốt truyện, lời người kể chuyện, lời nhân vật, không gian và thời gian, vần, nhịp, hình ảnh và các biện pháp tu từ như ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh).

Ở lớp 8 và lớp 9: hiểu được thông điệp, tư tưởng, tình cảm và thái độ của tác giả trong VB; nhận biết được kịch bản văn học, tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch; nội dung và hình thức của tác phẩm văn học, hình tượng văn học; nhận biết và phân tích được tác dụng của một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học (sự kết hợp giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật, điểm nhìn, xung đột, luật thơ, kết cấu, từ ngữ, mạch cảm xúc trữ tình; các biện pháp tu từ như điệp ngữ, chơi chữ). Nhận biết một số nét khái quát về lịch sử văn học Việt Nam; hiểu tác động của văn học với đời sống của bản thân.

1.5. Nội dung giáo dục

1.5.1. Nội dung khái quát

Nội dung dạy học được xác định dựa trên các yêu cầu cần đạt của mỗi lớp, gồm: hoạt động đọc, viết, nói và nghe; kiến thức (tiếng Việt, văn học); ngữ liệu.

a. Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe

– Yêu cầu cần đạt về kĩ năng đọc

+ Kĩ thuật đọc: gồm các yêu cầu về tư thế đọc, kĩ năng đọc thành tiếng, kĩ năng đọc thầm, đọc lướt, kĩ năng ghi chép trong khi đọc,...

+ Đọc hiểu: đối tượng đọc gồm VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin.

Đọc hiểu mỗi kiểu VB và thể loại nói chung có các yêu cầu cần đạt sau:

• Đọc hiểu nội dung VB thể hiện qua chi tiết, đề tài, chủ đề, tư tưởng, thông điệp,...;

• Đọc hiểu hình thức thể hiện qua đặc điểm các kiểu VB và thể loại, các thành tố của mỗi kiểu VB và thể loại (câu chuyện, cốt truyện, truyện kể, nhân vật, không gian, thời gian, người kể chuyện, điểm nhìn, vần thơ, nhịp thơ, lí lẽ, bằng chứng,...), ngôn ngữ biểu đạt,...;

• Liên hệ, so sánh giữa các VB, kết nối VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối VB với trải nghiệm cá nhân người đọc; đọc hiểu VB đa phương thức,...;

• Đọc mở rộng, học thuộc lòng một số đoạn, VB văn học chọn lọc.

– Yêu cầu cần đạt về kĩ năng viết:

+ Kĩ thuật viết: gồm các yêu cầu về tư thế viết, kĩ năng viết chữ và viết chính tả, kĩ năng trình bày bài viết,...

+ Viết câu, đoạn, VB: gồm các yêu cầu về quy trình tạo lập VB và yêu cầu thực hành

viết theo đặc điểm của các kiểu VB.

– Yêu cầu cần đạt về các kĩ năng nói và nghe:

+ Kĩ năng nói: gồm các yêu cầu về âm lượng, tốc độ, sự liên tục, cách diễn đạt, trình bày, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ, phương tiện hỗ trợ khi nói,...

+ Kĩ năng nghe: gồm các yêu cầu về cách nghe, cách ghi chép, hỏi đáp, thái độ, sự kết hợp các cử chỉ, điệu bộ khi nghe, nghe qua các phương tiện kĩ thuật,...

+ Kĩ năng nói và nghe có tính tương tác: gồm các yêu cầu về thái độ, sự tôn trọng nguyên tắc hội thoại và các quy định trong thảo luận, phỏng vấn,...

b. Kiến thức

– Tiếng Việt: những hiểu biết cơ bản về từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp, sự phát triển ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ (từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội; ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, số liệu, biểu đồ, sơ đồ), giúp HS có khả năng hiểu các hiện tượng ngôn ngữ có liên quan và vận dụng trong giao tiếp.

– Văn học: những hiểu biết về các thể loại (truyện dân gian, truyện ngắn, thơ trữ tình và thơ tự sự; kí trữ tình và kí tự sự; tiểu thuyết và truyện thơ Nôm, thơ cách luật và thơ tự do, bi kịch và hài kịch); chủ thể trữ tình và nhân vật trữ tình; giá trị biểu cảm, giá trị nhận thức của tác phẩm văn học; một số yếu tố hình thức và biện pháp nghệ thuật thuộc mỗi thể loại văn học (người kể chuyện, người kể chuyện ngôi thứ nhất, người kể chuyện ngôi thứ ba, nhân vật, điểm nhìn, sự thay đổi người kể chuyện và điểm nhìn, xung đột, không gian và thời gian, lời người kể chuyện và lời nhân vật, mạch cảm xúc trữ tình, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, luật thơ, kết cấu); cuối lớp 9 có tổng kết sơ giản về lịch sử văn học.

c. Ngữ liệu

– Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu: Trong môn Ngữ văn, ngữ liệu là một bộ phận cấu thành của nội dung giáo dục, góp phần quan trọng trong việc hình thành, phát triển ở HS những phẩm chất và năng lực được nêu trong Chương trình. Chương trình chỉ nêu định hướng về các kiểu VB và thể loại được dạy ở từng lớp; riêng ở cấp Tiểu học có quy định độ dài của VB.

Để đáp ứng yêu cầu hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, ngữ liệu được lựa chọn bảo đảm các tiêu chí sau:

+ Phục vụ trực tiếp cho việc phát triển các phẩm chất và năng lực theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình.

+ Phù hợp với kinh nghiệm, năng lực nhận thức, đặc điểm tâm – sinh lí của HS ở từng lớp học, cấp học. Từ ngữ dùng làm ngữ liệu dạy tiếng ở cấp Tiểu học được chọn lọc trong phạm vi vốn từ văn hoá, có ý nghĩa tích cực, bảo đảm mục tiêu giáo dục phẩm chất, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thẩm mỹ và phù hợp với tâm lí HS.

+ Có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật, tiêu biểu về kiểu VB và thể loại, chuẩn mực và sáng tạo về ngôn ngữ.

+ Phản ánh được thành tựu về tư tưởng, văn học, văn hoá dân tộc; thể hiện tinh thần yêu nước, độc lập dân tộc, ý thức về chủ quyền quốc gia; có tính nhân văn, giáo dục lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu chân – thiện – mỹ, tình yêu thiên nhiên, tinh thần hội nhập quốc tế, hướng đến những giá trị phổ quát của nhân loại.

Chương trình có định hướng mở về ngữ liệu. Tuy vậy, để bảo đảm nội dung giáo dục cốt lõi, thống nhất trên cả nước, bên cạnh những VB gợi ý tác giả SGK và GV lựa chọn, Chương trình quy định một số VB bắt buộc và VB bắt buộc lựa chọn.

– Tác phẩm bắt buộc:

- + *Nam quốc sơn hà* (Thời Lý)
- + *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn
- + *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi
- + *Truyện Kiều* của Nguyễn Du
- + *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu
- + *Tuyên ngôn Độc lập* của Hồ Chí Minh

– Tác phẩm bắt buộc lựa chọn:

+ Văn học dân gian Việt Nam:

- Chọn ít nhất 4 tác phẩm đại diện cho 4 thể loại trong kho tàng truyện dân gian Việt Nam: truyện thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười

- Chọn ít nhất 3 bài ca dao về các chủ đề: quê hương đất nước; tình yêu, tình cảm gia đình; con người và xã hội (trữ tình hoặc trào phúng)

- Chọn ít nhất 1 sử thi Việt Nam

- Chọn ít nhất 1 truyện thơ của các dân tộc ít người Việt Nam

- Chọn ít nhất 1 kịch bản chèo hoặc tuồng

+ Văn học viết Việt Nam, chọn ít nhất 1 tác phẩm của mỗi tác giả sau:

- Thơ Nôm, văn nghị luận của Nguyễn Trãi

- Thơ chữ Hán của Nguyễn Du

- Thơ Nôm của Hồ Xuân Hương

- Thơ Nôm của Nguyễn Đình Chiểu

- Thơ Nôm của Nguyễn Khuyến

- Truyện và thơ của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh

- Truyện ngắn, tiểu thuyết của Nam Cao

- Tiểu thuyết, phóng sự của Vũ Trọng Phụng

- Thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám

- Thơ của Tố Hữu trước và sau Cách mạng tháng Tám

- Truyện ngắn, kí của Nguyễn Tuân

- Kịch của Nguyễn Huy Tưởng

- Kịch của Lưu Quang Vũ

+ Văn học nước ngoài, chọn ít nhất 1 tác phẩm cho mỗi nền văn học sau: Anh, Pháp, Mỹ, Hy Lạp, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ.

1.5.2. Nội dung chương trình Ngữ văn lớp 8

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
ĐỌC ĐỌC HIỂU VB văn học <i>Đọc hiểu nội dung</i> – Nêu được nội dung bao quát của VB; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm. – Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. – Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB. <i>Đọc hiểu hình thức</i> – Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận VB văn học. – Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười, truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. – Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. – Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng. – Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.	KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT 1.1. Nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng 1.2. Sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ 1.3. Từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng 1.4. Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng (ví dụ: vô, hữu) và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó (ví dụ: vô tư, vô hình, hữu quan, hữu hạn) 2.1. Trợ từ, thán từ: đặc điểm và chức năng 2.2. Thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng 2.3. Câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm; câu khẳng định và câu phủ định: đặc điểm và chức năng 3.1. Biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng 3.2. Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu 3.3. Các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng. Liên hệ, so sánh, kết nối - Hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp nhận riêng đối với một VB văn học; biết tôn trọng và học hỏi cách tiếp nhận của người khác. - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học. - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học. Đọc mở rộng - Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học. - Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình. VB nghị luận Đọc hiểu nội dung - Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB. - Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.	3.4. Kiểu VB và thể loại - VB tự sự: bài văn kể lại một chuyển đi hay một hoạt động xã hội - VB biểu cảm: thơ sáu chữ, bảy chữ; đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ sáu, bảy chữ - VB nghị luận: luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; bài thảo luận về một vấn đề của đời sống; bài phân tích một tác phẩm văn học - VB thông tin: thông tin khách quan, ý kiến chủ quan và mục đích của VB; VB thuyết minh để giải thích một hiện tượng tự nhiên; bài giới thiệu một cuốn sách; VB kiến nghị 4.1. Từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương: chức năng và giá trị 4.2. Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị 4.3. Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,... KIẾN THỨC VĂN HỌC 1.1. Tưởng tượng trong tác phẩm văn học

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
<i>Độc hiểu hình thức</i> Phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> Liên hệ được nội dung nêu trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại. <i>Độc mở rộng</i> Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 9 VB nghị luận (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có độ dài tương đương với các VB đã học. VB thông tin <i>Độc hiểu nội dung</i> – Phân tích được thông tin cơ bản của VB. – Phân tích được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của VB. <i>Độc hiểu hình thức</i> – Nhận biết và phân tích được đặc điểm của một số kiểu VB thông tin: VB giải thích một hiện tượng tự nhiên; VB giới thiệu một cuốn sách hoặc bộ phim đã xem; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. – Nhận biết và phân tích được cách trình bày thông tin trong VB như theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng của đối tượng hoặc cách so sánh và đối chiếu. <i>Liên hệ, so sánh, kết nối</i> – Liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại.	1.2. Nhan đề và cách đặt nhan đề VB 1.3. Đề tài và chủ đề, cách xác định chủ đề; kết cấu 2.1. Cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ trong truyện cười, truyện lịch sử 2.2. Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến 2.3. Các thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng 2.4. Một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt luật Đường: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối 2.5. Một số yếu tố hình thức của một bài thơ: từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc 2.6. Xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng trong kịch bản văn học (hài kịch) 2.7. Một số yếu tố hình thức của thơ tự do (sáu, bảy chữ): số lượng câu, chữ, vần, nhịp 3.1. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một VB văn học 3.2. Nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Đánh giá được hiệu quả biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một VB cụ thể. Đọc mở rộng Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 VB thông tin (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu VB và độ dài tương đương với các VB đã học.	
VIẾT Quy trình viết Biết viết VB bảo đảm các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, người đọc, hình thức, thu thập thông tin, tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm. Thực hành viết – Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng các yếu tố miêu tả và/ hay biểu cảm trong VB. – Bước đầu biết làm một bài thơ tự do (sáu, bảy chữ). Viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. – Viết được VB nghị luận về một vấn đề của đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết về vấn đề đó; nêu được lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. – Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.	NGŨ LIỆU 1.1. VB văn học – Truyện cười, truyện ngắn, truyện lịch sử – Thơ trào phúng, thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt luật Đường; thơ sáu, bảy chữ – HÀi KỊCH 1.2. VB nghị luận – Nghị luận xã hội – Nghị luận văn học 1.3. VB thông tin – VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, VB giới thiệu một cuốn sách – VB kiến nghị

Yêu cầu cần đạt	Nội dung
– Viết được VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên hoặc giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. – Viết được VB kiến nghị về một vấn đề đời sống. NÓI VÀ NGHE Nói – Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nêu rõ ý kiến và các luận điểm; sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục (có thể sử dụng công nghệ thông tin để tăng hiệu quả trình bày). – Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (theo lựa chọn cá nhân): cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. Nghe – Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. – Nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã trao đổi, thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. Nói nghe tương tác Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi.	

1.6. Phương pháp giáo dục

1.6.1. Định hướng chung

Chương trình Ngữ văn vận dụng các phương pháp giáo dục theo định hướng chung là dạy học tích hợp và phân hoá; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kĩ năng của HS.

Căn cứ vào chương trình, GV chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học theo định hướng sau:

a. Thực hiện yêu cầu tích hợp nội môn (cả kiến thức và kỹ năng), tích hợp liên môn và tích hợp những nội dung giáo dục ưu tiên (xuyên môn); thực hiện dạy học phân hoá theo đối tượng HS ở tất cả các cấp và phân hoá góp phần định hướng nghề nghiệp ở Trung học phổ thông.

b. Rèn luyện cho HS phương pháp đọc, viết, nói và nghe; thực hành, trải nghiệm việc tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học; chú trọng sử dụng các phương tiện dạy học, khắc phục tình trạng dạy theo kiểu đọc chép, phát triển tư duy, rèn luyện kỹ năng sử dụng các phương tiện cho HS.

c. Tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HS; dành nhiều thời gian cho HS nghiên cứu SGK và tài liệu học tập, luyện tập, thực hành, trình bày, thảo luận, bảo vệ kết quả học tập để HS biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

1.6.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Để hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã nêu trong Chương trình tổng thể, GV lựa chọn những phương pháp giáo dục phù hợp với môn Ngữ văn và đối tượng HS; không chỉ thông qua những nội dung dạy học đa dạng, phong phú, giàu tính thẩm mỹ – nhân văn mà còn bằng các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách kiểm tra, đánh giá trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập VB với việc chú trọng phát huy tính chủ động, sáng tạo của HS.

a. Phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu

Thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại VB đa dạng, môn Ngữ văn trực tiếp hình thành và phát triển cho HS các phẩm chất chủ yếu với những biểu hiện chính sau đây:

– Biết yêu thiên nhiên, yêu đất nước với những biểu hiện phong phú trong cuộc sống cũng như trong văn học; yêu quý và tự hào về truyền thống của gia đình, quê hương, đất nước; kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với đất nước; biết trân trọng và bảo vệ cái đẹp; giới thiệu và giữ gìn các giá trị văn hoá, các di tích lịch sử; có lí tưởng sống và có ý thức sâu sắc về chủ quyền quốc gia và tương lai của dân tộc.

– Biết quan tâm đến những người thân, tôn trọng bạn bè, thầy cô; biết nhường nhịn,

vị tha; biết xúc động trước những con người và việc làm tốt, giữ được mối quan hệ hài hoà với người khác; biết cảm thông, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, tình yêu thương đối với những người xung quanh cũng như đối với các nhân vật trong tác phẩm; tôn trọng sự khác biệt về hoàn cảnh và văn hoá, biết tha thứ, độ lượng với người khác.

– Chăm đọc sách báo; thường xuyên hoàn thành nhiệm vụ học tập, siêng năng trong công việc gia đình, nhà trường; yêu lao động, có ý chí vượt khó; tích cực rèn luyện để chuẩn bị nghề nghiệp cho tương lai.

– Sống thật thà, ngay thẳng, thành thật với bản thân và người khác; yêu lẽ phải, trọng chân lí; thẳng thắn trong việc thể hiện những suy nghĩ, tình cảm của mình.

– Biết giữ lời hứa, dám chịu trách nhiệm về lời nói, hành động và hậu quả do công việc mình đã làm; có thái độ và hành vi tôn trọng các quy định chung nơi công cộng; có ý thức sẵn sàng thực hiện trách nhiệm công dân; biết giữ gìn tư cách, bản sắc của công dân Việt Nam; đồng thời, biết tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại để hội nhập quốc tế, trở thành công dân toàn cầu.

b. Phương pháp hình thành, phát triển các năng lực chung

Môn Ngữ văn có nhiều ưu thế trong việc góp phần hình thành và phát triển toàn diện các năng lực chung nêu trong Chương trình tổng thể. Những năng lực chung này được hình thành và phát triển không chỉ thông qua nội dung dạy học mà còn thông qua phương pháp và hình thức tổ chức dạy học mới với việc chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS trong hoạt động tiếp nhận và tạo lập VB.

– Năng lực tự chủ và tự học:

Môn Ngữ văn hình thành, phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Đây là công cụ quan trọng để HS học các môn học khác và tự học. HS biết tự tìm kiếm, đánh giá và lựa chọn nguồn tài liệu phù hợp với các mục đích, nhiệm vụ học tập khác nhau; biết lưu trữ và xử lí thông tin bằng các hình thức phù hợp.

Thông qua đọc, viết, nói và nghe các kiểu, loại VB đa dạng, môn Ngữ văn mang lại cho HS những trải nghiệm phong phú; nhờ đó, HS phát triển được vốn sống; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và khả năng của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp, sự tự tin và tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống. Môn Ngữ văn cũng giúp HS có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức, tự học và tự điều chỉnh để hoàn thiện bản thân.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác:

Môn Ngữ văn là môn học đóng vai trò chủ đạo trong việc hình thành, phát triển năng lực giao tiếp cho HS.

Qua môn Ngữ văn, HS biết xác định mục đích giao tiếp, lựa chọn nội dung, kiểu VB và thể loại, ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp để thảo luận, lập luận, phản hồi, đánh giá về các vấn đề trong học tập và đời sống; biết tiếp nhận các kiểu VB và thể loại đa dạng; chủ động, tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ trong giao tiếp.

Cũng qua môn Ngữ văn, HS phát triển khả năng nhận biết, thấu hiểu và đồng cảm với suy nghĩ, tình cảm, thái độ của người khác; biết sống hoà hợp và hoá giải các mâu thuẫn; thiết lập và phát triển mối quan hệ với người khác; phát triển khả năng làm việc nhóm, làm tăng hiệu quả hợp tác.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

Năng lực giải quyết vấn đề trong môn Ngữ văn được thể hiện ở khả năng đánh giá nội dung của VB, biết làm rõ thông tin, ý tưởng mới và phức tạp từ các nguồn thông tin khác nhau; biết phân tích các nguồn thông tin độc lập để thấy được khuynh hướng, độ tin cậy của những thông tin và ý tưởng mới; biết quan tâm tới các chứng cứ khi nhìn nhận, đánh giá sự vật, hiện tượng; biết đánh giá vấn đề, tình huống dưới những góc nhìn khác nhau.

Môn Ngữ văn đề cao vai trò của HS với tư cách là người đọc tích cực, chủ động, không chỉ trong hoạt động tiếp nhận mà còn trong việc tạo nghĩa cho VB. Khi viết, HS cần phải bắt đầu từ việc hình thành ý tưởng và triển khai ý tưởng một cách sáng tạo. Qua việc học môn Ngữ văn, nhất là đọc và viết về văn học, HS có được khả năng đề xuất ý tưởng, tạo ra sản phẩm mới; suy nghĩ không theo lối mòn, biết cách giải quyết vấn đề một cách sáng tạo, phù hợp với tình huống, bối cảnh.

1.6.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các năng lực đặc thù

1.6.3.1. Phương pháp dạy đọc

Mục đích chủ yếu của dạy đọc trong nhà trường phổ thông là giúp HS biết đọc và tự đọc được VB; thông qua đó bồi dưỡng, giáo dục phẩm chất, nhân cách HS. Đối tượng đọc gồm VB văn học, VB nghị luận và VB thông tin. Mỗi kiểu VB có những đặc điểm riêng, vì thế cần có cách dạy đọc hiểu VB phù hợp.

a. Dạy đọc hiểu VB nói chung: Yêu cầu HS đọc trực tiếp toàn bộ VB, chú ý quan sát các yếu tố hình thức của VB, từ đó có ấn tượng chung và tóm tắt được nội dung chính của VB; tổ chức cho HS tìm kiếm, phát hiện, phân tích, suy luận ý nghĩa các thông tin, thông điệp, quan điểm, thái độ, tư tưởng, tình cảm, cảm xúc,... được gửi gắm trong VB;

hướng dẫn HS liên hệ, so sánh giữa các VB, kết nối VB với bối cảnh lịch sử, văn hoá, xã hội, kết nối VB với trải nghiệm của cá nhân,... để hiểu sâu hơn giá trị của VB, biết vận dụng, chuyển hoá những giá trị ấy thành niềm tin và hành vi ứng xử của cá nhân trong cuộc sống hằng ngày.

b. Dạy đọc hiểu VB văn học: VB văn học cũng là một loại VB, nên dạy đọc hiểu VB văn học cũng cần tuân thủ cách đọc hiểu VB nói chung. Tuy nhiên, VB văn học có những đặc điểm riêng vì thế GV tổ chức cho HS tìm hiểu, giải mã VB văn học theo một quy trình phù hợp với đặc trưng của VB nghệ thuật. HS cần được hướng dẫn, luyện tập đọc tác phẩm văn học theo quy trình từ tri nhận VB ngôn từ đến khám phá thế giới hình tượng nghệ thuật và tìm kiếm, đúc kết nội dung ý nghĩa; kĩ năng tìm kiếm, diễn giải mối quan hệ giữa cái “toàn thể” và chi tiết “bộ phận” của VB, phát hiện tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của tác phẩm văn học.

Phương pháp dạy đọc phải tập trung kích hoạt việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc. Hướng dẫn và khích lệ HS chủ động, tự tin, phát huy vai trò “đồng sáng tạo” trong tiếp nhận tác phẩm; hứng thú tham gia kiến tạo nghĩa cho VB; biết so sánh đối chiếu, liên hệ mở rộng, huy động vốn hiểu biết cá nhân, sử dụng trải nghiệm cuộc sống của bản thân để đọc hiểu, trải nghiệm văn học, phát hiện những giá trị đạo đức, văn hoá và triết lí nhân sinh, từ đó biết vận dụng, chuyển hoá thành giá trị sống. Khi dạy học đọc hiểu, GV chú ý giúp HS tự phát hiện thông điệp, ý nghĩa, góp phần lấp đầy “khoảng trống” của VB. GV có những gợi ý, nhưng không lấy việc phân tích, bình giảng của mình thay thế cho những suy nghĩ của HS; tránh đọc chép và hạn chế ghi nhớ máy móc. Sử dụng đa dạng các loại câu hỏi ở những mức độ khác nhau để thực hiện dạy học phân hoá và hướng dẫn HS đọc hiểu VB, hình thành kĩ năng đọc.

Tùy vào đối tượng HS ở từng cấp học, lớp học và thể loại của VB văn học mà vận dụng các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học đọc hiểu cho phù hợp như: đọc diễn cảm, đọc phân vai, kể chuyện, đóng vai để giải quyết một tình huống, diễn kịch, sử dụng câu hỏi, hướng dẫn ghi chép trong tiến trình đọc bằng các phiếu ghi chép, phiếu học tập, nhật kí đọc sách, tổ chức cho HS thảo luận về VB, chuyển thể tác phẩm văn học từ thể loại này sang thể loại khác, vẽ tranh, làm phim, trải nghiệm những tình huống mà nhân vật đã trải qua,... Một số phương pháp dạy học khác như đàm thoại, vấn đáp, diễn giảng, nêu vấn đề,... cũng cần được vận dụng một cách phù hợp theo yêu cầu phát triển năng lực cho HS.

1.6.3.2. Phương pháp dạy viết

Mục đích của dạy viết là rèn luyện tư duy và cách viết, qua đó mà giáo dục phẩm chất và phát triển nhân cách HS. Vì thế khi dạy viết, GV chú trọng yêu cầu tạo ra ý tưởng và biết cách trình bày ý tưởng một cách mạch lạc, sáng tạo và có sức thuyết phục.

GV tập trung vào yêu cầu hướng dẫn HS các bước tạo lập VB, thực hành viết theo các bước và đặc điểm của kiểu VB. Thông qua thực hành, GV hướng dẫn HS phân tích các VB ở phần đọc hiểu và VB bổ sung để nắm được đặc điểm của các kiểu VB, quy trình tạo lập VB; sử dụng các câu hỏi giúp HS xác định được mục đích và nội dung viết; giới thiệu các nguồn tư liệu, hướng dẫn cách tìm ý tưởng và phác thảo dàn ý; hướng dẫn HS viết VB; tự chỉnh sửa và trao đổi dựa trên các tiêu chí đánh giá bài viết.

Ở cấp Tiểu học, dạy viết có hai yêu cầu: dạy kỹ thuật viết và dạy viết đoạn văn, VB. Dạy kỹ thuật viết (tập viết, chính tả) chủ yếu sử dụng phương pháp thực hành theo mẫu. Dạy viết đoạn văn, bài văn một cách linh hoạt, có thể sử dụng các phương pháp như rèn luyện theo mẫu, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, viết sáng tạo,...

Ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, GV yêu cầu HS thực hiện những nhiệm vụ phức tạp hơn như thu thập thông tin cho bài viết từ nhiều nguồn (tài liệu in, tài liệu trên mạng, phỏng vấn, thu thập dữ liệu từ thực tế); thảo luận, phân tích về tiêu chí đánh giá bài viết; biết tự chỉnh sửa, trao đổi trong nhóm để hoàn thiện bài viết và rút kinh nghiệm sau mỗi lần viết bài,... Ở hai cấp học này, ngoài việc tiếp tục phương pháp phân tích mẫu các kiểu VB, GV chú ý hướng dẫn kỹ thuật viết tích cực nhằm giúp HS vừa thành thạo kỹ năng tạo lập theo từng kiểu VB, vừa phát triển tư duy phê phán, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thể hiện qua bài viết. Bên cạnh các VB thông thường, HS còn được rèn luyện tạo lập VB điện tử và VB đa phương thức.

GV sử dụng những phương pháp như phân tích mẫu, đặt câu hỏi, nêu vấn đề, gợi mở,... để hướng dẫn HS hình thành dàn ý, lựa chọn cách triển khai, diễn đạt; tổ chức cho HS thực hành viết VB, có thể viết từng phần: Mở bài, Kết bài, một hoặc một số đoạn trong Thân bài.

Tổ chức dạy viết đoạn và bài văn thường gồm các hoạt động chủ yếu như: nêu nhiệm vụ mà HS cần thực hiện; yêu cầu HS làm việc cá nhân, cặp đôi hoặc theo nhóm; tổ chức trình bày kết quả làm việc, thảo luận về các nhiệm vụ được giao và tự rút ra nội dung bài học; nhận xét, đánh giá,...; sau khi viết xong, HS cần có cơ hội nói, trình bày những gì đã viết.

1.6.3.3. Phương pháp dạy nói và nghe

Mục đích của dạy nói và nghe là nhằm giúp HS có khả năng diễn đạt, trình bày bằng ngôn ngữ nói một cách rõ ràng, tự tin; có khả năng hiểu đúng; biết tôn trọng người nói,

người nghe; có thái độ phù hợp trong trao đổi, thảo luận. Dạy nói và nghe không chỉ phát triển năng lực giao tiếp mà còn giáo dục phẩm chất và nhân cách HS.

Trong dạy nói, GV hướng dẫn cho HS quan sát, phân tích mẫu đồng thời hướng dẫn cách làm và tổ chức cho HS thực hành; hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài thuyết trình và trình bày trước nhóm, tổ, lớp; cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận.

Trong dạy nghe, GV hướng dẫn HS cách nắm bắt được nội dung nghe, cách hiểu và đánh giá quan điểm, ý định của người nói; cách kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói, tôn trọng những ý kiến khác biệt; cách hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

Đối với kĩ năng nói nghe tương tác, GV hướng dẫn HS biết lắng nghe và biết đặt câu hỏi để hiểu nội dung nghe, biết nói theo lượt lời trong hội thoại, biết dùng các phương tiện nghe nhìn khác để hỗ trợ cho lời trình bày miệng.

Thực hành nghe nói là hoạt động chính, nhằm rèn kĩ năng nghe nói cho HS. Để tạo điều kiện cho mọi HS được thực hành nói, GV linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động học tập như: yêu cầu từng cặp HS nói cho nhau nghe hoặc HS trình bày bài nói trước nhóm, lớp; tổ chức cho HS thảo luận, tranh luận, qua đó hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực, hợp tác khi trao đổi, thảo luận và có khả năng giải quyết vấn đề qua trao đổi, thảo luận; chia nhóm, lắng nghe nhận xét, rút kinh nghiệm dựa trên những hướng dẫn cụ thể về tiêu chí đánh giá mà GV cung cấp.

1.7. Đánh giá kết quả giáo dục

1.7.1. Mục tiêu đánh giá

Đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học tập môn học, để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển Chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục.

1.7.2. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực đối với HS mỗi lớp học, cấp học đã quy định trong Chương trình.

1.7.3. Nội dung đánh giá

Trong môn Ngữ văn, GV đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù và sự tiến bộ của HS thông qua các hoạt động đọc, viết, nói, nghe.

Đánh giá hoạt động đọc: Tập trung vào yêu cầu HS hiểu nội dung, chủ đề của VB, quan điểm và ý định của người viết; xác định các đặc điểm thuộc về phương thức thể hiện, nhất là về mặt kiểu VB, thể loại và ngôn ngữ sử dụng; trả lời các câu hỏi theo những cấp độ tư duy khác nhau; lập luận, giải thích cho cách hiểu của mình; nhận xét, đánh giá về giá trị và sự tác động của VB đối với bản thân; thể hiện cảm xúc đối với những vấn đề được đặt ra trong VB; liên hệ, so sánh giữa các VB và giữa VB với đời sống.

Đánh giá hoạt động viết: Tập trung vào yêu cầu HS tạo lập các kiểu VB: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, nhật dụng. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như nội dung, kết cấu bài viết, khả năng biểu đạt và lập luận, hình thức ngôn ngữ và trình bày,...

Đánh giá hoạt động nói và nghe: Tập trung vào yêu cầu HS nói đúng chủ đề và mục tiêu; sự tự tin, năng động của người nói; biết chú ý đến người nghe; biết tranh luận và thuyết phục; có kĩ thuật nói thích hợp; biết sử dụng các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ và phương tiện công nghệ hỗ trợ. Đối với kĩ năng nghe, yêu cầu HS nắm bắt nội dung do người khác nói; nắm bắt và đánh giá được quan điểm, ý định của người nói; biết đặt câu hỏi, nêu vấn đề, trao đổi để kiểm tra những thông tin chưa rõ; có thái độ nghe tích cực và tôn trọng người nói; biết lắng nghe và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Đánh giá phẩm chất và năng lực chung trong môn Ngữ văn tập trung vào các hành vi, việc làm, cách ứng xử, những biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS khi đọc, viết, nói và nghe; thực hiện chủ yếu bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét,...

1.7.4. Cách thức đánh giá

Đánh giá trong môn Ngữ văn thực hiện bằng hai cách: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục trong suốt quá trình dạy học, do GV môn học tổ chức; hình thức đánh giá gồm: GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Để đánh giá thường xuyên, GV có thể dựa trên quan sát và ghi chép hằng ngày về HS, việc HS trả lời câu hỏi hoặc thuyết trình làm bài kiểm tra, viết phân tích và phản hồi văn học, viết thu hoạch, làm dự án sưu tầm tư liệu, làm bài tập nghiên cứu,...

Đánh giá định kì được thực hiện ở thời điểm gần cuối hoặc cuối một giai đoạn học tập (cuối học kì, cuối cấp học) do cơ sở giáo dục tổ chức thực hiện để phục vụ công tác quản lí hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng giáo dục và phục vụ công tác phát triển chương trình, tài liệu học tập. Đánh giá định kì thường thông qua các đề kiểm tra hoặc đề thi viết. Đề thi, kiểm tra có thể yêu cầu hình thức viết tự luận (một hoặc nhiều câu);

có thể kết hợp hình thức trắc nghiệm khách quan (câu hỏi trắc nghiệm khách quan) và hình thức tự luận (câu hỏi mở) để đánh giá đọc hiểu và yêu cầu viết bài văn về một chủ đề nào đó theo từng kiểu VB đã học trong Chương trình. Có thể sử dụng hình thức kiểm tra vấn đáp (để đánh giá nói và nghe) nếu thấy cần thiết và có điều kiện. Trong việc đánh giá kết quả học tập cuối năm học, cuối cấp học, cần đổi mới cách thức đánh giá (cấu trúc đề, cách nêu câu hỏi, phân giải độ khó,...); sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá được năng lực của HS, khắc phục tình trạng HS chỉ học thuộc bài hoặc sao chép tài liệu có sẵn; tránh dùng lại các VB ngữ liệu đã học để đánh giá được chính xác khả năng đọc hiểu và phân tích, cảm thụ tác phẩm văn học.

Dù đánh giá theo hình thức nào cũng đều phải bảo đảm nguyên tắc HS được bộc lộ, thể hiện phẩm chất, năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, tư duy hình tượng và tư duy lô-gíc, những suy nghĩ và tình cảm của chính HS, không vay mượn, sao chép; khuyến khích các bài viết có cá tính và sáng tạo. HS cần được hướng dẫn tìm hiểu để có thể nắm vững mục tiêu, phương pháp và hệ thống các tiêu chí dùng để đánh giá các phẩm chất, năng lực này.

1.8. Thiết bị dạy học

Thiết bị dạy học tối thiểu của môn Ngữ văn là tủ sách tham khảo, có đủ các loại VB lớn là VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin; có đủ các hình thức sách truyện, sách truyện tranh. Trong mỗi loại VB lớn có đủ các tiểu loại: VB văn học gồm truyện, thơ, kịch, kí; VB nghị luận gồm nghị luận văn học và nghị luận xã hội; VB thông tin gồm VB thuyết minh và VB nhật dụng. Một số tranh ảnh như chân dung các nhà văn lớn có trong Chương trình; tranh ảnh minh hoạ cho nội dung, nghệ thuật của một số tác phẩm lớn như *Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, *Bình Ngô đại cáo*, *Truyện Kiều*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Tuyên ngôn Độc lập*,...

Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, có máy tính, màn hình và máy chiếu (projector); trang bị thêm một số phần mềm dạy học tiếng Việt; các CD, video clip có nội dung giới thiệu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của đất nước, quê hương của các nhà văn (để dạy và học VB thuyết minh); một số bộ phim hoạt hình, phim truyện được chuyển thể từ các tác phẩm văn học hoặc các CD, video clip ghi một số vở diễn từ các kịch bản văn học; các băng đĩa CD ghi bản nhạc được phổ từ các bài thơ đã chọn làm ngữ liệu dạy học hay một số VB đọc mở rộng, các cuộc giao lưu, nói chuyện chuyên đề của các nhà văn, nhà nghiên cứu, phê bình văn học; các SGK Ngữ văn, sách văn học và các tài liệu dạng điện tử.

2 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 8

2.1. Quan điểm biên soạn

Quan điểm biên soạn SGK *Ngữ văn 8* thống nhất với quan điểm biên soạn SGK *Ngữ văn* cấp THCS và THPT thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* nói chung, cụ thể là:

– SGK mới cần được biên soạn theo mô hình SGK phát triển năng lực và phẩm chất của người học. Thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe, HS được phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Đồng thời, SGK cũng cần chú trọng bồi dưỡng cho HS các phẩm chất chủ yếu được quy định trong Chương trình GDPT năm 2018, đặc biệt là những phẩm chất gắn với đặc thù của môn *Ngữ văn* như: lòng nhân ái, khoan dung, tình yêu quê hương, đất nước.

– SGK mới cần triển khai dạy học tích hợp các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe trong cùng một bài học; tích hợp kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn học với hoạt động đọc, viết, nói và nghe; tích hợp kiến thức ngôn ngữ, văn học với kiến thức về văn hoá, khoa học, nghệ thuật, đáp ứng mục tiêu phát triển hiệu quả các năng lực và phẩm chất của người học.

– Sách mới cần lựa chọn hệ thống ngữ liệu thực sự phù hợp với vốn sống, trải nghiệm và tâm lí tiếp nhận của HS, có giá trị thẩm mĩ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài vì ngữ liệu là “chất liệu” góp phần quyết định chất lượng sách và chất lượng của một giờ dạy học môn *Ngữ văn*; không có SGK *Ngữ văn* tốt cũng như không có một giờ dạy học *Ngữ văn* hiệu quả nếu không có ngữ liệu được lựa chọn kĩ lưỡng và hợp lí. Bên cạnh việc đáp ứng yêu cầu cần đạt của Chương trình, ngữ liệu trong SGK *Ngữ văn 8* cần chú ý đến việc giúp HS có cái nhìn tương đối toàn diện về những thành tựu lớn của văn học Việt Nam và văn học thế giới. Nguyên tắc này được đặt ra từ SGK cấp THCS và sẽ được chú ý hơn ở cấp THPT. Tuy vậy, sách không nhất thiết phải dạy đầy đủ các tác phẩm lớn qua các giai đoạn của lịch sử văn học như SGK theo mô hình truyền thống vốn chú trọng cung cấp kiến thức văn học sử.

– Sách cần trình bày tường minh các yêu cầu cần đạt và hướng dẫn các hoạt động dạy học một cách cụ thể; đồng thời, cần đảm bảo tính mở về nội dung và phương pháp. Các yêu cầu cần đạt cần trình bày tường minh để giúp GV và HS nắm được mục tiêu của mỗi bài học; các hoạt động dạy học cần hướng dẫn một cách cụ thể, nội dung và phương pháp cần đảm bảo tính mở để giúp GV và HS nắm được con đường, cách thức đạt đến mục tiêu đặt ra, đồng thời lựa chọn được con đường, cách thức đạt đến mục tiêu một cách chủ động, sáng tạo, phù hợp với điều kiện dạy học thực tế của mình.

2.2. Phân tích ma trận nội dung và cấu trúc bài học

2.2.1. Phân tích ma trận nội dung

SGK *Ngữ văn 8* có 2 tập, tương ứng với 2 học kì. Tập một có 5 bài học: bài 1. *Câu chuyện của lịch sử*, bài 2. *Vẻ đẹp cổ điển*, bài 3. *Lời sông núi*, bài 4. *Tiếng cười trào*

phúng trong thơ, bài 5. *Những câu chuyện hài*. Mỗi bài học tập trung vào một loại, thể loại VB chính: truyện lịch sử (bài 1); thơ (thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật) (bài 2 và bài 4); VB nghị luận xã hội (bài 3); hài kịch, truyện cười (bài 5).

Tập hai có 5 bài học, trong đó 4 bài được triển khai theo cách như các bài học ở tập một: bài 6. *Chân dung cuộc sống*, bài 7. *Tin yêu và ước vọng*, bài 8. *Nhà văn và trang viết*, bài 9. *Hôm nay và ngày mai*. Mỗi bài học tập trung vào một loại, thể loại VB chính: truyện (bài 6), thơ (tự do) (bài 7), VB nghị luận văn học (bài 8), VB thông tin (bài 9). Cuối tập hai có bài 10. *Sách – người bạn đồng hành* được tổ chức dưới dạng dự án đọc sách, tạo điều kiện cho HS được đọc những cuốn sách yêu thích và chia sẻ kết quả đọc dưới nhiều hình thức đa dạng, sinh động và sáng tạo, nhằm khơi gợi hứng thú đọc sách và tạo thói quen đọc sách cho HS. Bài học này cũng đáp ứng một số yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe được quy định trong Chương trình, đặc biệt là yêu cầu “nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một cuốn sách”.

Như vậy, cấu trúc của *Ngữ văn 8* có chút khác biệt so với *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, cụ thể là: VB nghị luận xã hội được đặt ở bài 3 (thay vì ở bài 8 như ở *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*) và có bài học riêng cho VB nghị luận văn học (bài 8).

Mỗi học kì có một số tiết dành riêng cho đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình. Đọc mở rộng là hoạt động HS tự tìm kiếm VB từ các nguồn khác (ngoài SGK) để đọc. SGK *Ngữ văn 8* thiết kế mục *Đọc mở rộng*, đặt sau bài 3, bài 5, bài 7, bài 9 để GV có thời gian cho HS được chia sẻ, trao đổi ở lớp kết quả tự đọc, qua đó GV có điều kiện kiểm tra kết quả tự đọc của HS. Cuối mỗi tập sách có phần *Ôn tập học kì*, trong đó có ôn tập kiến thức và luyện tập tổng hợp, giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành một số bài tập rèn kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. Các bài tập trong phiếu học tập ở phần *Ôn tập học kì* có thể coi là những gợi ý cho việc thiết kế để kiểm tra đánh giá theo định hướng mới.

Sau mỗi bài học đều có phần *Củng cố, mở rộng*, vì vậy, việc củng cố kiến thức, kĩ năng không tập trung hết vào cuối học kì hay cuối năm học như trong SGK theo Chương trình GDPT năm 2006. Ngoài ra, mỗi tập sách còn có một số phụ lục: *Bảng giải thích thuật ngữ* (tích hợp cả thông tin về vị trí mà thuật ngữ xuất hiện trong sách), *Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài*. Riêng tập hai có thêm *Bảng tra cứu một số yếu tố Hán Việt*. Những phụ lục này vừa bổ sung kiến thức và thông tin cho các bài học chính vừa giúp HS từng bước làm quen với thao tác tìm kiếm thông tin khi sử dụng một cuốn SGK hay sách khoa học.

Sự phối hợp thống nhất giữa yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học trong 2 tập sách được thể hiện qua các bảng sau:

TẬP MỘT

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
1. CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ	Ngữ liệu - VB 1: <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i> (trích, Nguyễn Huy Tưởng) - VB 2: <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i> (trích <i>Hoàng Lê nhất thống chí</i>, Ngô gia văn phái) - VB 3: <i>Tà đi tới</i> (trích, Tố Hữu) - VB thực hành đọc: <i>Minh sử</i> (trích, Thái Bá Lợi) Tri thức ngữ văn - Truyện lịch sử - Chủ đề của tác phẩm văn học - Biệt ngữ xã hội	- Nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ. - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà VB muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của VB; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề. - Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương; hiểu được phạm vi, tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp hằng ngày và trong sáng tác văn học. - Viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong VB. - Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. - Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của cha ông, có tinh thần trách nhiệm đối với đất nước.
2. VẼ ĐẸP CỔ ĐIỂN	Ngữ liệu - VB 1: <i>Thu điếu</i> (Nguyễn Khuyến) - VB 2: <i>Thiên Trường vãn vọng</i> (Trần Nhân Tông) - VB 3: <i>Ca Huế trên sông Hương</i> (Hà Ánh Minh) - VB thực hành đọc: <i>Qua Đèo Ngang</i> (Bà Huyện Thanh Quan)	- Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. - Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua VB. - Hiểu được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ; từ tượng hình, từ tượng thanh.

	Tri thức ngữ văn • Thơ Đường luật • Thất ngôn bát cú Đường luật • Tứ tuyệt Đường luật • Biện pháp tu từ đảo ngữ • Từ tượng hình và từ tượng thanh	• Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. • Biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hoá, văn học truyền thống.
3. LỜI SÔNG NÚI	Ngữ liệu • VB 1: <i>Hịch tướng sĩ</i> (Trần Quốc Tuấn) • VB 2: <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i> (Hồ Chí Minh) • VB 3: <i>Nam quốc sơn hà</i> • VB thực hành đọc: <i>Chiếu dời đô</i> (Lý Công Uẩn) Tri thức ngữ văn • Luận đề, luận điểm trong VB nghị luận • Mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận • Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp	• Nhận biết được nội dung bao quát; luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận. • Phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết. • Liên hệ được nội dung nêu trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại. • Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; biết vận dụng trong tiếp nhận và tạo lập VB. • Viết được VB nghị luận về một vấn đề của đời sống. • Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi; nắm bắt được nội dung chính mà nhóm đã thảo luận và trình bày lại được nội dung đó. • Có tinh thần yêu nước, có trách nhiệm đối với những vấn đề của cộng đồng.

4. TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ	Ngữ liệu • VB 1: <i>Lễ xuống danh khoa Đình Dậu</i> (Trần Tế Xương) • VB 2: <i>Lai Tân</i> (Hồ Chí Minh) • VB 3: <i>Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng</i> (Trần Thị Hoa Lê) • VB thực hành đọc: <i>Vịnh cây vông</i> (Nguyễn Công Trứ) Tri thức ngữ văn • Thơ trào phúng • Từ Hán Việt • Sắc thái nghĩa của từ ngữ	• Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối. • Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng. • Nhận biết được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ, thành ngữ có yếu tố Hán Việt đó; hiểu được sắc thái nghĩa của từ ngữ và biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ phù hợp với sắc thái. • Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. • Có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động.
5. NHỮNG CÂU CHUYỆN HÀI	Ngữ liệu • VB 1: <i>Trưởng giả học làm sang</i> (trích, Mô-li-e) • VB 2: <i>Chùm truyện cười dân gian Việt Nam</i> • VB 3: <i>Chùm ca dao trào phúng</i> • VB thực hành đọc: <i>Giá không có ruồi!</i> (trích, A-dít Ne-xin)	• Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch như: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng. • Nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ. • Nhận biết được câu hỏi tu từ, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; nêu được tác dụng của việc sử dụng câu hỏi tu từ và nghĩa hàm ẩn; giải thích được nghĩa của một số câu tục ngữ thông dụng. • Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống; nêu được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.

	Tri thức ngữ văn • Hài kịch • Truyện cười • Câu hỏi tu từ • Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu	• Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội; nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác. • Có ý thức tránh những việc làm kệch cỡm, lỗ lã; hướng đến cách ứng xử phù hợp.
--	--	--

TẬP HAI

Tên bài	Nội dung dạy học	Yêu cầu cần đạt
6. CHÂN DUNG CUỘC SỐNG	Ngữ liệu • VB 1: <i>Mắt sói</i> (trích, Đa-ni-en Pen-nắc) • VB 2: <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> (trích, Nguyễn Thành Long) • VB 3: <i>Bếp lửa</i> (Bằng Việt) • VB thực hành đọc: <i>Chiếc lá cuối cùng</i> (trích, O. Hen-ry) Tri thức ngữ văn • Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến • Trợ từ, thán từ	• Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học. • Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. • Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học. • Nhận biết được đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả. • Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. • Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách. • Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm.
7. TIN YÊU VÀ ƯỚC VỌNG	Ngữ liệu • VB 1: <i>Đồng chí</i> (Chính Hữu) • VB 2: <i>Lá đỏ</i> (Nguyễn Đình Thi) • VB 3: <i>Những ngôi sao xa xôi</i> (trích, Lê Minh Khuê)	• Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc. • Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB.

	• VB thực hành đọc: <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> (Phạm Tiến Duật) Tri thức ngữ văn • Thơ tự do • Mạch cảm xúc • Cảm hứng chủ đạo	• Bước đầu biết làm một bài thơ tự do; viết được đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do. • Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. • Yêu quê hương, đất nước; có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao.
8. NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT	Ngữ liệu • VB 1: <i>Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam</i> (trích, Xuân Diệu) • VB 2: <i>Độc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa</i> (Trần Đình Sử) • VB 3: <i>Xe đêm</i> (trích, Pau-xtốp-xki) • VB thực hành đọc: “<i>Năng mới</i>” – <i>sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng</i> (Lê Quang Hưng) Tri thức ngữ văn • VB nghị luận văn học • Luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận văn học • Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một VB văn học • Thành phần biệt lập	• Nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận. • Nhận biết được đặc điểm và chức năng của các thành phần biệt lập trong câu. • Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm. • Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội. • Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

9. HÔM NAY VÀ NGÀY MAI	Ngữ liệu • VB 1: <i>Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ</i> (Lê Anh Tuấn) • VB 2: <i>Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”</i> (Lâm Lê) • VB 3: <i>Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn</i> (Xi-át-tơn) • VB thực hành đọc: “<i>Dấu chân sinh thái</i>” của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất (Dương Xuân Thảo) Tri thức ngữ văn • Mục đích của VB thông tin, mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan • VB giải thích một hiện tượng tự nhiên • VB giới thiệu một bộ phim • Các kiểu câu phân loại theo mục đích nói • Câu phủ định và câu khẳng định	• Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giải thích một hiện tượng tự nhiên, VB giới thiệu một bộ phim và cách trình bày thông tin trong VB; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó. • Phân tích được thông tin cơ bản của VB và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ; liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại. • Nhận biết được các kiểu câu phân loại theo mục đích nói; phân biệt được câu phủ định và câu khẳng định. • Viết được VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và VB kiến nghị về một vấn đề đời sống. • Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi. • Thể hiện được thái độ quan tâm đến những vấn đề nóng hổi của cuộc sống với tinh thần chủ động, có trách nhiệm trước hiện tại và tương lai.
10. SÁCH – NGƯỜI BẠN ĐỒNG HÀNH	Ngữ liệu • VB: <i>Lời giới thiệu cuốn sách “Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể”</i> (An-nơ Gô-xi-nhi)	• Nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một cuốn sách. • Nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận VB văn học.

• VB: <i>Nhà thơ Y Phương: “Nói với con” cũng chính là nói với lòng mình!</i> (Y Phương) Tri thức ngữ văn • Đặc điểm của VB thông tin giới thiệu một cuốn sách • Vai trò của tưởng tượng trong sáng tạo và tiếp nhận văn học • Nhan đề và cách đặt nhan đề VB văn học	• Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học. • Viết được VB thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục. • Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách: cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. • Yêu thích và chủ động chia sẻ những tác dụng tích cực của việc đọc sách tới cộng đồng.
---	---

2.2.2. Phân tích cấu trúc bài học

Mỗi bài học dự kiến dạy học trong khoảng thời gian 12 – 13 tiết. Các bài học đều có cấu trúc như nhau, trừ bài 10. *Sách – người bạn đồng hành* có cấu trúc riêng và thời gian tổ chức hoạt động dạy học khác biệt.

Mở đầu mỗi bài học là tên bài và đề từ, tiếp theo đó là giới thiệu bài học (chủ đề và loại, thể loại VB), yêu cầu cần đạt (mục tiêu bài học). Các yêu cầu cần đạt được nhóm tác giả lựa chọn từ các yêu cầu cần đạt trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018, lớp 8 và sắp xếp, tổ chức một cách hợp lý vào mỗi bài học.

Phần *Tri thức ngữ văn* ở vị trí mở đầu của mỗi bài học, thực hiện chức năng trang bị cho HS những khái niệm công cụ để đọc hiểu VB theo “mã thể loại” và nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong VB đọc. Để giúp HS vận dụng những gì đã học vào thực tế cuộc sống, chẳng hạn đọc một VB mới, đáp ứng mục tiêu của việc dạy học Ngữ văn theo Chương trình mới, *Tri thức ngữ văn* là một phần quan trọng trong mạch triển khai của bài học. Thiếu các khái niệm công cụ để học hiểu, việc đọc VB của HS sẽ dừng lại ở mức tiếp nhận cảm tính, việc phân tích VB dễ sa vào bình tán. SGK *Ngữ văn 8* có sự cân nhắc cẩn thận khi lựa chọn những khái niệm công cụ để đưa vào phần *Tri thức ngữ văn* và cách giải thích các khái niệm ấy nhằm giúp HS có tri thức nền vừa đủ để đọc hiểu VB một cách có cơ sở nhưng cũng không gây quá tải đối với người học.

Với việc thiết kế phần *Tri thức ngữ văn* theo cách đó, SGK *Ngữ văn 8* thực hiện ý tưởng tích hợp dạy học kiến thức văn học và kiến thức tiếng Việt vào hoạt động giao tiếp, trước hết và chủ yếu là hoạt động đọc; tránh được tình trạng dạy học kiến thức một cách tách biệt và nặng tính hàn lâm, đồng thời phát huy được hiệu quả vai trò của kiến thức

đối với quá trình dạy học Ngữ văn và gạt bỏ sự ngộ nhận rằng dạy học Ngữ văn không cần đến kiến thức lí luận mà chỉ tạo cơ hội cho HS được đọc tác phẩm và cảm nhận.

Sau khi được trang bị tri thức ngữ văn, HS thực hiện hoạt động đọc gồm 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. *Trước khi đọc* có mục tiêu giúp HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. *Trong khi đọc* gợi ý về các chiến lược đọc phù hợp đối với từng VB cụ thể như *theo dõi, hình dung, dự đoán, suy luận,...* giúp HS biết vận dụng những thao tác tư duy phù hợp trong quá trình đọc để nắm bắt được những thông tin quan trọng về hình thức và nội dung của VB, làm cơ sở để giải quyết nhiệm vụ sau khi đọc. *Sau khi đọc* gồm các câu hỏi, yêu cầu được phân chia theo từng cấp độ nhận thức, từ *nhận biết* đến *phân tích, suy luận* và *đánh giá, vận dụng*. Những câu hỏi, yêu cầu này không chỉ hướng dẫn HS khám phá chính VB vừa đọc mà còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực đọc nói chung, thông qua việc giúp các em định hình cách đọc VB thuộc một loại, thể loại nhất định. Ngay sau VB và trước hệ thống câu hỏi sau khi đọc, có thể có phần giới thiệu ngắn gọn về tác giả và tác phẩm. Trong phần này, sách chỉ đưa những thông tin thật sự cần thiết đối với việc đọc hiểu VB.

Tương tự *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, trong *Ngữ văn 8*, mỗi bài học có 3 VB đọc hiểu có chung chủ đề do bài học quy định, trong đó 2 VB đầu (VB 1 và VB 2) thuộc loại, thể loại VB chính được học trong bài, còn VB 3 thuộc một loại, thể loại khác nhưng có sự kết nối chặt chẽ với các VB 1 và VB 2 về chủ đề. Tuy không thuộc loại, thể loại VB chính của bài học và thường chỉ được dạy học trong 1 tiết, nhưng VB 3 vẫn đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kĩ năng đọc cho HS, giúp các em có sự đối sánh về loại, thể loại VB giữa VB 3 với VB 1 và VB 2 để thấy rõ hơn đặc trưng của loại, thể loại VB được học trong bài, đồng thời liên tưởng, suy nghĩ về những vấn đề có liên quan đến chủ đề của bài học, qua đó bồi đắp các phẩm chất, giá trị sống gắn với môn Ngữ văn.

Sau phần đọc hiểu mỗi VB có mục *Viết kết nối với đọc* yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc, tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên với yêu cầu đơn giản, nhẹ nhàng, từ đó, giúp các em có thói quen, kĩ năng và hứng thú viết.

Phần *Thực hành tiếng Việt* thường được đặt sau VB 1 và VB 2, khai thác ngữ liệu từ các VB đọc. Tuy vậy, nguyên tắc này đôi khi không thực hiện được triệt để vì không có ngữ liệu từ VB đọc phù hợp với kiến thức tiếng Việt được quy định trong Chương trình, chẳng hạn biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương,... Khi đó, sách phải lấy ngữ liệu từ các bài học trước, từ SGK lớp trước hoặc thậm chí ngoài SGK. Tuy nhiên, *Ngữ văn 8* vẫn chủ trương hạn chế tối đa những trường hợp như vậy để đảm bảo việc dạy học tiếng Việt gắn với ngữ cảnh, góp phần giúp HS hiểu hơn VB được đọc trong bài.

Sau đọc VB và thực hành tiếng Việt là thực hành viết một VB trọn vẹn, viết bài theo kiểu loại VB. Đây là một nội dung quan trọng của bài học, gồm các chỉ dẫn cụ thể về quy trình viết các kiểu loại VB theo yêu cầu của Chương trình. Quy trình này được thiết kế

chi tiết, hướng dẫn HS thực hiện từng bước để đạt đến sản phẩm cuối cùng là bài viết hoàn chỉnh: tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo, thực hành viết theo các bước (trước khi viết, viết bài, chỉnh sửa bài viết). Các yêu cầu đối với từng kiểu bài được thiết kế một cách hệ thống, đảm bảo liên mạch và có sự phát triển hợp lý qua các lớp và qua các cấp học (THCS và THPT). Nhờ đó, GV và HS có thể thấy được cùng một kiểu bài, ví dụ như nghị luận xã hội, nhưng qua các lớp, yêu cầu có sự khác biệt, nâng cao và việc thực hành viết cũng được phát triển theo những yêu cầu được nâng cao dần như vậy. Các yêu cầu đối với kiểu bài cũng là cơ sở để GV xây dựng các tiêu chí đánh giá phần Viết trong các bài kiểm tra, bài thi theo chương trình và SGK Ngữ văn mới. Bằng việc làm quen với thực tế viết theo yêu cầu kiểu bài này, HS cũng sẽ thuận lợi hơn khi làm bài viết trong những kì thi quan trọng.

SGK *Ngữ văn 8* nói riêng cũng như SGK *Tiếng Việt, Ngữ văn*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* nói chung, chủ trương HS cần được thực hành viết dựa trên việc phân tích “mẫu”, tức bài viết tham khảo. Việc học thông qua “mẫu” là cách tiếp cận phổ biến trong dạy học. Nó khác về bản chất với tình trạng cho HS chép “văn mẫu” khi làm bài – một cách dạy học hiện đang bị dư luận phản đối và Bộ GD & ĐT chủ trương loại bỏ một cách quyết liệt. Nếu ở “viết theo văn mẫu”, HS thường thực hiện việc sao chép từ chất liệu đến ý tưởng thì ở cách dạy viết trong sách *Ngữ văn 8*, cũng như *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, HS chỉ tham khảo cấu trúc của bài viết đã chọn, còn đề tài của bài viết là mới, vì vậy, chất liệu, ý tưởng phải là của chính các em.

Ở hoạt động nói và nghe, HS được trình bày, thảo luận và tương tác trên cơ sở những gì mình đã chuẩn bị từ bài viết hoặc tiếp nhận được từ các VB đọc. *Ngữ văn 8* thiết kế các hoạt động nói và nghe theo một quy trình tỉ mỉ và chặt chẽ. Ở từng bài, HS phải xác định được mục đích nói và người nghe, phải tuân thủ các bước từ chuẩn bị nội dung nói đến trình bày bài nói và trao đổi, đánh giá. Chương trình chỉ đặt ra yêu cầu cần đạt về kĩ năng cũng như nội dung nói và nghe ở mức tối thiểu. Vì vậy, để tăng cường sự kết nối giữa nói và nghe với nội dung viết, giúp cho HS chuẩn bị hoạt động nói và nghe thuận lợi hơn, bài học được sinh động hơn, *Ngữ văn 8* thiết kế nội dung nói và nghe khá linh hoạt nhưng không tăng độ khó so với quy định của Chương trình. Theo nguyên tắc, kĩ năng cần được rèn luyện thường xuyên, lặp đi lặp lại, được nâng cao, hoàn thiện dần qua một quá trình. Tuy vậy, một số kĩ năng chúng tôi cho là HS đã thuần thục sau hai năm học theo SGK *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7* nên sách *Ngữ văn 8* lược bớt để tránh trùng lặp, ví dụ phần *Tập luyện* trước khi trình bày bài nói.

Cuối mỗi bài có phần *Củng cố, mở rộng* để HS ôn lại những kiến thức cơ bản trong bài học và luyện tập một số kĩ năng thiết yếu. Ngoài ra, với VB ở phần *Thực hành đọc* đặt sau *Củng cố, mở rộng*, *Ngữ văn 8* còn tạo cho HS cơ hội thực hành đọc các VB thuộc cùng loại, thể loại với các VB đọc chính và có nội dung thống nhất với chủ đề chung của bài học. Theo đó, HS có thể vận dụng được kĩ năng đọc hiểu VB theo loại, thể loại và huy động hiểu biết từ việc đọc các VB trước đó để tự đọc một VB mới.

2.3. Những điểm mới cơ bản của SGK Ngữ văn 8

SGK Ngữ văn 8 hiện thực hoá quan điểm biên soạn SGK đã nêu ở trên. Những điểm mới của Ngữ văn 6 và Ngữ văn 7 cũng tiếp tục được thể hiện trong Ngữ văn 8.

2.3.1. Các bài học được sắp xếp theo cách lồng ghép hệ thống loại, thể loại văn bản với hệ thống chủ đề

Ngữ văn 8 gồm có 10 bài học. Tên bài gợi lên chủ đề của bài học nhưng trong nhiều trường hợp còn có sự kết hợp giữa những gợi mở về chủ đề với những chỉ dẫn linh hoạt, sinh động về loại, thể loại VB. Cụ thể: bài 1. *Câu chuyện của lịch sử* (thể loại chính: truyện lịch sử); bài 2. *Vẻ đẹp cổ điển* (thể loại chính: thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt Đường luật); bài 3. *Lời sông núi* (loại VB chính: nghị luận xã hội); bài 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ* (thể loại chính: thơ trào phúng); bài 5. *Những câu chuyện hài* (thể loại chính: hài kịch, truyện cười); bài 6. *Chân dung cuộc sống* (thể loại chính: truyện); bài 7. *Tin yêu và ước vọng* (thể loại chính: thơ tự do); bài 8. *Nhà văn và trang viết* (loại VB chính: nghị luận văn học); bài 9. *Hôm nay và ngày mai* (loại VB chính: thông tin); bài 10. *Sách – người bạn đồng hành* (dự án đọc tự chọn có định hướng về chủ đề và loại, thể loại VB theo Chương trình). Mỗi bài học có 2 VB đọc (VB 1 và VB 2) thuộc loại, thể loại VB chính của bài đó. Ngoài ra, mỗi bài còn có một VB kết nối về chủ đề, nội dung gần gũi với các VB trước đó, nhưng khác về loại, thể loại.

Hệ thống loại, thể loại VB giúp HS nắm được “mã thể loại” nhằm phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe một cách hiệu quả. Còn hệ thống chủ đề tạo sự kết nối về nội dung giữa các VB trong một bài học, phục vụ đắc lực cho mục tiêu phát triển vốn sống, trải nghiệm của HS ở độ tuổi lớp 8 nói riêng và THCS nói chung, góp phần bồi dưỡng tình cảm, phẩm chất cho người học.

Cùng với những phẩm chất và năng lực đặc thù, Ngữ văn 8 còn hướng tới mục tiêu phát triển năng lực chung cho HS. Tất cả các bài học đều có nội dung kết nối với cuộc sống, đặt ra những vấn đề đòi hỏi HS phải bộc lộ chủ kiến, biết suy nghĩ, tìm tòi các giải pháp giải quyết vấn đề phù hợp với khả năng của các em. Các hoạt động được thiết kế trong từng bài học giúp HS phát triển tốt khả năng tự học, tạo điều kiện cho HS trao đổi nhóm, thảo luận và trình bày ý kiến, cảm xúc một cách cởi mở. Như vậy, không chỉ các phẩm chất và năng lực đặc thù mà các năng lực chung của HS cũng được phát triển hài hoà trong quá trình học tập.

2.3.2. Mỗi bài học được thiết kế theo mạch các hoạt động đọc, viết, nói và nghe nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học cho HS

Tiếp nối và phát triển từ Ngữ văn 6 và Ngữ văn 7, SGK Ngữ văn 8 thiết kế bài học theo mô hình hoạt động, dựa trên các hoạt động giao tiếp cơ bản là đọc, viết, nói và nghe. Sách trình bày tường minh các chiến lược đọc hiểu VB phù hợp với đặc trưng loại, thể loại VB. HS được rèn luyện kĩ năng theo dõi, tưởng tượng, dự đoán, suy luận,... trong quá trình đọc. Qua các câu hỏi sau khi đọc, HS không chỉ thể hiện khả năng đọc hiểu một VB cụ thể mà còn nắm được “mã thể loại” để đọc các VB khác thuộc cùng loại, thể loại các em từng học.

Trong hoạt động viết, SGK *Ngữ văn 8* hướng dẫn HS thực hành theo một quy trình chi tiết. Các kĩ năng cần thiết khác, đặc biệt là các kĩ năng tương tác trong hoạt động nói và nghe cũng được hướng dẫn một cách hệ thống. Các kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học được cài đặt vào bài học dựa trên yêu cầu phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe của HS. Cấu trúc bài học như vậy tạo điều kiện thuận lợi cho GV đổi mới phương pháp dạy học thông qua tổ chức các hoạt động thực hành đọc, viết, nói và nghe ở trên lớp.

SGK *Ngữ văn 8* cũng hỗ trợ GV đổi mới kiểm tra, đánh giá. Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá cùng với đổi mới phương pháp dạy học trong *Ngữ văn 8* được thể hiện ngay trong cấu trúc bài học: tường minh hoá các hoạt động; sắp xếp hệ thống câu hỏi sau đọc theo thang đánh giá năng lực; quy trình hoá các hoạt động viết, nói và nghe; chú trọng luyện tập thực hành thông qua các phiếu luyện tập.

2.3.3. Hệ thống ngữ liệu trong *Ngữ văn 8* phù hợp với vốn sống, trải nghiệm và tâm lí tiếp nhận của HS, có giá trị thẩm mĩ cao và có ý nghĩa giáo dục lâu dài

Các VB trong *Ngữ văn 8* được chọn lọc và sắp xếp trên cơ sở chú trọng tính tiếp nối và phát triển từ *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, đặc biệt quan tâm đến sự thay đổi tâm lí lứa tuổi của HS cuối cấp THCS cũng như những yêu cầu về năng lực và phẩm chất để bước đầu chuẩn bị cho một cấp học cao hơn. Chính vì thế, ngữ liệu trong *Ngữ văn 8* chú trọng hơn mục tiêu phát triển các phẩm chất công dân của HS: lòng yêu nước; tình cảm đối với những giá trị văn hoá truyền thống; tinh thần trách nhiệm với cộng đồng; ý thức tôn trọng sự sống và sự khác biệt;... Để thực hiện hiệu quả mục tiêu đó, *Ngữ văn 8* có sự phối hợp giữa các VB mang tính kinh điển, truyền thống (đã được sử dụng trong SGK *Ngữ văn* nhiều giai đoạn) với các VB mới lần đầu tiên được đưa vào dạy học trong nhà trường phổ thông. Trong bài 1. *Câu chuyện của lịch sử*, cùng với *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (Nguyễn Huy Tưởng), *Quang Trung đại phá quân Thanh* (Ngô gia văn phái) còn có *Minh sư* (Thái Bá Lợi). Với bài 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ*, sự kết hợp của chùm VB bao gồm *Lễ xuống danh khoa Đình Dậu* (Trần Tế Xương), *Lai Tân* (Hồ Chí Minh), *Vịnh cây vông* (Nguyễn Công Trứ) cho thấy những sắc điệu phong phú của tiếng cười và phong cách thơ trào phúng. Tương tự, *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), *Chiếc lá cuối cùng* (O. Hen-ry) và *Mắt sói* (Đa-ni-en Pen-nắc) tạo nên một chùm truyện đáp ứng yêu cầu so sánh giữa cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến, đồng thời cho thấy một bức tranh đa chiều về con người và thiên nhiên như chính tên bài học 6. *Chân dung cuộc sống*. Cách phối hợp này được thể hiện nhất quán trong các bài học của *Ngữ văn 8*, bám sát mục tiêu Chương trình nhưng có sự đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đặc trưng môn học: kết hợp giữa tư duy khoa học và tư duy nghệ thuật, giữa năng lực nhận thức và năng lực thẩm mĩ.

2.3.4. Mục tiêu phát triển kĩ năng tự đọc sách của HS được chú trọng

Song song với hoạt động đọc mở rộng theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn *Ngữ văn* năm 2018, *Ngữ văn 8* thiết kế mục *Thực hành đọc* sau phần *Củng cố, mở rộng* của mỗi bài học. *Thực hành đọc* cung cấp VB cùng loại, thể loại và chủ đề với những VB đọc chính trong bài để HS có cơ hội vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc đọc

một VB mới. Trước mỗi VB thực hành đọc có một số gợi ý, hướng dẫn. GV có thể kiểm tra kết quả thực hành đọc của HS trong các tiết *Đọc mở rộng* được tổ chức ở lớp. Qua nhiều lần thực hành đọc ở các bài, HS dần tạo được cho mình tư cách, vị thế của một người đọc độc lập. Đặc biệt, bài 10. *Sách – người bạn đồng hành* được thiết kế dưới hình thức dự án đọc sách, dành thời gian để HS có thể đọc các tác phẩm tự chọn; viết bài giới thiệu cuốn sách yêu thích hoặc sáng tác một tác phẩm văn học (thơ, truyện,...) theo khả năng và hứng thú của các em và sử dụng kết quả viết để trình bày trong hoạt động nói và nghe. Hoạt động học tập môn Ngữ văn được đa dạng hoá, trở nên sinh động và hấp dẫn hơn, qua đó HS có thể bộc lộ, phát triển cá tính, sở trường một cách tích cực. Thực tế sử dụng sách trong 2 năm qua (*Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*) cho thấy nhiều trường học, nhiều địa phương đã tổ chức hoạt động dạy học ở bài 10 rất thành công.

Ngoài ra, có thể khẳng định, SGK *Ngữ văn 8* có sự kết hợp hài hoà giữa kênh hình với kênh chữ. Hệ thống đề mục được trình bày tường minh, thiết kế đẹp mắt. Các thẻ và phần đóng khung (box) được phân bố hợp lí, dễ nhận diện, phù hợp với nội dung của từng loại hoạt động. Tranh ảnh minh hoạ được chọn lọc kĩ, bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, hỗ trợ tốt cho việc tiếp nhận bài học bằng cả kênh chữ lẫn kênh hình.

2.4. Phân tích một số bài học đặc trưng

Tất cả các bài học trong SGK *Ngữ văn 8* đều thể hiện sự đổi mới rõ nét trong thiết kế SGK theo mô hình phát triển phẩm chất và năng lực. Các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cần phải được lựa chọn và kết hợp với nhau sao cho đảm bảo được sự kết nối, tích hợp giữa đọc với viết, nói và nghe để bài học trở thành một chỉnh thể chặt chẽ. Khác với SGK *Ngữ văn THCS* theo Chương trình GDPT năm 2006 lấy nội dung dạy học làm xuất phát điểm để thiết kế bài học, trong SGK *Ngữ văn 8*, yêu cầu cần đạt (mục tiêu) quyết định tất cả các phần còn lại của bài học. Có thể lấy 2 bài học làm ví dụ minh hoạ.

Ví dụ minh hoạ thứ nhất là bài 2. *Vẻ đẹp cổ điển* (*Ngữ văn 8*, tập một). Chủ đề của bài học đúng như tên gọi của nó: vẻ đẹp cổ điển, được hiểu là vẻ đẹp của văn hoá truyền thống, là những giá trị của đất nước, con người Việt Nam trong quá khứ. Thể loại chính là thơ Đường luật. Các yêu cầu về đọc là: nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối; nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua VB. Để đọc hiểu VB thơ Đường luật theo những yêu cầu này của Chương trình, người học cần được trang bị các tri thức công cụ như: thơ Đường luật, thơ thất ngôn bát cú Đường luật, thơ tứ tuyệt Đường luật.

Việc chọn chủ đề *Vẻ đẹp cổ điển* nhằm tạo thuận lợi cho việc đưa vào bài học các VB thơ thuộc thể thơ Đường luật, đồng thời góp phần định hướng giáo dục cho HS có nhận thức về giá trị của văn hoá truyền thống. Hai VB thuộc thể thơ Đường luật (thể loại chính của bài học) được lựa chọn là *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến) và *Thiên Trường vãn vọng* (Trần Nhân Tông). Sau hai VB này, tương tự như các bài học khác, HS được đọc một VB cùng chủ đề nhưng khác loại, thể loại VB, đó là VB thông tin *Ca Huế trên sông Hương* (Hà Ánh Minh).

Cuối bài 2 có VB để HS thực hành đọc: *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan). Yêu cầu đối với VB thực hành đọc ở đây cũng tương tự đối với VB thực hành đọc ở các bài khác.

Ví dụ minh hoạ thứ hai là bài 6. *Chân dung cuộc sống* (Ngữ văn 8, tập hai). Chủ đề của bài học là sự phong phú, sinh động của đời sống tự nhiên và con người với những mối quan hệ tinh tế, phức tạp, nhiều bất ngờ và bí ẩn. Thể loại VB chính là truyện. Các yêu cầu cần đạt về đọc là: nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến; nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học. Để đọc hiểu VB truyện theo những yêu cầu này của Chương trình, người học cần được trang bị các tri thức công cụ như: cốt truyện đơn tuyến, cốt truyện đa tuyến.

Việc chọn chủ đề *Chân dung cuộc sống* vừa phù hợp với tâm lí, hứng thú của HS, thể hiện một bước trưởng thành so với các chủ đề trong *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, vừa có thể tìm kiếm ngữ liệu phù hợp để khai thác theo yêu cầu cần đạt của bài học, đặc biệt là nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. Hai VB thuộc thể loại truyện (thể loại chính của bài học) được lựa chọn là *Mắt sói* (Đa-ni-en Pen-nắc) và *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long). Sau hai VB này, HS được đọc một VB khác cùng chủ đề nhưng khác thể loại, đó là bài thơ *Bếp lửa* (Bằng Việt) để thấy rằng chủ đề *Chân dung cuộc sống* có thể được thể hiện trong VB truyện hoặc VB thơ. Cuối bài 6 có VB thực hành đọc *Chiếc lá cuối cùng* (O. Hen-ry) vừa cùng thể loại vừa cùng chủ đề với VB 1 và VB 2.

Trong hai bài học trên, tương tự các bài học khác trong *Ngữ văn 8*, quy trình đọc các VB thuộc loại, thể loại VB chính đều được chia làm 3 bước: trước khi đọc, đọc VB và sau khi đọc. Các câu hỏi sau khi đọc được chia thành 3 nhóm, phân biệt theo 3 cấp độ đọc hiểu: câu hỏi *nhận biết*; câu hỏi *phân tích, suy luận*; câu hỏi *đánh giá, vận dụng*. Các câu hỏi đều hướng đến mục tiêu không chỉ giúp HS đọc hiểu chính VB trong bài mà còn có khả năng vận dụng để đọc các VB khác thuộc cùng loại, thể loại VB, qua đó phát triển năng lực đọc cho người học.

Sau VB 1 và VB 2 ở bài 2 và bài 6, cũng như VB 1 và VB 2 ở tất cả các bài học khác, sách thiết kế nội dung *Viết kết nối với đọc*, chẳng hạn, sau VB 1 của bài 2, HS được yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích hai câu thơ khiến em có ấn tượng nhất trong bài thơ *Thu điếu*; sau VB1 của bài 6, HS được yêu cầu: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) kể lại sự kiện “Phi Châu và Báo đã trở thành đôi bạn thân thiết” (bằng lời của nhân vật Báo).

Sau VB 1 và VB 2, đôi khi sau VB 3 (như ở bài 7), HS được thực hành tiếng Việt dựa trên những đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB đọc. Thông qua đó người học cũng từng bước được cung cấp kiến thức tiếng Việt và vận dụng ngay vào ngữ cảnh VB đọc. Kiến thức tiếng Việt trong bài 2 có biện pháp tu từ đảo ngữ và từ tượng hình, từ tượng thanh; trong bài 6 có trợ từ, thán từ. Ngoài kiến thức mới ở lớp 8, *Ngữ văn 8* còn tận dụng cơ hội khai thác kiến thức đã học ở Tiểu học và lớp 6, lớp 7

để thiết kế các bài tập cho HS thực hành nếu VB đọc có đơn vị hay hiện tượng ngôn ngữ liên quan, chẳng hạn ở bài 7 có bài tập về các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá mà HS được học từ Tiểu học. Như vậy, khác với SGK Ngữ văn THCS theo Chương trình GDPT năm 2006 vốn coi trọng cung cấp kiến thức ngôn ngữ cho HS một cách hệ thống, tương tự *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, SGK *Ngữ văn 8* dạy học tiếng Việt không theo lô-gíc kiến thức của Việt ngữ học mà gắn với giao tiếp thực tế, nhờ đó tăng cường tính chất ứng dụng của việc học kiến thức tiếng Việt.

Tiếp nối đọc VB và thực hành tiếng Việt là hoạt động viết. Quy trình dạy viết trong SGK *Ngữ văn 8* cũng có những điểm khác biệt quan trọng so với SGK theo Chương trình GDPT năm 2006. Trước khi viết VB thuộc một kiểu bài cụ thể, HS được hướng dẫn tìm hiểu các yêu cầu đối với kiểu bài đó. Với bài 2, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài phân tích một tác phẩm thơ Đường luật; với bài 6, HS sẽ tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm truyện. Tiếp đến, HS được phân tích một bài viết tham khảo. Ở bài 2, HS được đọc bài viết tham khảo *Phân tích bài thơ “Thương vợ” của Trần Tế Xương*; ở bài 6, HS được đọc bài viết tham khảo *Hãy “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” để cảm nhận vẻ đẹp diệu kì của cuộc sống*. Các bài viết tham khảo này cung cấp cho HS mô hình hay cấu trúc kiểu bài để các em hình dung cách viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm thơ (Đường luật) hoặc một tác phẩm truyện. Lưu ý, bài viết tham khảo chỉ để giúp HS hình dung cách viết bài văn nghị luận, nhất là những yêu cầu cần phải có đối với kiểu bài này. Cuối cùng, ở hoạt động viết, HS được thực hành viết theo các bước: *trước khi viết, viết bài và chỉnh sửa bài viết*. Các bước được sách hướng dẫn rất cụ thể, nếu HS theo đúng quy trình hướng dẫn này thì đều có thể viết được bài văn đáp ứng yêu cầu.

Hoàn thành hoạt động viết, HS được thực hành nói và nghe. Nội dung nói và nghe chủ yếu dựa vào những gì đã viết, đôi khi dựa vào chủ đề của bài học và chất liệu của các VB đọc. Với bài 2, HS được thực hành trình bày ý kiến về một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại. Ở bài 6, HS được thực hành giới thiệu một cuốn sách (truyện). Theo cách này, nội dung bài đọc hoặc bài viết sẽ giúp HS chuẩn bị các ý tưởng và thông tin để thực hành nói và nghe. Ở hoạt động nói và nghe, mỗi bài học trong sách cũng đều có những hướng dẫn rất cụ thể, theo quy trình gồm 3 bước: *trước khi nói, trình bày bài nói, sau khi nói*.

Sau hoạt động nói và nghe là phần *Củng cố, mở rộng*. Cuối bài học là VB thực hành đọc. Đây là VB HS tự đọc, cho nên có thể coi là phần nằm ngoài bài học ở lớp. Từ cách thiết kế nội dung phần *Củng cố, mở rộng* đến việc đưa VB thực hành đọc để HS vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để tự đọc một VB mới đều thể hiện rõ nét cách thiết kế sách nhằm phát triển năng lực cho người học. Sau mỗi bài học, HS tiến dần đến mục tiêu trở thành một người đọc độc lập. Các em cũng không ngừng được rèn luyện kĩ năng viết, nói và nghe để đáp ứng nhu cầu đời sống và công việc sau này.

2.5. Khung kế hoạch dạy học

Việc lập kế hoạch dạy học *Ngữ văn 8* trong cả năm học cần căn cứ vào thời lượng của môn học trong Chương trình GDPT năm 2018, các VB hướng dẫn của Bộ GD & ĐT, các cơ quan quản lý giáo dục và kế hoạch năm học của nhà trường. SGK *Ngữ văn 8* được thiết kế trên cơ sở 140 tiết/ 35 tuần thực học (trung bình 4 tiết/ tuần). Kế hoạch dạy học theo năm học, tuần, bài học đều căn cứ theo quy định của Chương trình GDPT (tổng thể) và Chương trình GDPT môn *Ngữ văn* năm 2018.

Thời lượng các bài học và hoạt động trong SGK *Ngữ văn 8* được phân bổ như sau:

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
HỌC KÌ I (72 tiết)			
1	Bài 1. Câu chuyện của lịch sử	Đọc VB <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Quang Trung đại phá quân Thanh</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Ta đi tới</i>	1
		Viết: Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá)	3
		Nói và nghe: Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử)	1
2	Bài 2. Vẻ đẹp cổ điển	Đọc VB <i>Thu điếu</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Thiên Trường vãn vọng</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Ca Huế trên sông Hương</i>	1
		Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)	3
		Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại)	1

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
3	Bài 3. Lời sông núi	Đọc VB <i>Hịch tướng sĩ</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Tinh thần yêu nước của nhân dân ta</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Nam quốc sơn hà</i>	1
		Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước)	3
		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của học sinh)	1
4	Đọc mở rộng		2
5	Bài 4. Tiếng cười trào phúng trong thơ	Đọc VB <i>Lễ xuống danh khoa Đình Dậu</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Lai Tân</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng</i>	2
		Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng)	3
		Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống)	1
6	Bài 5. Những câu chuyện hài	Đọc VB <i>Trưởng giả học làm sang</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Chùm truyện cười dân gian Việt Nam</i>	2
		Đọc VB <i>Chùm ca dao trào phúng</i>	1
		Thực hành tiếng Việt	1

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
		Viết: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)	3
		Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại)	1
7	Đọc mở rộng		2
8	Kiểm tra giữa học kì I		2
9	Trả bài kiểm tra giữa học kì I		1
10	Ôn tập cuối học kì I		2
11	Kiểm tra cuối học kì I		2
12	Trả bài kiểm tra cuối học kì I		1
HỌC KÌ II (68 tiết)			
13	Bài 6. Chân dung cuộc sống	Đọc VB <i>Mắt sói</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> Thực hành tiếng Việt Đọc VB <i>Bếp lửa</i> Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện) Nói và nghe: Giới thiệu về một cuốn sách (truyện)	3 1 3 1 1 3 1

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
14	Bài 7. Tin yêu và ước vọng	Đọc VB <i>Đồng chí</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Lá đỏ</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Những ngôi sao xa xôi</i>	2
		Tập làm một bài thơ tự do	1
		Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do	2
		Nói và nghe: Thảo luận ý kiến về một vấn đề đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học)	1
15	Đọc mở rộng		1
16	Bài 8. Nhà văn và trang viết	Đọc VB <i>Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Xe đêm</i>	1
		Viết: Viết bài văn phân tích một tác phẩm (truyện)	3
		Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay)	1
17	Bài 9. Hôm nay và ngày mai	Đọc VB <i>Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ</i>	3
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”</i>	2
		Thực hành tiếng Việt	1
		Đọc VB <i>Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn</i>	1
		Viết: Viết VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên	2
		Viết: Viết VB kiến nghị về một vấn đề của đời sống	2
		Nói và nghe: Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân)	1
18	Đọc mở rộng		1

STT	Bài	Nội dung	Số tiết
19	Bài 10. Sách – người bạn đồng hành	Đọc: Thách thức đầu tiên	4
		Viết: Thách thức thứ hai	2
		Nói và nghe: Về đích	2
20	Kiểm tra giữa học kì II		2
21	Trả bài kiểm tra giữa học kì II		1
22	Ôn tập cuối học kì II		2
23	Kiểm tra cuối học kì II		2
24	Trả bài kiểm tra cuối học kì II		1

– Kế hoạch dạy học *Ngữ văn 8* trong năm học: Nhà trường, tổ chuyên môn hướng dẫn GV lập kế hoạch theo phân phối chương trình và kế hoạch năm học của toàn trường.

– Kế hoạch dạy học của từng bài học: Tổ chuyên môn và GV nghiên cứu bài học trong SGK, SGV và lập kế hoạch dạy học theo mạch kiến thức, kỹ năng của bài học. Chú ý mối quan hệ giữa các hoạt động: đọc, thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe, đọc mở rộng và năng lực của HS để có thể điều tiết thời lượng của các hoạt động cho phù hợp. Theo phân bổ chung, VB 1 dạy học trong 3 tiết (có thời gian cho giới thiệu chung về bài học và tri thức ngữ văn), VB 2: 2 tiết, VB 3: 1 tiết. Tuy vậy, trong các bài cụ thể thì tùy vào dung lượng, đặc điểm thể loại và độ khó của VB mà GV có thể điều chỉnh cho phù hợp. Số tiết phân bổ cho các hoạt động thực hành tiếng Việt, viết, nói và nghe, đọc mở rộng cũng vậy.

3 PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu chung về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

SGK *Ngữ văn 8* tuân thủ định hướng đổi mới dạy học của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018 là tăng cường dạy học tích hợp và phân hoá; đa dạng hoá các hình thức tổ chức, phương pháp và phương tiện dạy học; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS. GV cần chủ động, linh hoạt xây dựng và tổ chức các bài học giúp HS rèn luyện phương pháp đọc, viết, nói và nghe; tiếp nhận và vận dụng kiến thức tiếng Việt, văn học thông qua các hoạt động học bằng nhiều hình thức trong và ngoài lớp học. GV cũng cần chú ý tăng cường, phát huy tính tích cực, tự lực của HS; dành nhiều thời gian cho HS thực hành, trình bày, thảo luận để HS biết tự đọc, viết, nói và nghe theo những yêu cầu và mức độ khác nhau; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. *Ngữ văn 8* cũng tuân thủ định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được quy định trong Chương trình tổng thể và được cụ thể hoá trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018.

3.1.1. Yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học đối với GV

– Chuyển từ diễn giải, thuyết giảng sang tổ chức hoạt động học đọc, viết, nói và nghe cho HS.

– Để tổ chức hoạt động học cho HS, GV cần nắm vững yêu cầu và kĩ thuật thực hiện các bước: khởi động bài học, giao nhiệm vụ cho HS, hướng dẫn HS học hợp tác, hướng dẫn HS tự ghi bài, tổ chức cho HS báo cáo kết quả học tập và nhận xét, đánh giá.

Như vậy, GV cần giảm thời gian nói để HS có cơ hội được tăng cường hoạt động học (cá nhân, nhóm, lớp). GV chỉ hỗ trợ, không làm thay, không trả lời thay HS. Trong khi dạy học, GV cần chú ý tạo không khí lớp học thân thiện, gây được hứng thú học tập cho HS.

3.1.2. Yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS

HS cần thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học. GV cần nắm được yêu cầu đổi mới phương pháp học tập đối với HS để hướng dẫn và hỗ trợ các em. Sau đây là một số yêu cầu cụ thể đối với HS:

– Chuẩn bị bài trước ở nhà. Chuẩn bị một số tư liệu (tranh, ảnh, hiện vật, đoạn phim ngắn,...) cần cho bài học và tìm ngữ liệu đọc mở rộng theo hướng dẫn của GV.

– Trả lời các câu hỏi, nhất là câu hỏi sau khi đọc; hoàn thành phiếu học tập mà GV giao.

– Trao đổi, thảo luận nhóm theo các nội dung GV nêu ra. Thuyết trình kết quả trao đổi, thảo luận của nhóm nếu được giao nhiệm vụ.

– Tương tác tích cực với GV.

Như vậy, HS cần chủ động hơn trong chuẩn bị bài học (phát triển khả năng tự học); làm việc nhóm và tương tác tích cực hơn với bạn và thầy cô.

3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học

Để dạy học SGK *Ngữ văn 8*, GV cần nghiên cứu kĩ định hướng đổi mới phương pháp dạy học *Ngữ văn* trong Chương trình và áp dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào hoạt động dạy học. Những yêu cầu cơ bản được nêu ra trong mục 2.1. ở trên cũng giúp GV có định hướng đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với bộ sách. Sau đây là những hướng dẫn và gợi ý bổ sung để tổ chức dạy học các nội dung cơ bản của bài học trong SGK *Ngữ văn 8*.

3.2.1. Hướng dẫn tổ chức dạy học *Tri thức ngữ văn*

Các kiến thức ngữ văn không được dạy như là một hệ thống các khái niệm thuần túy lí thuyết. HS tự đọc trước nội dung phần *Tri thức ngữ văn* ở nhà. Ở lớp, GV không phải đọc, giải thích cho HS nghe các định nghĩa mà HS nên được tiếp nhận bằng cách thức tự nhiên, được dẫn dắt “từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng”. Tùy vào từng bài học cụ thể mà GV triển khai cho phù hợp. Chẳng hạn, ở các bài học về truyện hay thơ, GV có thể cho các em kể lại một truyện đã học hay đọc một bài thơ em thích, rồi từ đó mới khơi gợi để các em hình dung về các yếu tố cơ bản của truyện hay thơ. Trước khi học các khái niệm có liên quan đến truyện và thơ, trên thực tế, HS đã được đọc nhiều tác phẩm

truyện, thơ ngay từ Tiểu học. Từ vốn đọc đó của HS mà GV giúp các em hình dung bước đầu các khái niệm công cụ có liên quan. Khi tìm hiểu *Tri thức ngữ văn*, HS chỉ cần nắm ở mức độ căn bản để các em vận dụng đọc các VB trong bài. Chỉ cần dành khoảng nửa tiết đầu mỗi bài học để giới thiệu bài và dẫn dắt HS tiếp cận với *Tri thức ngữ văn*. Không nên dành hẳn một tiết để dạy học *Tri thức ngữ văn* vì như thế thì phần này sẽ trở nên nặng về lí thuyết và không hấp dẫn với HS. Trong khi hướng dẫn HS đọc VB, GV cần giúp các em biết vận dụng các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn*. Nhờ đó, sau khi đọc VB, HS lại có cơ hội hiểu sâu hơn, đầy đủ hơn các khái niệm ở *Tri thức ngữ văn* đầu bài học. Với một số bài học, khi HS đã có vốn tri thức nền nhất định, GV có thể linh hoạt theo cách không tổ chức dạy học riêng phần *Tri thức ngữ văn* ở đầu bài học mà hướng dẫn HS tự tìm hiểu ở nhà và lồng ghép vào hoạt động đọc hiểu VB. Cách thức, quy trình triển khai thì đa dạng, nhưng phải bảo đảm yêu cầu giúp HS nắm vững các khái niệm công cụ và biết vận dụng để đọc hiểu VB trong SGK và các VB mới tương đồng về loại, thể loại. GV cũng cần chú ý nhắc lại *Tri thức ngữ văn* ở cuối mỗi bài học. Như vậy, con đường tiếp nhận các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn* không phải là tuyến tính mà được lặp lại và nâng cao qua các vòng.

Ở lớp 8, theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018, phần *Tri thức ngữ văn* có một số kiến thức lí thuyết tương đối phức tạp và khó, ví dụ: thơ Đường luật (thất ngôn bát cú và tứ tuyệt) và một số đặc điểm của thơ Đường luật, hài kịch, truyện có cốt truyện đa tuyến,... Những kiến thức này đòi hỏi HS phải có thời gian tìm hiểu và được GV hỗ trợ, hướng dẫn để nắm vững nhằm đảm bảo có thể vận dụng vào việc đọc hiểu VB một cách hiệu quả. Trong trường hợp đó, GV có thể có cách tiếp cận khác. Thay vì tổ chức trao đổi, thảo luận để HS tự hình thành kiến thức, GV cần dành thời gian nhiều hơn để diễn giảng, trao đổi kĩ hơn với HS về những khái niệm lí thuyết có liên quan. Tuy vậy, những trường hợp loại này không nhiều.

Riêng kiến thức tiếng Việt, tuy cũng được đặt ở đầu bài học, nhưng HS chỉ tiếp cận trước khi thực hành tiếng Việt, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc chung là: kiến thức cần ở đâu, mức độ nào thì cung cấp cho HS ở đó với mức độ tương ứng (xem thêm phần *Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt* dưới đây).

3.2.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc văn bản

Hoạt động đọc được thiết kế với 3 bước: trước khi đọc, trong khi đọc và sau khi đọc. GV cần chú ý đến cả 3 bước này. *Trước khi đọc* có mục tiêu khởi động, chuẩn bị tâm thế cho người học. Vì thế, GV cần khơi gợi để HS huy động hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, tưởng tượng, cảm xúc nhằm chuẩn bị tiếp cận VB đọc với tư cách một người đọc chủ động và tích cực. Như vậy, ngoài việc trang bị cho HS các khái niệm công cụ để đọc hiểu VB theo mô hình loại, thể loại VB như đã nói ở trên, GV còn cần “kích hoạt” đối tượng tiếp nhận để HS đọc hiểu VB trên nền tảng hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm, tưởng tượng, cảm xúc của chính các em. Với những câu hỏi, ý gợi dẫn *Trong khi đọc*, HS cần được hướng dẫn và chuẩn bị trước khi học trên lớp. GV cần có những lưu ý để HS quan tâm tới các chiến lược đọc này khi tự đọc thầm VB hay trong khi nghe GV hoặc bạn đọc thành tiếng, đọc mẫu trên lớp. Phần lớn các câu hỏi *Trong khi đọc* không yêu cầu HS phải dừng lại để trả lời mà chỉ như là những lưu ý, chỉ dẫn để hỗ trợ HS trong quá

trình đọc. GV nên làm mẫu cho HS để các em hiểu được trong quá trình đọc, các kiểu chiến lược đọc như *theo dõi, suy luận, hình dung, tưởng tượng, dự đoán*,... có tác dụng hỗ trợ như thế nào cho người đọc. Chẳng hạn, *suy luận* là suy đoán về điều mà tác giả không thể hiện trực tiếp trên VB. Kỹ năng này giúp người đọc nhìn sâu hơn vào suy nghĩ, hành động của nhân vật, kết nối được các sự việc, chi tiết trong VB, nhờ đó hiểu sâu sắc hơn nội dung và thông điệp của VB. GV hướng dẫn HS kết nối hiểu biết, trải nghiệm của chính mình với suy nghĩ, hành động của nhân vật, các sự việc, chi tiết trong VB để hiểu được ẩn ý của tác giả. *Hình dung, tưởng tượng* là “vẽ” trong đầu hình ảnh về nhân vật, sự kiện, bối cảnh,... xuất hiện trong VB đọc. Kỹ năng này giúp người đọc hiểu và ghi nhớ các nhân vật, sự việc, chi tiết trong quá trình đọc. GV hướng dẫn HS sử dụng các chi tiết từ VB đồng thời sử dụng những trải nghiệm của chính mình để tạo ra các hình ảnh trong đầu. *Dự đoán* là đoán trước điều có thể xảy ra tiếp theo trong VB. Kỹ năng này giúp người đọc chủ động tham gia vào câu chuyện và phát triển kỹ năng suy đoán, làm cho việc đọc trở nên hấp dẫn và thú vị hơn. Trong quá trình đọc, những dự đoán ban đầu có thể được điều chỉnh khi người đọc có thêm thông tin. GV hướng dẫn HS dựa vào các dữ liệu trong VB như cách miêu tả bối cảnh và nhân vật, các sự việc đã xảy ra cùng những hiểu biết, trải nghiệm của bản thân để suy đoán các sự kiện tiếp theo trong VB. Dựa vào nhan đề và tranh ảnh minh họa để suy đoán nội dung của VB cũng là một chiến lược gắn gũi với dự đoán. Nếu HS đọc trước VB ở nhà thì chiến lược dự đoán được áp dụng cho lần đọc đầu tiên đó. Tuy vậy, ở lớp, GV vẫn có thể yêu cầu HS chia sẻ xem các em đã dự đoán như thế nào. Có những câu hỏi hay yêu cầu trong khi đọc HS chỉ cần chú ý để tăng thêm hiệu quả đọc hiểu (như câu hỏi hay yêu cầu thuộc chiến lược *theo dõi, hình dung*,...). Nhưng cũng có những câu hỏi, yêu cầu trong khi đọc HS có thể dừng lại và chia sẻ câu trả lời hay phản hồi (như chiến lược *dự đoán, suy luận*,...). Trong khi đọc mẫu hay trong khi HS đọc thành tiếng, thỉnh thoảng GV có thể diễn giải lại cho HS nghe những gì diễn ra trong suy nghĩ của một người đọc có kinh nghiệm khi gặp những câu hỏi *Trong khi đọc*. Cùng với hoạt động *Trong khi đọc*, GV hướng dẫn để HS có kỹ năng chủ động tìm hiểu các từ ngữ đã được chú thích hoặc tự tìm hiểu thêm những từ ngữ mới, khó trong VB.

Hệ thống câu hỏi *Sau khi đọc* (đối với VB 1 và VB 2) bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học. Cần nhấn mạnh, các câu hỏi *Sau khi đọc* chú ý khai thác những đặc điểm của VB xét về mặt loại, thể loại VB để thông qua việc đọc hiểu một VB cụ thể, HS từng bước hình thành và phát triển kỹ năng đọc các VB khác cùng loại, thể loại. HS cần đọc những câu hỏi này và chuẩn bị bài trước khi học trên lớp. Tương tự *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong *Ngữ văn 8* thường gồm 6 – 8 câu, được thiết kế theo ba nhóm: *nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng*. Nhóm câu hỏi *nhận biết* gắn với yêu cầu tìm các thông tin, chi tiết, sự kiện được thể hiện tường minh. Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* đặt ra yêu cầu cao hơn, đòi hỏi HS phải nắm bắt được các nội dung hàm ẩn và có kỹ năng phân tích những gì được tiếp nhận. Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* chú trọng yêu cầu HS đánh giá nội dung và nghệ thuật của VB, tạo cho HS cơ hội kết nối VB với những trải nghiệm đời sống của bản thân, giúp bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em. Trên cơ sở hệ thống câu hỏi của SGK, GV có thể sắp xếp lại các câu hỏi hay bổ sung, sáng tạo, mở rộng bài học bằng các câu hỏi khác nhằm bảo đảm hoạt động đọc hiểu thêm hiệu quả, nhưng không làm tăng áp lực lên HS và không đi chệch mục tiêu, yêu cầu cần đạt của bài học.

Như đã lưu ý ở trên, trong khi hướng dẫn HS đọc VB, GV cần giúp các em biết vận dụng các khái niệm công cụ trong *Tri thức ngữ văn*, qua đó HS hiểu được những khái niệm công cụ đó được cung cấp nhằm hỗ trợ cho việc đọc hiểu VB, chứ không phải chỉ để hiểu và ghi nhớ.

Theo cách dạy truyền thống, GV thường khai thác hết tất cả các phương diện, yếu tố của một VB đọc, nhất là về phương diện nội dung tư tưởng và cả những thông tin ngoài VB như tiểu sử tác giả, bối cảnh sáng tác,... Phương pháp dạy học Ngữ văn theo sách mới không loại bỏ hoàn toàn những thông tin ngoài VB nhưng chỉ coi đó là những thông tin có tính chất bổ trợ (GV không nên dành nhiều thời gian để cung cấp thêm kiến thức văn học sử cho HS), trọng tâm của hoạt động đọc hiểu vẫn là chính VB và VB đó cũng được tìm hiểu, khám phá theo yêu cầu cần đạt của bài học. Đó chính là lí do sách thiết kế phần thông tin về tác giả và tác phẩm ở sau VB đọc hoặc chỉ là phần cước chú ngắn ở ngay trang đầu. Việc sắp xếp theo trình tự đó cũng gợi ý GV nên cho HS tiếp cận với những thông tin ngoài VB sau khi các em đã được đọc VB để việc đọc VB không bị chi phối bởi bất cứ yếu tố nào ngoài nó. Tuy vậy, trình tự dạy học thực tế còn tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể và GV có quyền lựa chọn phương án mà mình cho là phù hợp.

3.2.3. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt

Thực hành tiếng Việt được sắp xếp ngay sau hoạt động đọc VB và viết kết nối với đọc. Mục tiêu của hoạt động thực hành tiếng Việt là dùng những kiến thức về tiếng Việt được hình thành trong bài học hoặc đã học trước đó để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ, nhất là những điểm đặc sắc trong một VB, nhờ thế HS có thể hiểu VB đã đọc một cách sâu sắc hơn, từ đó vận dụng để đọc những VB khác và có thể học cả kinh nghiệm sử dụng tiếng Việt của tác giả để nâng cao kĩ năng viết của mình. Ngoài ngữ liệu đã được dẫn trong hệ thống bài tập *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể khai thác thêm các ngữ liệu khác được lấy từ bài đọc để HS có thêm cơ hội tìm hiểu và học hỏi cách sử dụng ngôn ngữ trong VB. GV cần lưu ý bảo đảm phương châm dạy học ngôn ngữ qua ngữ cảnh để HS nâng cao kĩ năng sử dụng tiếng Việt, không dạy học tiếng Việt chỉ nhằm đến mục tiêu giúp HS nắm được kiến thức về tiếng Việt. Kiến thức tiếng Việt mới gắn với từng bài được trình bày trong mục *Tri thức ngữ văn*, nhưng GV chỉ nên yêu cầu HS đọc trước toàn bộ ở nhà. Còn ở lớp thì trong hoạt động *Khám phá tri thức ngữ văn*, GV chưa cung cấp kiến thức tiếng Việt mà chỉ cung cấp các kiến thức về thể loại, loại VB để HS có kĩ năng đọc VB theo thể loại, loại VB. Kiến thức tiếng Việt chỉ nên được dạy ở đầu tiết *Thực hành tiếng Việt* theo nguyên tắc *cần ở đâu dạy ở đó*; không dạy tất cả kiến thức một lần cho toàn bài học lớn. Nói cách khác, các kiến thức phải được chọn lựa để cung cấp cho HS ở từng thời điểm trong quá trình dạy học.

3.2.4. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết

GV cần hướng dẫn HS hiểu rõ các yêu cầu cụ thể đối với mỗi kiểu bài viết cũng như quy trình viết để chủ động thực hành viết và phát triển năng lực viết. Trong khi hướng dẫn HS viết bài, GV cần huy động được hiểu biết, vốn sống, trải nghiệm và khơi gợi được hứng thú, cảm xúc của HS để các em có được những bài viết vừa đáp ứng được yêu cầu về kiểu VB viết, vừa có tính sáng tạo. Việc hướng dẫn HS tự kiểm soát, chỉnh sửa, nâng cấp bài viết rất quan trọng. Nên khuyến khích HS trao đổi và chia sẻ thông tin, ý tưởng trong quá

trình chuẩn bị nội dung viết và chỉnh sửa bài viết. Ngoài bài viết tham khảo trong SGK, GV có thể sử dụng thêm các ngữ liệu khác minh họa cho các kiểu bài viết và quy trình viết.

3.2.5. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe

Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HS chủ động, tự tin khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói và nghe, tạo cơ hội cho nhiều HS được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp. Có thể cho HS chia thành các nhóm có quan điểm, giải pháp không giống nhau để các em tranh luận, qua đó giúp các em “mài sắc” công cụ ngôn ngữ và tư duy. Chú ý sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,... trong quá trình trình bày. Lưu ý, GV chỉ nên dành nhiều thời gian hướng dẫn HS chuẩn bị cho hoạt động nói và nghe trong một hai bài đầu. Khi HS đã làm quen với thao tác chuẩn bị như lựa chọn đề tài, tìm ý và sắp xếp ý, các em có thể dựa vào hướng dẫn của SGK để tự chuẩn bị. Nhờ đó, thời gian cho hoạt động nói và nghe ở trên lớp có thể dành chủ yếu cho HS thực hành, GV không cần mất nhiều thời gian cho bước hướng dẫn HS chuẩn bị.

3.3. Hướng dẫn quy trình dạy học các dạng bài, hoạt động

3.3.1. Hướng dẫn tổ chức dạy học đọc

3.3.1.1. Dạy học đọc VB truyện

a. VB truyện và mục tiêu dạy học đọc VB truyện trong SGK Ngữ văn 8

– Truyện là thể loại được dạy học nhiều nhất trong SGK Ngữ văn nói chung. Ở SGK Ngữ văn 8, do yêu cầu của Chương trình, tỉ lệ các bài học về truyện có thấp hơn so với SGK Ngữ văn 6 và Ngữ văn 7, chỉ có 2,5/10 bài học có thể loại chính là truyện. Cụ thể, SGK Ngữ văn 8, tập một, bài 1 có 2 VB đọc là truyện lịch sử: *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (trích, Nguyễn Huy Tưởng), *Quang Trung đại phá quân Thanh* (trích Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô gia văn phái); bài 5 có 1 VB đọc là chùm truyện cười dân gian Việt Nam. SGK Ngữ văn 8, tập hai, ở bài 6 có 2 VB đọc là truyện hiện đại: *Mắt sói* (trích, Đa-ni-en Pen-nắc), *Lặng lẽ Sa Pa* (trích, Nguyễn Thành Long). Có 2 VB truyện được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Những ngôi sao xa xôi* (trích, Lê Minh Khuê) ở bài 7, *Xe đêm* (trích Pau-xtốp-xki) ở bài 8.

Ngoài ra, trong cả 3 bài dạy học về truyện còn có các VB truyện đặt ở phần *Thực hành đọc* (HS tự đọc ngoài giờ lên lớp) gồm: *Minh sư* (trích, Thái Bá Lợi) ở bài 1, *Giá không có ruồi!* (trích, A-dít Ne-xin) ở bài 5, *Chiếc lá cuối cùng* (trích, O. Hen-ry) ở bài 6.

– Mục tiêu dạy học đọc VB truyện được thể hiện cụ thể ở yêu cầu cần đạt của các bài học 1, 5, 6, chủ yếu tập trung vào các yêu cầu: nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; nhận biết được một số yếu tố của truyện cười như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật và ngôn ngữ; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm văn học; nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

+ Với lớp 8, tuy yêu cầu cần đạt của Chương trình chưa đòi hỏi phải khai thác sâu đặc điểm

thi pháp của các thể loại truyện, nhưng GV cần nắm vững kiến thức về thể loại truyện (truyện lịch sử, truyện cười, truyện ngắn hiện đại), từ đó có thể định hướng tổ chức các hoạt động dạy học đọc theo “mã thể loại”; giúp HS phát triển năng lực đọc hiểu VB truyện.

+ Những kiến thức cơ bản GV cần nắm gồm có các yếu tố cơ bản của truyện như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ trong các thể loại truyện lịch sử, truyện cười; cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến trong truyện ngắn hiện đại.

+ Truyện lịch sử: Tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kì, một giai đoạn lịch sử cụ thể. Tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc; khung cảnh sinh hoạt của con người;... là các yếu tố cơ bản tạo nên bối cảnh lịch sử của câu chuyện. Nhờ khả năng tưởng tượng, hư cấu và cách miêu tả của nhà văn, bối cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động như đang diễn ra.

Cốt truyện của truyện lịch sử thường được xây dựng trên cơ sở các sự kiện đã xảy ra; nhà văn tái tạo, hư cấu, sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật của mình nhằm thể hiện một chủ đề, tư tưởng nào đó.

Thế giới nhân vật trong truyện lịch sử cũng phong phú như trong cuộc đời thực. Việc chọn kiểu nhân vật nào để miêu tả trong truyện là dụng ý nghệ thuật riêng của nhà văn. Thông thường, truyện lịch sử tập trung khắc hoạ những nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân,... – những con người có vai trò quan trọng đối với đời sống của cộng đồng, dân tộc. Tuy nhiên, các nhân vật đó hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện cách lí giải độc đáo của nhà văn về lịch sử. Bên cạnh đó, mối quan hệ phức tạp giữa nhân vật với nhiều đối tượng khác nhau trong xã hội cũng được nhà văn quan tâm thể hiện.

Dù viết bằng văn xuôi hay văn vần, truyện ngắn hay tiểu thuyết, ngôn ngữ trong truyện lịch sử, nhất là ngôn ngữ nhân vật, phải phù hợp với thời đại được miêu tả, thể hiện vị thế xã hội, tính cách riêng của từng đối tượng.

+ Truyện cười: một thể loại tự sự có dung lượng nhỏ, dùng tiếng cười vừa để chế giễu những thói hư tật xấu, những điều trái tự nhiên, trái thuần phong mỹ tục của con người vừa nhằm mục đích giải trí. Truyện cười thường ngắn, cốt truyện tập trung vào sự việc có yếu tố gây cười, tình huống trớ trêu, những nghịch lí trong đời sống,... Bối cảnh được xây dựng trong truyện cười thường bị cường điệu so với thực tế, có yếu tố bất ngờ. Nhân vật chính trong truyện cười thường là đối tượng bị chế giễu. Ngôn ngữ truyện cười dân dã, nhiều ẩn ý. Truyện cười thường là truyện dân gian, tuy nhiên cũng có cả ở hình thức truyện kể của văn học viết.

+ Cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến:

Cốt truyện đơn tuyến là kiểu cốt truyện chỉ có một mạch sự kiện. Trong cốt truyện đơn tuyến, hệ thống sự kiện thường được tác giả kể lại gọn gàng, tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của một hoặc một vài nhân vật chính.

Cốt truyện đa tuyến là kiểu cốt truyện tồn tại đồng thời ít nhất hai mạch sự kiện. Các mạch sự kiện đó phát triển song song, xen kẽ hay lồng ghép vào nhau. Trong cốt truyện đa tuyến, hệ thống sự kiện thường phức tạp, được chia thành nhiều dòng, nhiều tuyến gắn với số phận các nhân vật chính của tác phẩm.

Ngoài ra, GV cần chú ý một khái niệm công cụ khác khi dạy đọc truyện nói riêng và văn bản văn học nói chung, đó là chủ đề. Chủ đề là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hay thông điệp chính của tác phẩm. Thông thường, chủ đề không được thể hiện trực tiếp mà người đọc phải tự rút ra từ nội dung của tác phẩm. Trong các tài liệu dạy học hiện nay, trong đó có cả SGK Ngữ văn, chủ đề được hiểu theo 2 nghĩa. Theo nghĩa rộng, chủ đề được dùng như chủ điểm, nội dung chính, đề tài, có thể được diễn đạt bằng một cụm từ như: *kí ức tuổi thơ, sức mạnh của tiếng cười, tôn trọng sự khác biệt...* Theo nghĩa hẹp, có tính chuyên môn của môn Ngữ văn, chủ đề cần được biểu đạt dưới hình thức một mệnh đề (câu), còn được gọi là “chủ đề tư tưởng” như: *Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng; Sống ở đời cần có lòng khoan dung; Quê hương mỗi người chỉ một*. Khái niệm chủ đề được giải thích trong bài học về truyện (bài 1) hiểu theo nghĩa hẹp đó.

– Phương tiện dạy học: GV nên chuẩn bị video clip, phiếu học tập, đoạn phim ngắn, tranh ảnh,... có liên quan. Tuy nhiên, cần tránh lạm dụng phương tiện dạy học, vì nó có thể làm cho việc dạy học trở nên tốn kém, hình thức và đặc biệt là hạn chế cơ hội để HS tiếp cận VB ngôn từ một cách có chiều sâu.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc văn bản truyện

– Mở đầu bài học, GV tổ chức một số hoạt động dạy học được quy định chung cho tất cả các bài:

+ Tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học: GV hướng dẫn HS đọc lời đề từ và phần giới thiệu bài học để nắm được chủ đề bài học và thể loại đọc. HS trao đổi trong nhóm, sau đó một số HS trình bày trước lớp. GV và HS thống nhất cách hiểu.

+ Khám phá *Tri thức ngữ văn*: Ở Tiểu học, HS đã học đọc một số tác phẩm truyện nhưng chưa được trang bị tri thức ngữ văn về thể loại. Ở lớp 6, lớp 7, HS đã được làm quen với một số khái niệm công cụ để đọc hiểu VB truyện. Dựa trên những truyện mà các em đã học, đã đọc và tri thức về truyện mà các em được học từ lớp 6, lớp 7, GV hướng dẫn cho HS đọc, nhận biết được các khái niệm công cụ: chủ đề, cốt truyện, bối cảnh, nhân vật,... và một số khái niệm về thể loại truyện mới được học: truyện lịch sử (bài 1), truyện cười (bài 5), truyện hiện đại (có cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến, bài 6). Như đã gợi ý ở trên, với một số kiến thức tương đối khó, GV có thể áp dụng phương pháp diễn giảng nhằm hỗ trợ HS tiếp cận khái niệm mới một cách thuận lợi hơn. Lưu ý, Chương trình Ngữ văn lớp 8 có yêu cầu cần đạt: nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến. Như vậy, sách có thể chọn một VB nào đó để dạy đồng thời cả truyện lịch sử và truyện có cốt truyện đa tuyến. Tuy vậy, *Ngữ văn 8*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* chọn truyện hiện đại *Mắt sói* (Đa-ni-en Pen-nắc) vì nó điển hình cho truyện có cốt truyện đa tuyến, giúp HS hình dung rõ hơn kĩ thuật viết truyện đa tuyến của nhà văn.

Cần tránh dạy thuần túy lí thuyết (không dành 1 tiết riêng để dạy *Tri thức ngữ văn*). Trừ một số trường hợp đặc biệt, mỗi khái niệm nên được hình thành trên cơ sở quy nạp từ những ngữ liệu cụ thể mà HS đã học, đã đọc trước đó. GV cũng có thể chọn phương án cho HS tiếp cận với các khái niệm công cụ ngay trong quá trình đọc VB, dùng chính VB để giúp HS nắm khái niệm.

– Hoạt động đọc VB truyện được thực hiện theo các bước như đọc các VB thuộc những loại, thể loại VB khác, thường theo các bước: khởi động trước khi đọc, đọc VB, trả lời câu hỏi sau khi đọc, viết kết nối với đọc (với VB 3 thì không có yêu cầu viết, hoạt động khởi động trước khi đọc và vận dụng các chiến lược đọc trong khi đọc thì linh hoạt). Tuy nhiên, việc đọc VB truyện có một số đặc điểm riêng cần lưu ý.

+ Hoạt động đọc VB: VB truyện trong SGK *Ngữ văn 8* có độ dài khoảng từ 5 đến 8 trang (gồm cả tranh minh họa). Muốn đọc hiểu tác phẩm truyện, trước hết phải nắm được cốt truyện. GV cần yêu cầu HS đọc trước VB ở nhà và thực hiện một số nhiệm vụ đọc để chuẩn bị bài trước khi đến lớp. GV cần kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và có thể sử dụng những kết quả đó để tổ chức hoạt động dạy học. Trên lớp, trước hết GV tổ chức hoạt động khởi động để giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm đã có vào việc học VB mới, sau đó cho các em đọc diễn cảm một số đoạn quan trọng, hoặc sử dụng hình thức đọc theo “vai” (người kể chuyện, các nhân vật). Khi đọc các VB truyện, GV cần hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược *theo dõi, dự đoán,...*

+ Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Như hệ thống câu hỏi sau khi đọc của *Ngữ văn 8* nói chung, các câu hỏi sau khi đọc ở bài 1, 5, 6 bám sát các yêu cầu cần đạt và được thiết kế theo ba nhóm câu hỏi: *nhận biết; phân tích, suy luận; đánh giá, vận dụng.*

Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường gắn với yêu cầu nhận biết đề tài, bối cảnh, sự kiện chính,... như: *Tóm tắt nội dung của VB và cho biết câu chuyện dựa trên bối cảnh của sự kiện lịch sử nào (Lá cờ thêu sáu chữ vàng); Em hãy liệt kê những nhân vật và sự kiện lịch sử được tác giả đề cập trong VB (Quang Trung đại phá quân Thanh); Cậu bé Phi Châu nhìn vào mắt sói và nhận ra những điều gì? Trong mắt sói, câu chuyện nào đã hiện lên? (Mắt sói); Xác định đề tài của truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" (Lặng lẽ Sa Pa).* Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* giúp HS nắm bắt được đặc điểm của nhân vật qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, suy nghĩ, cảm xúc và những nét nghệ thuật nổi bật khác của thể loại truyện có liên quan đến cốt truyện, tình huống, nghệ thuật kể chuyện,... như: *Trong lời người kể chuyện có đôi chỗ xen vào những ý nghĩ thầm kín của nhân vật Trần Quốc Toản. Nêu một vài trường hợp và phân tích tác dụng của sự đan xen đó (Lá cờ thêu sáu chữ vàng); Nhân vật Lê Chiêu Thống được khắc họa rõ nét qua những chi tiết tiêu biểu nào? Phân tích một chi tiết đặc sắc, thể hiện rõ bản chất của nhân vật Lê Chiêu Thống, qua đó thấy được thái độ của tác giả đối với nhân vật này (Quang Trung đại phá quân Thanh); Nêu cảm nhận của em về nhân vật Phi Châu. Chỉ ra những chi tiết giúp em có cảm nhận đó; Nhận xét về vai trò của hình ảnh mắt sói, mắt người trong việc tổ chức các sự kiện của cốt truyện (Mắt sói); Nhân vật anh thanh niên được nhà văn miêu tả qua những chi tiết nào (ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, hoàn cảnh sống, công việc, mối quan hệ với các nhân vật khác)? Hãy dựa vào một số chi tiết tiêu biểu để nhận xét về tính cách của nhân vật; Những bức tranh thiên nhiên Sa Pa tuyệt đẹp đã góp phần tạo nên chất thơ cho tác phẩm. Hãy chọn một đoạn văn tả cảnh Sa Pa mà em ấn tượng nhất và nêu cảm nhận (Lặng lẽ Sa Pa).* Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* chú trọng phát triển năng lực đánh giá, vận dụng của HS và bồi đắp, hoàn thiện nhân cách cho các em như: *Trong truyện này, ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đều mang đậm màu sắc lịch sử. Nêu một số ví dụ và cho biết tác dụng (Lá cờ thêu sáu chữ vàng); Ở đoạn trích này, những yếu tố đặc trưng nào của truyện lịch sử đã được tác giả sử dụng? Nhận xét về nghệ thuật kể chuyện lịch sử của tác giả (Quang Trung đại phá quân Thanh);*

Theo em, qua câu chuyện của Sói Lam và cậu bé Phi Châu, tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì? Câu chuyện đã tác động đến suy nghĩ và tình cảm của em như thế nào? (Mắt sói); Tác phẩm gợi cho em những suy nghĩ, bài học gì? (Lặng lẽ Sa Pa).

3.3.1.2. Dạy học đọc VB thơ

a. VB thơ và mục tiêu dạy học đọc VB thơ trong SGK Ngữ văn 8

– Trong Ngữ văn 8 có 6 VB thơ được chọn làm VB thuộc thể loại chính ở 3 bài là: *Thiên Trường vãn vọng* (Trần Nhân Tông), *Thu điếu* (Nguyễn Khuyến) ở bài 2; *Lễ xuống danh khoa Đình Dậu* (Trần Tế Xương), *Lai Tân* (Hồ Chí Minh) ở bài 4; *Đồng chí* (Chính Hữu), *Lá đỏ* (Nguyễn Đình Thi) ở bài 7. Có 4 VB thơ được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Ta đi tới* (Tố Hữu) ở bài 1, *Nam quốc sơn hà* ở bài 3, *Chùm ca dao trào phúng* ở bài 5, *Bếp lửa* (Bằng Việt) ở bài 6.

Ngoài ra, còn có các VB thơ được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có thể loại chính là thơ: *Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan) ở bài 2, *Vịnh cây vông* (Nguyễn Công Trứ) ở bài 4, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật) ở bài 7.

– Các VB thơ được chọn đọc trong Ngữ văn 8 đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của Chương trình về phát triển kỹ năng đọc VB thơ, trong đó có thơ Đường luật, từ đọc hiểu hình thức, đọc hiểu nội dung đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ở các VB thơ, hệ thống câu hỏi sau khi đọc trong SGK đều hướng HS tới:

+ Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối (bài 2, bài 4).

+ Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính của thơ trào phúng (bài 4).

+ Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc (bài 7).

+ Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua VB (bài 2, bài 7).

Ngoài ra, tùy vào nội dung ngữ liệu mà mỗi bài học còn giúp HS được bồi dưỡng những phẩm chất cần thiết như: biết yêu quý, trân trọng những giá trị văn hoá, văn học truyền thống (bài 2); có ý thức phê phán cái xấu, tiêu cực và hướng tới những điều tốt đẹp trong suy nghĩ và hành động (bài 4); yêu quê hương, đất nước, có niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống, có khát vọng và hoài bão lớn lao (bài 7).

Lưu ý, trong Chương trình có yêu cầu “Bước đầu biết làm một bài thơ tự do (sáu, bảy chữ)”. Yêu cầu này có thể hiểu theo 2 cách: làm một bài thơ tự do hoặc làm một bài thơ sáu, bảy chữ. Theo đó, ngữ liệu đọc cũng cần có VB thơ thuộc thể loại tương ứng. Ngữ văn 8, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* chọn thơ tự do, từ VB đọc cho đến VB thực hành viết vì nhóm tác giả cho rằng thơ tự do phổ biến hơn, cần nắm được “mã thể loại” nhiều hơn để vận dụng vào đọc hiểu. Còn thơ sáu, bảy chữ chủ yếu được xác định dựa trên số chữ của mỗi dòng thơ, đặc điểm thể loại không rõ, nên chúng tôi dự kiến sẽ kết hợp vào bài học về thơ tám chữ ở lớp 9.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

+ Thơ Đường luật: thuật ngữ chỉ chung các thể thơ được viết theo quy tắc chặt chẽ (luật) định hình từ thời nhà Đường (Trung Quốc), gồm hai thể chính là bát cú Đường luật và tứ tuyệt Đường luật, trong đó thất ngôn bát cú (mỗi câu thơ có 7 tiếng, mỗi bài thơ có 8 câu) được xác định là dạng cơ bản nhất. Bài thơ Đường luật có quy định nghiêm ngặt về hoà thanh (phối hợp, điều hoà thanh điệu), về niêm, đối, vần và nhịp.

- Thơ thất ngôn bát cú Đường luật

Về bố cục: Bài thơ thất ngôn bát cú gồm bốn cặp câu thơ, tương ứng với bốn phần: *đề* (triển khai ý ẩn chứa trong nhan đề), *thực* (nói rõ các khía cạnh chính của đối tượng bài thơ đề cập), *luận* (luận giải, mở rộng suy nghĩ về đối tượng), *kết* (thâu tóm tinh thần của cả bài, có thể kết hợp mở ra những ý tưởng mới). Khi đọc hiểu, cũng có thể chia bố cục bài thơ thành hai phần: bốn câu đầu, bốn câu cuối hoặc sáu câu đầu, hai câu cuối.

Về luật bằng trắc và niêm: Bài thơ phải sắp xếp thanh bằng, thanh trắc trong từng câu và cả bài theo quy định chặt chẽ. Quy định này được tính từ chữ thứ 2 của câu thứ nhất: Nếu chữ này là thanh bằng thì bài thơ thuộc luật bằng, là thanh trắc thì bài thơ thuộc luật trắc. Để đảm bảo sự hài hoà, cân bằng, trong mỗi câu, các thanh bằng, trắc đan xen nhau (bắt buộc ở chữ thứ 2, 4, 6) và trong mỗi cặp câu (còn gọi là *liên*), các thanh bằng, trắc phải ngược nhau. Về niêm, hai liên thơ liền nhau được “đính” theo nguyên tắc: Chữ thứ 2 của câu chẵn thuộc liên trên phải cùng thanh với chữ thứ 2 của câu lẻ thuộc liên dưới.

Về vần và nhịp: Bài thơ thất ngôn bát cú chỉ gieo một vần và là vần bằng ở chữ cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8; riêng vần của câu thứ nhất có thể linh hoạt. Câu thơ trong bài thất ngôn bát cú thường ngắt theo nhịp 4/3.

Về đối: Bài thơ thất ngôn bát cú chủ yếu sử dụng phép đối ở hai câu thực và hai câu luận.

Về ngôn ngữ: Ngôn ngữ thơ thất ngôn bát cú rất cô đọng, hàm súc; bút pháp tả cảnh thiên về gợi và ngụ tình; ý thơ thường gắn với mối liên hệ giữa tình và cảnh, tĩnh và động, thời gian và không gian, quá khứ và hiện tại, hữu hạn và vô hạn,...

• Thơ tứ tuyệt Đường luật: Mỗi bài thơ tứ tuyệt Đường luật có bốn câu, mỗi câu có năm chữ hoặc bảy chữ. Về bố cục, bài thơ tứ tuyệt gồm bốn phần: *khởi* (mở ý cho bài thơ), *thừa* (tiếp nối, phát triển ý thơ), *chuyển* (chuyển hướng ý thơ), *hợp* (thâu tóm ý tứ của toàn bài). Về niêm, luật (bằng trắc) và vần, bài thơ tứ tuyệt vẫn tuân theo các quy định như ở bài thơ thất ngôn bát cú nhưng không bắt buộc phải đối.

+ Thơ trào phúng: Về nội dung, thơ trào phúng dùng tiếng cười để phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa,... nhằm hướng con người tới các giá trị thẩm mỹ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp. Về nghệ thuật, thơ trào phúng thường sử dụng biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, nói quá,... tạo ra tiếng cười khi hài hước, mỉa mai, châm biếm nhẹ nhàng; lúc đả kích mạnh mẽ, sâu cay.

+ Thơ tự do: thể thơ không quy định số tiếng trong mỗi dòng thơ và số dòng trong mỗi khổ thơ. Thơ tự do có thể có vần hoặc không vần. Khi có vần, cách gieo vần trong bài thơ tự do rất linh hoạt: vần chân hoặc vần lưng, vần liền hoặc vần cách. Nhịp điệu của

thơ tự do được tạo nên bởi cách ngắt các vế trong dòng thơ, số tiếng của từng dòng, cách bố trí thanh điệu hoặc vần ở các tiếng được nhấn mạnh trong dòng thơ. Tính chất phóng khoáng về hình thức giúp thơ tự do có thể diễn tả sinh động cảm xúc của nhà thơ trước những biểu hiện mới mẻ, đa dạng, phong phú của cuộc sống.

+ Mạch cảm xúc: Thơ trữ tình thể hiện cảm xúc của nhà thơ trước một đối tượng nào đó. Vì vậy, cảm xúc là yếu tố đầu tiên, quan trọng nhất của thơ trữ tình. Cảm xúc vận động theo một trình tự và phát triển thành mạch. Mạch cảm xúc có nhiều cung bậc và sắc thái, chi phối các yếu tố nội dung và hình thức của một bài thơ trữ tình.

+ Cảm hứng chủ đạo: Tình cảm sâu sắc, mãnh liệt chi phối toàn bộ cách thể hiện đời sống, con người và sự lựa chọn hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học.

Ngoài ra, GV cần nắm vững một số khái niệm công cụ chung cần có trong quá trình dạy HS đọc VB thơ vốn đã được vận dụng khi dạy đọc VB thơ ở Tiểu học, *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7* như: hình ảnh, vần, nhịp,...; đặc biệt, ngôn ngữ thơ được nhà thơ chắt lọc, lựa chọn kĩ lưỡng, vì vậy rất hàm súc, gợi hình, gợi cảm, giàu tính nhạc và thường sử dụng nhiều biện pháp tu từ.

– Phương tiện dạy học: GV nên chuẩn bị video clip (ngâm thơ, đọc thơ), phiếu học tập, đoạn phim ngắn, tranh ảnh có liên quan đến nội dung bài học.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc VB thơ

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), việc dạy học đọc VB thơ trong *Ngữ văn 8* có một số đặc điểm riêng sau đây:

– Hoạt động đọc VB: HS cần được khuyến khích đọc VB trước khi đến lớp. Ở lớp, GV đọc mẫu một đoạn đầu, sau đó yêu cầu HS đọc diễn cảm toàn VB. Các VB thơ trong *Ngữ văn 8* không dài, vì vậy, mỗi HS có thể đọc thành tiếng toàn bài. Tuy nhiên, để tạo cơ hội cho nhiều HS được đọc, mỗi HS nên đọc một đoạn có độ dài vừa phải. GV lưu ý HS sử dụng chiến lược *hình dung* và *theo dõi* trong khi đọc VB thơ. Trong quá trình hướng dẫn đọc, GV có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi nhỏ, nhưng cần tránh làm gián đoạn mạch đọc của HS.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): Hệ thống câu hỏi sau khi đọc hướng tới khai thác những đặc điểm nghệ thuật của VB thơ, đặc biệt là các đặc điểm thi luật của một bài thơ Đường luật (bố cục, niêm, luật bằng trắc, vần, nhịp, đối) cũng như những giá trị nhân văn của tác phẩm.

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* thường hướng tới yêu cầu HS xác định những yếu tố thuộc về thi luật của một bài thơ Đường luật hoặc những dấu hiệu để nhận biết một bài thơ thuộc thể thơ tự do; bố cục, các biện pháp tu từ (so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ).

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* yêu cầu HS tìm ra những nội dung chính của VB thơ như mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo, chủ đề, thông điệp,... và những nét đặc sắc về nghệ thuật như những hình ảnh thơ độc đáo, cách tái hiện cảnh vật và cuộc sống con người, cách tạo nên tiếng cười trào phúng trong thơ,...

+ Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* nhằm phát triển khả năng *liên hệ, so sánh, kết nối* với các VB thơ khác cùng chủ đề, thể loại; với cuộc sống và với bản thân HS, chẳng hạn suy nghĩ sau khi đọc bài thơ, cảm nhận về tâm hồn của nhà thơ,...

3.3.1.3. *Dạy học đọc VB hài kịch*

a. VB hài kịch và mục tiêu của việc dạy học đọc hài kịch trong SGK Ngữ văn 8

– Trong *Ngữ văn 8* có một VB hài kịch duy nhất được chọn làm VB đọc thuộc thể loại chính của bài 5. *Những câu chuyện hài*, đó là *Trưởng giả học làm sang* (trích, Mô-li-e). Đây là bài học đầu tiên trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn HS được học thể loại kịch. Ở lớp 4 và lớp 5, tuy các em đã được đọc VB kịch bản văn học, nhưng mới chỉ làm quen với ngôn ngữ đối thoại trong kịch, chứ chưa được tiếp cận VB từ góc độ đặc điểm thể loại một cách đầy đủ.

– Qua việc dạy các VB cụ thể, GV cần cho HS thấy được sự luân chuyển lời đối thoại và hành động của nhân vật, sự xuất hiện các xung đột với nhiều hình thức đa dạng là những dấu hiệu chính để xác định một VB kịch.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

Hài kịch là một thể loại của kịch hướng vào sự cười nhạo cái xấu xa, lỗi bịch, lạc hậu,... đối lập với các chuẩn mực về cái tốt đẹp, tiến bộ. Các hình thức xung đột thường là: bên trong – bên ngoài, hiện tượng – bản chất, khả năng – ý đồ, vụng về – khôn khéo, cao thượng – nhỏ nhen, bất chước cái nghiêm túc theo lối đùa bỡn,... Xung đột kịch biểu hiện qua hành động kịch với các sự việc, tình huống gây cười. Nhân vật chính trong hài kịch thường là những người có nhược điểm về tính cách, là đối tượng bị phê phán. Lời đối thoại trong hài kịch có tính khẩu ngữ; cấu trúc đối thoại dựa trên những nội dung đối nghịch.

Hài kịch thường sử dụng các thủ pháp trào phúng như: tạo tình huống kịch tính, cải trang; dùng điệu bộ gây cười; dùng thủ pháp phóng đại, chơi chữ, gây hiểu lầm, thoại bỏ lửng, nhại,...

– Phương tiện dạy học: Khi dạy hài kịch, GV nên chuẩn bị một số phương tiện dạy học như tranh ảnh, video clip,..., nhất là những phương tiện nghe nhìn có liên quan đến nội dung VB hài kịch của Mô-li-e.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc hài kịch

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc VB hài kịch trong *Ngữ văn 8*, GV cần đặc biệt lưu ý mấy điểm sau:

– Hoạt động đọc VB: GV cần chú ý hướng dẫn HS sử dụng các chiến lược trong khi đọc và trả lời câu hỏi sau khi đọc; giúp các em nhận biết được mỗi câu hỏi đề cập đến một phương diện nổi bật hay một yếu tố đặc trưng của hài kịch.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV lưu ý 3 nhóm câu hỏi sau khi đọc một hài kịch:

+ Nhóm câu hỏi *nhận biết* các thông tin, chi tiết tường minh trong VB như: *Trang phục của ông Giuốc-đanh được diễn tả ở những chi tiết nào trong đoạn trích? Ở Lớp II, Hồi thứ ba, hành động cười của nhân vật Ni-côn cho biết điều gì về bộ trang phục của ông Giuốc-đanh? Nếu em là nhân vật Ni-côn, em có thấy bộ trang phục của ông Giuốc-đanh là đáng cười không? Vì sao?*

+ Nhóm câu hỏi *phân tích, suy luận* về tính cách nhân vật, xung đột kịch, nghệ thuật gây cười,... như: *Ông Giuốc-đanh đặt làm trang phục với mong muốn gì? Chỉ ra nét tính cách nổi bật ở nhân vật và giải thích vì sao ông dễ dàng bị những người thợ may lừa mị, lợi dụng và trở thành đáng cười trong mắt người hầu; Lời thoại trong các lớp kịch có gì đáng chú ý? Chỉ ra hành động của ông Giuốc-đanh và các nhân vật, từ đó nhận xét khái quát về xung đột kịch được biểu hiện qua đoạn trích;...*

+ Nhóm câu hỏi *đánh giá, vận dụng* yêu cầu HS đưa ra những ý kiến riêng về VB kịch hoặc những liên hệ, kết nối giữa nội dung VB kịch với cuộc sống như: *Giả sử em được đóng vai ông Giuốc-đanh để diễn đoạn trích này, em sẽ chọn trang phục, thể hiện dáng vẻ, điệu bộ của nhân vật như thế nào?; Theo em, trong cuộc sống hiện nay còn có những người như ông Giuốc-đanh không?;... Những câu hỏi loại này tạo cho HS cơ hội chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận riêng dựa trên kinh nghiệm, cá tính của từng em. HS có thể có nhiều phương án trả lời, vì vậy, GV không nên quy về một câu trả lời duy nhất.*

3.3.1.4. *Dạy học đọc VB nghị luận*

a. VB nghị luận và mục tiêu dạy học đọc VB nghị luận trong SGK Ngữ văn 8

– VB nghị luận được dạy học chủ yếu ở 2 bài: bài 3 (nghị luận xã hội) và bài 8 (nghị luận văn học). Bài 3 có 2 VB nghị luận xã hội: *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn) và *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh). Bài 8 có 2 VB nghị luận văn học: *Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam* (trích, Xuân Diệu) và *Độc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa* (Trần Đình Sử). Có 1 VB nghị luận được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Diễn từ ứng khẩu của thủ lĩnh da đỏ Xi-át-tơn* (Xi-át-tơn) ở bài 9.

Ngoài ra, còn có các VB nghị luận được dùng để HS thực hành đọc ở các bài có loại VB chính là VB nghị luận: *Chiếu dời đô* (Lý Công Uẩn) ở bài 3, *Năng mới – sự thành thực của một tâm hồn giàu mơ mộng* (Lê Quang Hưng) ở bài 8.

Các VB nghị luận trong *Ngữ văn 8* đều ngắn gọn, quan điểm của người viết thể hiện rõ ràng, nhất quán, lí lẽ sắc bén và bằng chứng phù hợp, lập luận có sức thuyết phục. Tuy nhiên, về nội dung thì những VB này có nâng cao đáng kể so với các VB nghị luận trong *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7* vì đề cập đến những vấn đề lớn lao như lòng yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm (bài 3. *Lời sông núi*) hay những vấn đề có tính chuyên môn như cách tiếp nhận và phân tích một tác phẩm văn học (Bài 8. *Nhà văn và trang viết*).

– Mục tiêu của việc dạy học đọc VB nghị luận trong *Ngữ văn 8* là tiếp tục giúp HS nắm được vững hơn, sâu hơn các yếu tố của một VB nghị luận và mối quan hệ giữa các yếu tố đó, cụ thể là: *nhận biết được luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong VB nghị luận; phân tích được mối liên hệ giữa luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện luận đề; phân biệt được lí lẽ, bằng chứng khách quan (có thể kiểm chứng được) với ý kiến, đánh giá chủ quan của người viết.*

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

Từ lớp 6, lớp 7, HS đã được bước đầu làm quen với một số khái niệm then chốt để đọc hiểu VB nghị luận như: mục đích của VB nghị luận, lí lẽ, bằng chứng, mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận. Trên cơ sở hiểu biết chung về VB nghị luận, bên cạnh VB nghị luận xã hội, các em cũng có cơ hội nhận biết các yếu tố của VB nghị luận văn học (phân tích một tác phẩm văn học). Ở lớp 8, GV cần giúp HS tiếp cận sâu hơn những kiến thức về VB nghị luận mà các em đã nắm từ 2 lớp trước và lưu ý một khái niệm mới là “luận đề” cũng như hiểu biết về mối liên hệ giữa luận đề với luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong VB nghị luận.

+ Luận đề là vấn đề được luận bàn trong VB nghị luận. Vấn đề đó có tính chất bao trùm, xuyên suốt VB. Mỗi VB nghị luận thường chỉ có một luận đề. Luận đề có thể được nêu rõ ở nhan đề, ở một số câu hoặc có thể được khái quát từ toàn bộ nội dung của VB. Luận đề trong VB nghị luận xã hội là hiện tượng hay vấn đề của đời sống được nêu để bàn luận.

+ Luận điểm là các ý triển khai những khía cạnh khác nhau của một luận đề trong VB nghị luận. Qua luận điểm được trình bày, có thể nhận thấy ý kiến cụ thể của người viết về vấn đề được bàn luận.

+ Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng là những yếu tố có mối liên hệ chặt chẽ với nhau trong VB nghị luận. Mối liên hệ này có tính tăng bậc. Như đã nêu trên, VB nghị luận trước hết phải có một luận đề. Từ luận đề, người viết triển khai thành các luận điểm. Mỗi luận điểm muốn có sức thuyết phục cần được làm rõ bằng các lí lẽ và mỗi lí lẽ cần được chứng minh bằng các bằng chứng cụ thể.

Khác với lớp 6 và lớp 7, ở lớp 8 có bài học riêng về VB nghị luận văn học, vì vậy, kiến thức về loại VB này cũng có nâng cao so với hai lớp trước. Cũng như VB nghị luận xã hội, VB nghị luận văn học có các yếu tố cơ bản của một VB nghị luận nhưng nó có một số nét riêng xuất phát từ vấn đề hay nội dung bàn luận.

+ VB nghị luận văn học là loại VB nghị luận trong đó người viết trình bày quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học (tác phẩm, tác giả, thể loại,...). VB nghị luận văn học cần có luận đề, luận điểm rõ ràng; lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục và được tổ chức một cách hợp lí.

+ Luận đề trong VB nghị luận văn học là vấn đề chính (về tác phẩm, tác giả, thể loại,...) được bàn luận trong VB, thường thể hiện ở nhan đề, phần mở đầu hoặc được suy luận từ toàn bộ VB.

+ Luận điểm trong VB nghị luận văn học là những ý chính được triển khai nhằm cụ thể hoá luận đề, dựa trên đặc điểm của đối tượng được bàn luận; chẳng hạn, nếu đối tượng được bàn luận là một tác phẩm văn học thì hệ thống luận điểm có thể được triển khai dựa trên các đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.

+ Lí lẽ trong VB nghị luận văn học là những điều được nêu ra một cách có căn cứ, hợp lô-gíc để làm rõ tính đúng đắn của luận điểm. Lí lẽ có thể đan xen yếu tố biểu cảm, nhưng cần chặt chẽ, khúc chiết, sắc bén, tránh dài dòng và cảm tính. Bằng chứng trong

VB nghị luận văn học là những câu văn, đoạn văn, dòng thơ, chi tiết, hình ảnh,... được dẫn từ tác phẩm văn học; hoặc những tài liệu, trích dẫn liên quan đến tác phẩm, tác giả, thể loại,... được dùng để làm sáng tỏ luận điểm.

Đối tượng bàn luận của VB nghị luận văn học chủ yếu là tác phẩm văn học. Loại VB này không chỉ mang những nét đặc thù xét từ chủ thể sáng tạo là tác giả (nhà văn, nhà thơ) mà còn có những đặc điểm riêng xét từ góc độ người tiếp nhận (độc giả), vì vậy nó cũng đặt ra vấn đề người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một VB văn học. Ở bài 8, SGK *Ngữ văn 8* đã bắt đầu cho HS được tiếp cận với kiến thức quan trọng này để phát huy ở các em vai trò tích cực, sáng tạo của người đọc.

+ Tác giả là chủ thể sáng tạo VB văn học, còn người đọc là chủ thể tiếp nhận. Quá trình đọc, tưởng tượng và cảm nhận giá trị nội dung và nghệ thuật của VB văn học chính là quá trình tiếp nhận. Việc tiếp nhận không thể tách rời đặc điểm của VB (thể loại, đề tài, chủ đề, bố cục, biện pháp nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng). Tuy nhiên, hoàn cảnh tiếp nhận tác phẩm, vốn sống, vốn hiểu biết, sự trải nghiệm của mỗi người đọc khác nhau, do đó cách hiểu, cảm nhận về ý nghĩa, giá trị của tác phẩm sẽ có những nét riêng, không hoàn toàn đồng nhất. Mỗi người đọc có thể lựa chọn cách đọc, cảm nhận, hiểu tác phẩm dựa trên vốn sống, kinh nghiệm,... của mình, có khả năng phát hiện ra những giá trị, ý nghĩa mới của VB. Do đó, ý nghĩa, giá trị của tác phẩm với mỗi người đọc, mỗi thời đại có thể được sáng tạo, mở rộng và trở nên phong phú hơn.

– Phương tiện dạy học: GV chủ yếu sử dụng PowerPoint để trình chiếu các nội dung cần thiết khi dạy phần Đọc và phần Viết.

c. Triển khai các hoạt động dạy học đọc VB nghị luận

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc hiểu VB nghị luận trong *Ngữ văn 8*, GV cần lưu ý mấy điểm sau:

– Hoạt động đọc VB: Dựa vào đặc điểm các VB nghị luận trong bài, GV hướng dẫn HS đọc trên lớp. GV cũng cần đọc mẫu (có thể chọn một số đoạn) và nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...). Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được đặt trong các thẻ hướng dẫn đọc. Hai VB nghị luận xã hội ở bài 3 (*Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh) và hai VB nghị luận văn học ở bài 8 (*Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam* của Xuân Diệu và *Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa* của Trần Đình Sử) đều chủ yếu dùng chiến lược *theo dõi*. Chiến lược đọc này giúp HS nắm nội dung cũng như các thao tác nghị luận được sử dụng ở từng đoạn.

– Hoạt động khám phá VB (trả lời câu hỏi): GV cần tập trung giúp HS nắm rõ: *Luận đề của VB là gì?; Hệ thống luận điểm được tổ chức như thế nào?; Các luận điểm đó được triển khai dựa trên những lí lẽ và bằng chứng nào?; Cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả có gì đáng lưu ý?; Em học hỏi được gì từ cách viết VB nghị luận của tác giả?; VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề được bàn luận?*

Đối với việc dạy học đọc hiểu VB nghị luận, phát triển kĩ năng lập luận cho HS là nhiệm vụ cần được ưu tiên. Nhiệm vụ này được thực hiện thông qua việc tổ chức cho HS trả lời các câu hỏi để nắm được cách người viết nêu vấn đề (luận đề) và sử dụng ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc về luận đề được nêu ra.

3.3.1.5. Dạy học đọc VB thông tin

a. VB thông tin và mục tiêu dạy học đọc VB thông tin trong SGK Ngữ văn 8

– Trong *Ngữ văn 8*, VB thông tin được dạy học chủ yếu ở bài 9, gồm có 2 VB đọc thuộc loại VB chính của bài học: *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ* (Lê Anh Tuấn), *Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”* (Lâm Lê); và bài 10, gồm có 1 VB đọc chính: *Lời giới thiệu cuốn sách “Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể”* (An-nơ Gô-xi-nhi). Ngoài ra còn có 2 VB thông tin được đưa vào bài học dựa trên sự kết nối về chủ đề: *Ca Huế trên sông Hương* (Hà Ánh Minh) ở bài 2 và *Một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng* (Trần Thị Hoa Lê) ở bài 4.

Ngoài ra, còn có 1 VB thông tin được dùng để HS thực hành đọc ở bài 9 có loại VB chính là VB thông tin: *“Dấu chân sinh thái” của mỗi người và thông điệp từ Trái Đất* (Dương Xuân Thảo).

– Tương tự *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, các VB thông tin được chọn đọc trong *Ngữ văn 8* đều có dung lượng vừa phải, tương đối dễ tiếp nhận do cách diễn đạt giản dị, sáng rõ và nội dung sát hợp với chủ đề bài học, ngay cả những VB có liên quan đến những kiến thức khoa học và có dùng thuật ngữ thì cũng không có những kiến thức quá hàn lâm. Tất cả đều là những ngữ liệu phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu của Chương trình về phát triển kĩ năng đọc VB thông tin, từ đọc hiểu nội dung, đọc hiểu hình thức đến liên hệ, so sánh, kết nối. Ví dụ, VB *Miền châu thổ sông Cửu Long cần chuyển đổi từ sống chung sang chào đón lũ* (Lê Anh Tuấn) (bài 9) giúp HS phân tích được thông tin cơ bản của VB và vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin; đánh giá được hiệu quả biểu đạt của phương tiện phi ngôn ngữ; liên hệ được thông tin trong VB với những vấn đề của xã hội đương đại; VB *Choáng ngợp và đau đớn những cảnh báo từ loạt phim “Hành tinh của chúng ta”* (Lâm Lê) (bài 9) giúp HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một bộ phim; VB *Lời giới thiệu cuốn sách “Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể”* (An-nơ Gô-xi-nhi) (bài 10) giúp HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một cuốn sách và cách trình bày thông tin trong VB; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm VB với mục đích của nó.

b. Chuẩn bị

– Những kiến thức GV cần nắm:

Ở lớp 6 và lớp 7, HS đã học một số kiến thức cơ bản về VB thông tin như: khái niệm VB thông tin, cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB thông tin (theo trật tự thời gian, theo quan hệ nhân quả, theo từng bộ phận của đối tượng được nói đến,...), tác dụng của các yếu tố cơ bản như nhan đề, sa-pô, đề mục, chữ đậm, số thứ tự, dấu đầu dòng và các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, số liệu,... trong VB thông tin. Các em cũng được học một số loại VB thông tin phổ biến như VB thông tin thuật lại một sự kiện, VB thông tin giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. Ở lớp 8, GV cần hướng dẫn để HS được tiếp cận với một số kiến thức nâng cao để các em có thể đọc hiểu những VB thông tin phức tạp hơn.

+ Mục đích của VB thông tin, mối quan hệ giữa thông tin khách quan và ý kiến chủ quan: VB thông tin có mục đích cung cấp thông tin xác thực về một sự vật, sự việc, hiện tượng trong đời sống tự nhiên và xã hội. Chính vì vậy, đối với loại VB này, tính khách quan của cách đưa thông tin và bản thân thông tin là điều có tầm quan trọng đặc biệt. Muốn đưa thông tin khách quan, người viết cần tra cứu tài liệu, tiếp cận thực tế và ghi chép tỉ mỉ, cẩn thận những gì mình thu nhận được với sự hỗ trợ của các phương tiện tác nghiệp chuyên dụng.

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của các phương tiện truyền thông và mạng xã hội, bên cạnh việc cung cấp thông tin, tác giả VB còn cần thể hiện quan điểm đánh giá của mình về đối tượng được đề cập, xem như là một cách định hướng giá trị. Tuy vậy, ý kiến chủ quan của tác giả phải được đặt độc lập với phần cung cấp thông tin khách quan, đảm bảo thông tin đưa đến cho người tiếp nhận không bị bóp méo, sai lệch.

+ VB giải thích một hiện tượng tự nhiên: Đây là loại VB phổ biến trên báo chí và các tài liệu khoa học, được thực hiện nhằm làm sáng tỏ bản chất, nguyên nhân xuất hiện và những tác động tích cực hoặc tiêu cực có thể có đối với đời sống con người của một hiện tượng tự nhiên nào đó. Trước khi giải thích hiện tượng bằng những căn cứ và lập luận khoa học, người thực hiện VB phải miêu tả được hiện tượng với những biểu hiện điển hình, có thể kèm theo những hình ảnh trực quan, kết quả của việc ghi nhận tại chỗ hoặc khai thác từ những nguồn tài liệu đáng tin cậy.

+ VB giới thiệu một bộ phim: Loại VB này thường hướng tới mục đích quảng bá các sản phẩm điện ảnh hay giúp khán giả có được những hiểu biết thường thức về điện ảnh. Tùy vào loại phim được phân chia theo các tiêu chí khác nhau (phim nhựa, phim truyền hình; phim tài liệu, phim truyện; phim hành động, phim dã sử, phim tâm lý xã hội, phim giả tưởng;...) mà nội dung VB xác định điểm nhấn và chọn cách triển khai khác nhau. Tuy nhiên, VB giới thiệu nào cũng cần đưa đến thông tin về nhà sản xuất, năm phát hành, các thành viên chủ chốt của đoàn làm phim, nội dung phim, những giá trị nổi bật của phim,... VB giới thiệu có sự kết hợp linh hoạt giữa thông tin khách quan và đánh giá chủ quan, giữa phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ (thường là ảnh chụp pa-nô quảng cáo hoặc một số cảnh phim đặc sắc), được trình bày hấp dẫn, có sức thu hút đối với người tiếp nhận.

– Phương tiện dạy học: Để dạy học đọc VB thông tin, bên cạnh giáo án (thiết kế bài dạy – học) thông thường, GV cần chuẩn bị thêm giáo án điện tử, kèm theo bộ hồ sơ gồm các tranh ảnh minh họa, các tờ báo, tạp chí có bài viết phù hợp, có thể dùng những tài liệu trực quan giúp HS hiểu rõ các thành phần của VB thông tin, đặc điểm của VB có phương tiện phi ngôn ngữ (VB đa phương thức).

c. Triển khai dạy học đọc VB thông tin

Ngoài những hoạt động dạy học áp dụng chung khi mở đầu bài học (tìm hiểu đề từ, giới thiệu bài học, hình thành tri thức ngữ văn) và mở đầu mỗi VB đọc thuộc loại, thể loại VB chính trong bài (khởi động trước khi đọc), khi dạy học đọc hiểu VB thông tin trong *Ngữ văn 8*, GV cần lưu ý mấy điểm sau:

– GV cần dựa vào hệ thống chiến lược đọc được cài đặt bên cạnh phần VB đọc và các câu hỏi ở phần *Sau khi đọc* để hướng dẫn HS tìm hiểu VB. Khi đi vào một VB thông tin

cụ thể, cần làm rõ: VB nói về vấn đề gì?; Thông tin chính mà tác giả muốn chuyển tải qua VB này là gì?; Thông tin trong VB được triển khai theo trình tự hay quan hệ nào? Cho biết tác dụng của cách triển khai đó; Các phương tiện phi ngôn ngữ như hình ảnh, sơ đồ, số liệu,... đã được sử dụng ra sao?; VB giúp em có thêm hiểu biết gì về vấn đề được đề cập?; ...

– Đối với việc đọc hiểu VB thông tin, vấn đề trau dồi kỹ năng đọc hiểu một kiểu VB và phát triển tư duy lô-gíc cho HS cần được ưu tiên. Việc đòi hỏi HS nắm được cách chuyển tải thông tin quan trọng hơn việc yêu cầu các em nhớ từng thông tin cụ thể. Một số thuật ngữ chuyên ngành có thể có trong VB thông tin, GV chỉ cần cho HS nắm vừa đủ để đọc hiểu VB, không cần đi sâu.

3.3.1.6. *Dạy học đọc mở rộng*

a. Đọc mở rộng và mục tiêu của hoạt động đọc mở rộng trong Ngữ văn 8

– SGK *Ngữ văn 8* dành 6 tiết cho việc tổ chức hoạt động đọc mở rộng tại lớp (4 tiết ở học kì I và 2 tiết ở học kì II)⁽¹⁾. Thời điểm để tổ chức hoạt động này được gợi ý qua các trang sách trong SGK có đề mục *Đọc mở rộng*. Các tiết *Đọc mở rộng* tại lớp này đã được tính trong thời lượng 140 tiết toàn năm học lớp 8 cho môn Ngữ văn.

– Theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018, đọc mở rộng là hoạt động HS được tự tìm VB để đọc. Hoạt động này giúp HS hình thành, phát triển thói quen, hứng thú và kỹ năng tự tìm sách và đọc sách. Mục tiêu của tiết học *Đọc mở rộng* ở lớp là tạo cơ hội cho HS chia sẻ kết quả tự đọc sách của mình với các bạn và với GV; đồng thời cũng tạo điều kiện cho GV nắm bắt được xu hướng, kỹ năng đọc sách của HS để kịp thời có những chỉ dẫn, định hướng phù hợp với yêu cầu giáo dục. Tuy Chương trình có nêu số VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin mà HS cần tự tìm đọc thêm mỗi năm, nhưng đó chỉ là con số tương đối để GV và HS hình dung hoạt động đọc mở rộng đặt ra yêu cầu cao đối với người học, coi đó là mục tiêu cần đạt đến, chứ không phải là căn cứ để GV kiểm soát lượng VB đọc của HS. Trên thực tế, nhà trường khó nắm được mỗi năm một HS đọc thêm được bao nhiêu VB ngoài SGK.

b. Chuẩn bị

– Để chuẩn bị cho tiết *Đọc mở rộng* tại lớp, ví dụ cho tiết đầu tiên trong 6 tiết được bố trí, sau khi học xong từng bài học: *Câu chuyện của lịch sử*, *Vẻ đẹp cổ điển*, *Lời sông núi*, GV cần giao nhiệm vụ cho HS tự tìm đọc (ngoài giờ lên lớp) các VB có cùng đặc điểm loại, thể loại (truyện lịch sử, thơ Đường luật, VB nghị luận xã hội) và gắn gũi về chủ đề với các VB đã học trong những bài này.

– HS có thể chọn sách từ tủ sách của lớp, mượn của thư viện trường hoặc tìm ở hiệu sách và từ các nguồn khác. GV cần khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học, hướng dẫn các em cách tìm sách ở thư viện của trường và hiệu sách. Để chuẩn bị tốt cho tiết học *Đọc mở rộng*, GV cũng cần hướng dẫn HS sử dụng các phiếu đọc sách để ghi lại kết quả đọc sách và tiện cho việc trao đổi kết quả đọc.

⁽¹⁾ GV có thể điều chỉnh thời gian cho đọc mở rộng tùy theo điều kiện thực tế. Các thầy cô có thể tăng, giảm số tiết và tổ chức trao đổi kết quả đọc mở rộng sau mỗi bài thay vì gộp sau bài 3, bài 5, bài 7 và bài 9.

– GV cần chuẩn bị một số VB đáp ứng yêu cầu về loại, thể loại và chủ đề để có thể giới thiệu thêm cho HS tìm đọc. Như đã nêu, qua hoạt động đọc mở rộng, *Ngữ văn 8* mong muốn giúp HS hình thành và phát triển thói quen, hứng thú, kỹ năng tự tìm kiếm sách để đọc. Nhưng nếu HS không có điều kiện tìm được đúng VB mà *Ngữ văn 8* yêu cầu, GV có thể linh hoạt điều chỉnh chủ đề VB phải tìm, miễn là đáp ứng được yêu cầu về loại, thể loại VB để hoạt động đọc mở rộng vẫn được thực hiện một cách hiệu quả.

c. Triển khai dạy học đọc mở rộng trong *Ngữ văn 8*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi về nội dung và nghệ thuật hoặc cách triển khai của VB mà mình đã đọc. Chẳng hạn với VB thuộc thể loại truyện lịch sử, HS có thể đặt các câu hỏi để trao đổi trong nhóm về chủ đề, bối cảnh, cốt truyện, nhân vật của truyện, liên hệ nội dung của truyện với suy nghĩ, trải nghiệm của người đọc và thực tế đời sống (*Chủ đề của truyện là gì? Thời kì hay giai đoạn lịch sử nào được nói đến trong truyện? Truyện cho biết những gì về tình hình chính trị của quốc gia, dân tộc và khung cảnh sinh hoạt của con người vào thời kì, giai đoạn lịch sử ấy? Truyện có những sự kiện chính gì, diễn ra theo trình tự nào? Nhân vật trong truyện gồm những ai? Nhân vật nào có tính cách đáng chú ý? Tính cách của nhân vật đó thể hiện như thế nào qua suy nghĩ, hành động, lời thoại? Các nhân vật trong truyện có nguyên mẫu là những nhân vật lịch sử nào không? Theo đánh giá của em, giữa các nhân vật trong truyện lịch sử mà em đọc với những nhân vật lịch sử mà em được biết có gì giống nhau và có gì khác nhau? Em có suy nghĩ gì sau khi đọc tác phẩm truyện lịch sử?*).

– Một số HS đại diện cho các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm. Các HS khác nhận xét, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá chung và biểu dương những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách cho nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc.

3.3.1.7. Dạy học dự án đọc sách

a. Dự án đọc sách và mục tiêu của dạy học dự án đọc sách trong *Ngữ văn 8*

SGK *Ngữ văn 8* dành 8 tiết (2 tuần) cho hoạt động đọc sách trong bài 10. *Sách – người bạn đồng hành*. Tuy được triển khai trong khuôn khổ các hoạt động của dự án đọc sách nhưng bài 10 vẫn phải đáp ứng một số yêu cầu cần đạt quan trọng của Chương trình, cụ thể:

– Về đọc: HS nhận biết và phân tích được đặc điểm của VB giới thiệu một cuốn sách; nhận biết và phân tích được vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận VB văn học; nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong VB văn học.

– Về viết: Viết được VB thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng, trình bày mạch lạc, thuyết phục.

– Về nói và nghe: Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (tự chọn): cung cấp cho người đọc những thông tin quan trọng nhất; nêu được đề tài hay chủ đề của cuốn sách và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật.

Như vậy, dự án đọc sách này có phần giống với một bài học thu nhỏ. Điểm khác biệt chủ yếu nằm ở tính mở về ngữ liệu đọc và tính linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức các

hoạt động. Hoạt động dạy học đọc hiểu VB giới thiệu một cuốn sách được tổ chức theo cách như đã hướng dẫn trong phần về dạy đọc VB nói chung, được tiến hành ngay trong giai đoạn đầu của dự án đọc sách và phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khác của dự án. Để tổ chức hoạt động dạy học dự án trong môn Ngữ văn, cụ thể là hoạt động đọc sách thực sự đạt hiệu quả, GV cần lưu ý những vấn đề sau:

- Xác định rõ mục tiêu của dự án trong mối quan hệ với yêu cầu cần đạt của hệ thống các bài học trước đó và của chính bài học này: phát triển kỹ năng tự đọc sách của HS, nâng cao khả năng tự học và dần trở thành một người đọc độc lập, biết làm việc với sách và vận dụng, sáng tạo trên cơ sở những gì đã đọc.

- Định hướng thể loại VB, chủ đề mà HS cần lựa chọn, trên cơ sở các thể loại VB và chủ đề bài học của SGK *Ngữ văn 8*.

b. Lập kế hoạch tổ chức dự án đọc sách

Dựa vào kế hoạch dạy học môn Ngữ văn và kế hoạch năm học của nhà trường, GV có thể linh hoạt tổ chức hoạt động của dự án đọc sách trong bài 10 vào thời gian thích hợp, tuy nhiên, một số nội dung của dự án cần thực hiện trước thời gian ôn tập và kiểm tra cuối năm để HS có thể hoàn thành một số yêu cầu quan trọng được quy định trong Chương trình. Để tổ chức hình thức dạy học dự án đối với bài học này đạt hiệu quả, thu hút và gợi hứng thú với HS, sau khi nghiên cứu kỹ mục tiêu, GV cần:

- Xác định rõ các hoạt động chính, tiến độ thực hiện hoạt động, sản phẩm dự kiến và các hình thức trình bày sản phẩm (báo cáo kết quả dự án) đã được định hướng trong bài học. GV cần lập kế hoạch tổ chức thực hiện dự án *Sách – người bạn đồng hành* một cách cụ thể và phù hợp với đối tượng HS của lớp mình.

- Phối hợp với GV dạy học các môn học và hoạt động giáo dục khác như *Mĩ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm*,... để có thể tổ chức hoạt động một cách sáng tạo, hấp dẫn.

- Nghiên cứu kỹ kế hoạch năm học, kế hoạch dạy học của nhà trường, từ đó xây dựng phương án sử dụng quỹ thời gian, điều chỉnh thời lượng phân bố cho bài học một cách linh hoạt khi tổ chức hoạt động chuẩn bị (tập luyện) và báo cáo kết quả (trình bày, giới thiệu sản phẩm sau khi đọc). Thời lượng phân bố cho bài học này trong *Ngữ văn 8* là 8 tiết nhưng khi tích hợp hoạt động của các môn học khác, quỹ thời gian dành cho các hoạt động cụ thể có thể tăng lên. Phạm vi của dự án cũng không chỉ giới hạn trong một lớp mà có thể mở rộng ra cả khối lớp hoặc toàn trường, khi có sự liên kết, phối hợp nhịp nhàng giữa các hoạt động được thực hiện theo kế hoạch năm học của nhà trường.

- Khi lập kế hoạch dạy học dự án đọc sách, cần xác định rõ các hoạt động, nội dung, sản phẩm của hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể để HS có thể tham gia vào các hoạt động, tạo ra được sản phẩm cụ thể sau quá trình đọc, viết; trình bày, giới thiệu được sản phẩm khi nói và nghe (báo cáo kết quả dự án). Tham khảo mẫu kế hoạch sau đây:

Tên Dự án: Sách – người bạn đồng hành

Thời gian	Tiến trình tổ chức		Sản phẩm	Phân công nhiệm vụ	
	Hoạt động	Nội dung		Ở lớp	Ở nhà
1	Khởi động	Giới thiệu; Tri thức ngữ văn	Danh mục sách được chọn; kế hoạch thực hiện hoạt động đọc sách; poster chung của dự án; góc đọc sách của nhóm, lớp.		
2, 3, 4	Thực hiện dự án: Đọc	Thách thức đầu tiên: Đọc như một hành trình. HS đọc VB “Lời giới thiệu cuốn sách <i>Nhóc Ni-cô-la: những chuyện chưa kể</i> ” và chọn đọc những cuốn sách yêu thích; đọc VB <i>Nhà thơ Y Phương: “Nói với con” cũng chính là nói với lòng mình</i> (Y Khương) và trả lời các câu hỏi về VB đã đọc.	Nhật kí đọc sách của nhóm (poster, phiếu đọc sách); câu trả lời của HS về các VB đọc.		
5, 6	Thực hiện dự án: Viết	Thách thức thứ hai: Kết nối cộng đồng người đọc	Bài viết giới thiệu một cuốn sách yêu thích hoặc một tác phẩm mới sáng tác (truyện, thơ,...).		
7, 8	Báo cáo kết quả: Nói và nghe	Về đích: Ngày hội với sách	Giới thiệu một cuốn sách yêu thích hoặc trình bày một tác phẩm do chính HS sáng tác.		

c. Chuẩn bị phương tiện thực hiện

Để đạt mục tiêu của dự án, GV cần huy động các phương tiện dạy học và cơ sở vật chất của nhà trường, của cộng đồng phụ huynh HS một cách hiệu quả:

– Thư viện nhà trường và/ hoặc các góc đọc sách của lớp: có quy mô phù hợp và có một số cuốn sách theo các chủ đề học tập đã được định hướng.

– Các phương tiện dạy học khác: có đủ màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh họa: tranh ảnh, phim ngắn (nếu có),...

d. Quy trình tổ chức thực hiện dự án đọc sách

Bước 1: Nghiên cứu mục tiêu.

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ theo kế hoạch.

Bước 3: Tổ chức thực hiện dự án.

– Hoạt động khởi động dự án đọc sách: thu hút HS tham gia dự án bằng các trò chơi, cuộc thi vui phù hợp với điều kiện của trường, lớp...

– Hoạt động xây dựng sản phẩm: đọc, viết, có thể kết hợp vẽ minh họa. Nếu có điều kiện thì có thể xây dựng các đoạn phim ngắn, kịch bản để biểu diễn hoạt cảnh (tùy điều kiện của địa phương, nhà trường và năng lực của HS).

– Hoạt động báo cáo kết quả dự án: trình bày, giới thiệu sản phẩm, biểu diễn hoạt cảnh (nếu chuẩn bị được).

Các hoạt động cụ thể thuộc quy trình tổ chức dự án đọc sách theo hình thức tích hợp nội môn và liên môn (môn Ngữ văn và các môn học thuộc lĩnh vực giáo dục nghệ thuật) đã được hướng dẫn chi tiết trong SGK, SGV. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện của nhà trường và năng lực của HS, GV có thể phát triển, mở rộng và sáng tạo thêm trên cơ sở hướng dẫn của tài liệu tập huấn và SGK.

3.3.2. Hướng dẫn tổ chức dạy học thực hành tiếng Việt

3.3.2.1. Kiến thức tiếng Việt và mục tiêu dạy học tiếng Việt trong Ngữ văn 8

a. Kiến thức tiếng Việt

Việc đưa kiến thức tiếng Việt vào SGK *Ngữ văn 8* được thực hiện theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018. Các kiến thức này thuộc các cấp độ và bình diện ngôn ngữ khác nhau:

– Từ vựng: nghĩa của một số thành ngữ và tục ngữ tương đối thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; từ tượng hình và từ tượng thanh: đặc điểm và tác dụng; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.

– Ngữ pháp: trợ từ, thán từ: đặc điểm và chức năng; thành phần biệt lập trong câu: đặc điểm và chức năng; câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm, câu khẳng định và câu phủ định: đặc điểm và chức năng.

– Hoạt động giao tiếp: biện pháp tu từ đảo ngữ, câu hỏi tu từ: đặc điểm và tác dụng; nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu; các đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp: đặc điểm và chức năng.

– Sự phát triển của ngôn ngữ và các biến thể ngôn ngữ: từ ngữ toàn dân và từ ngữ địa phương; chức năng và giá trị; biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ: hình ảnh, số liệu, biểu đồ,...

b. Mục tiêu dạy học tiếng Việt

Tiếp nối quan điểm biên soạn của *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, mục tiêu dạy học tiếng Việt trong *Ngữ văn 8* là trang bị cho HS công cụ để đọc hiểu, sau đó luyện viết, nói và nghe, chứ không nhằm cung cấp kiến thức lí thuyết theo lô-gíc của khoa học nghiên cứu về ngôn ngữ. Vì vậy, các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt không được tập hợp để tạo thành một “phân môn” riêng theo cách mà SGK thuộc Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2006 đã thực hiện. Nó hoàn toàn phù hợp với chủ trương tích hợp kiến thức tiếng Việt và những kiến thức ngữ văn khác vào một bài học với VB đọc hiểu là trung tâm. Do yêu cầu vận dụng kiến thức tiếng Việt để thực hành, qua đó phát triển kĩ năng giao tiếp, nên ngoài kiến thức mới đưa vào bài học theo yêu cầu của Chương trình, *Ngữ văn 8* còn thiết kế nhiều bài tập đòi hỏi HS vận dụng kiến thức đã học trước đó, kể cả kiến thức đã học ở Tiểu học và lớp 6, lớp 7 để tìm hiểu, khám phá các đặc điểm ngôn ngữ của VB. Trên cơ sở yêu cầu cần đạt chung như vậy, mỗi tiết *Thực hành tiếng Việt* đều bắt đầu bằng việc phân tích yêu cầu cần đạt cụ thể. Chẳng hạn, ở bài 2. *Vẻ đẹp cổ điển*, có 2 tiết thực hành tiếng Việt: tiết 1 yêu cầu HS nhận biết được đặc điểm và tác dụng của từ tượng hình và từ tượng thanh; tiết 2 yêu cầu HS nhận biết được đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ.

3.3.2.2. Chuẩn bị và triển khai dạy học

a. Chuẩn bị

– Những kiến thức cần nắm: GV đọc kĩ phần kiến thức tiếng Việt trong *Tri thức ngữ văn cho GV* trong SGK.

– Phương tiện dạy học: Ngoài SGK và tài liệu thiết kế kế hoạch dạy học theo hình thức thông thường, GV nên chuẩn bị thêm bài giảng điện tử để trình chiếu các nội dung cần thiết.

b. Triển khai dạy học thực hành tiếng Việt

– Hình thành kiến thức mới: Đây là hoạt động mở đầu phần *Thực hành tiếng Việt*. Tuy các khái niệm công cụ được trình bày trong phần *Tri thức ngữ văn* (đầu bài học), nhưng GV nên bắt đầu cho HS tiếp cận với những khái niệm này ngay trước khi thực hành tiếng Việt, nghĩa là sau khi hoàn thành hoạt động đọc hiểu VB 1, VB 2 và hoạt động *Viết kết nối với đọc*. Với bài không có kiến thức mới mà chỉ dùng kiến thức đã học, chủ yếu là đã học ở Tiểu học hoặc ở lớp 6, lớp 7 để thực hành thì hoạt động mở đầu sẽ là củng cố kiến thức đã học; GV giúp HS ôn lại kiến thức đã biết để thực hành. Việc ôn tập cần thực hiện nhanh, gọn, không dành thời gian dạy lại kiến thức cũ. Dù là hình thành kiến thức mới hay củng cố kiến thức cũ thì kiến thức đó chỉ được giới thiệu, phân tích một lần ở bài học mà nó xuất hiện đầu tiên. Ở các bài tiếp theo, GV chỉ nhắc lại nếu thấy cần thiết. Trước khi bắt đầu hoạt động hình thành kiến thức mới, đối với một số kiến thức

phù hợp, GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi.

GV có thể hình thành kiến thức mới cho HS bằng cách sử dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ, đi từ ngữ liệu thực tế để HS tìm hiểu và rút ra khái niệm (phương pháp quy nạp); hoặc sử dụng phương pháp thông báo, giải thích, đưa khái niệm, định nghĩa về đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ và lấy ví dụ để minh họa (phương pháp diễn dịch).

– Thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ: Sau khi HS đã nắm được kiến thức (khái niệm, định nghĩa), GV cần cho HS thực hành nhận biết các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ trong nhiều ngữ cảnh đa dạng. Ngoài ngữ liệu đã cho trong các khung *Nhận biết* đặt bên phải của phần *Thực hành tiếng Việt* trong SGK, có thể tìm thêm các ngữ liệu khác để HS thực hành nhận biết dưới sự hướng dẫn của GV. Hoạt động thực hành nhận biết với sự hỗ trợ của GV này là bước chuyển tiếp cần thiết giúp HS nắm vững kiến thức để hoàn thành các bài tập ở bước luyện tập, vận dụng.

– Luyện tập, vận dụng: Ở hoạt động này, GV có thể hướng dẫn HS làm việc cá nhân, theo cặp, nhóm để hoàn thành các bài tập. GV căn cứ vào thời gian của tiết học để hướng dẫn HS làm bài, không nhất thiết phải làm tất cả và tuân tự các bài tập tiếng Việt như trong SGK. Ví dụ, với những bài tập chỉ vận dụng kiến thức đã học ở các lớp trước, nếu không đủ thời gian, GV có thể yêu cầu HS tự hoàn thành ở nhà. Trong khi ngữ liệu để hình thành kiến thức được lấy từ những nguồn bất kì thì ngữ liệu được dùng để thiết kế các bài tập ở luyện tập, vận dụng trong SGK chủ yếu được lấy từ VB đọc có trong bài học vì hoạt động thực hành tiếng Việt ở đây là nhằm đáp ứng mục tiêu phục vụ cho việc đọc hiểu, giúp HS hiểu biết về tác dụng của việc sử dụng các đơn vị, hiện tượng ngôn ngữ xuất hiện trong VB và học hỏi kinh nghiệm viết của các nhà văn, nhà báo, nhà khoa học,... Ngoài ra, GV có thể tự thiết kế thêm các bài tập khác để HS luyện tập, miễn là đáp ứng điều kiện thời gian và mục tiêu dạy học. Mỗi bài học, từ bài 1 đến bài 9, dự kiến có 2 tiết cho *Thực hành tiếng Việt*. Tuy vậy, tùy vào khả năng hoàn thành của HS và số bài tập bổ sung mà GV có thể dành thời gian nhiều hơn hoặc ít hơn so với dự kiến. Tóm lại, GV được quyền điều chỉnh linh hoạt số lượng bài tập và thời gian HS hoàn thành bài tập.

3.3.3. Hướng dẫn tổ chức dạy học viết

3.3.3.1. Các kiểu bài viết trong SGK Ngữ văn 8

Theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 8* căn hướng dẫn HS luyện tập viết các kiểu bài sau:

- VB tự sự: Kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội (bài 1).
- VB biểu cảm: Tập làm một bài thơ tự do; thể hiện cảm nghĩ về một bài thơ tự do (bài 7).
- VB nghị luận:
 - + VB nghị luận xã hội: Nghị luận về một vấn đề đời sống (bài 3, bài 5).
 - + VB nghị luận văn học: Phân tích một tác phẩm thơ (bài 2, bài 4), phân tích một tác phẩm truyện (bài 6, bài 8).

– VB thông tin (thuyết minh): Giải thích một hiện tượng tự nhiên; giới thiệu một cuốn sách (bài 9, bài 10).

– VB thông tin (nhật dụng): Trình bày kiến nghị về một vấn đề của đời sống (bài 9).

Để việc dạy học viết đạt hiệu quả, GV cần chú ý đặc điểm của từng kiểu bài, yêu cầu cần đạt và quy trình dạy học viết đối với từng kiểu bài trong SGK *Ngữ văn 8*.

3.3.3.2. Quy trình dạy học viết

Phần *Viết* trong SGK *Ngữ văn 8* được sắp xếp sau phần *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) để HS có thể vận dụng kết quả đọc và thực hành tiếng Việt vào hoạt động viết một cách chủ động và hiệu quả. Quy trình căn bản của hoạt động dạy học viết trên lớp có thể hình dung như sau:

Bước 1: Giới thiệu kiểu bài.

Bước 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu yêu cầu đối với kiểu bài cần viết.

Bước 3: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo.

Bước 4: Tổ chức cho HS thực hành viết theo trình tự: trước khi viết, viết bài, chỉnh sửa bài viết.

Bước 5: Chấm bài, trả bài.

Trong mỗi bước của quy trình dạy học viết, GV cần chú ý phối hợp hài hoà hoạt động hướng dẫn của thầy cô và hoạt động thực hành của HS. Nghiên cứu kĩ SGK, SGK và căn cứ vào năng lực thực tế của HS để vận dụng quy trình dạy học viết thực sự sinh động và hiệu quả.

Về hoạt động rèn kĩ năng viết cho HS, cần nhấn mạnh một ưu điểm nổi trội của SGK *Ngữ văn*, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, trong đó có *Ngữ văn 8*: Ngoài *Viết bài theo kiểu loại VB*, mỗi bài học còn có phần *Viết kết nối với đọc* (được đặt ngay sau phần đọc hiểu VB 1 và VB 2; VB 3 được dạy học như một VB kết nối về chủ đề và thời lượng thường chỉ 1 tiết, nên không có hoạt động viết kết nối với đọc và một số hoạt động khác như đối với VB 1 và VB 2). Phần này chỉ yêu cầu HS viết những đoạn văn ngắn, đơn giản, có nội dung được gợi ra từ VB mà các em vừa đọc. Số lượng câu của đoạn văn cần viết ở lớp 8, vòng 2 của cấp THCS đã tăng thêm một chút so với lớp 6 và lớp 7 (lớp 6 và lớp 7: 5 – 7 câu, lớp 8: 7 – 9 câu). Dự kiến lên lớp 9, số câu sẽ không thay đổi so với lớp 8. Khác với *Viết bài theo kiểu loại VB* sau hoạt động đọc của mỗi bài học, đoạn văn viết ở đây linh hoạt về kiểu loại.

Viết kết nối với đọc nhằm tạo cơ hội cho HS được luyện viết thường xuyên, từ đó giúp các em có thói quen viết, kĩ năng viết và hứng thú viết. Như chúng ta đều biết, hiện nay nhiều HS gặp khó khăn khi viết các bài tập làm văn. Các em không chỉ hạn chế về kĩ năng tìm ý tưởng và triển khai VB theo đặc trưng của từng kiểu bài mà còn yếu cả về kĩ năng viết câu, tổ chức đoạn văn. Để có những bài viết tốt thì trước hết HS cần có kĩ năng diễn đạt bắt đầu từ các đơn vị giao tiếp cơ bản là câu và tiếp theo là đoạn văn. *Viết kết nối với đọc* là hoạt động viết giúp HS rèn luyện kĩ năng đó. Một khi có được thói quen và kĩ năng viết câu và đoạn như vậy (không khó như viết bài) thì các em sẽ tự tin và có hứng thú để viết,

từ đó từng bước phát triển kĩ năng viết những VB có ý tưởng phong phú hơn và cấu trúc phức tạp hơn.

Như chính tên gọi của đề mục *Viết kết nối với đọc*, GV hướng dẫn HS sử dụng kết quả đọc để triển khai nội dung viết. Nội dung đó có thể cụ thể (SGK nêu rõ đề tài, HS không cần phải tìm kiếm) hoặc rất mở (SGK chỉ định hướng, còn nội dung cụ thể do HS lựa chọn). Theo phân phối chương trình, VB 1 thường học trong 3 tiết, VB 2 thường học trong 2 tiết. Hoạt động *Viết kết nối với đọc* có thể được tổ chức vào khoảng 8 – 10 phút cuối trong thời gian 2 hoặc 3 tiết cho mỗi VB đọc chính đó. Các em cũng có thể viết ở nhà tùy thuộc thời gian còn lại cho việc đọc VB 1 và VB 2 ở lớp còn nhiều hay ít. GV có thể gợi ý bằng một số câu hỏi (nếu cần thiết). Nói chung, *Viết kết nối với đọc* có thể được tiến hành theo cách linh hoạt, nhưng cần phải bảo đảm tất cả HS đều hoàn thành yêu cầu *Viết kết nối với đọc* ở các bài học. Các em lần lượt có được cơ hội chia sẻ kết quả viết trước lớp. GV nên chọn ngẫu nhiên một số bài viết để chấm nhanh và nhận xét, chú ý ưu tiên sửa bài cho những HS thường gặp khó khăn khi viết.

3.3.3.3. Những lưu ý khi dạy học viết theo từng kiểu bài

a. Kiểu bài kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội

– Kiểu bài này được phân bố ở bài 1. *Câu chuyện của lịch sử*. Trong bài học này, ở phần Đọc, HS đã được học 2 VB truyện lịch sử: *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* (trích, Nguyễn Huy Tưởng), *Quang Trung đại phá quân Thanh* (trích Hoàng Lê nhất thống chí, Ngô gia văn phái) và 1 VB thơ viết về thắng lợi của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: *Ta đi tới* (Tố Hữu). Tuy bài viết không thuộc cùng kiểu loại với các VB đọc nhưng có mối liên hệ về chủ đề. *Ngữ văn 8* đặt ra cho HS yêu cầu viết bài văn kể lại chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá. Nội dung các VB đọc sẽ góp phần mang lại cho HS cảm hứng về lịch sử để viết được bài văn vừa đảm bảo tính xác thực vừa giàu cảm xúc.

– SGK *Ngữ văn 8* tập trung hướng dẫn HS viết bài kể lại chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá. Tuy vậy, theo định hướng của Chương trình, GV có thể mở rộng cho HS có thêm một lựa chọn khác là viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội. Về cơ bản, yêu cầu đối với bài văn kể lại một hoạt động xã hội và các bước triển khai bài viết cũng tương tự bài văn kể lại một chuyến đi.

– Bài văn kể lại chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá cần đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hoá; bày tỏ được cảm xúc của người viết.

+ Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...).

+ Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích đó (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc,...).

+ Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.

+ Sử dụng được yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong bài viết.

– Tuy gọi là “kể lại sự việc” nhưng thực chất đây là kiểu bài “thuật sự việc”, tức tái hiện sự việc có thật diễn ra trong quá khứ. Ở Tiểu học, HS đã được làm quen với kiểu bài thuật lại một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia; ở lớp 6 và lớp 7, các em được thực hành viết bài văn thuật lại một sự kiện và viết bài văn kể (thuật) lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử. Kiến thức và kĩ năng mà HS học được từ việc thực hành các kiểu bài này ở các lớp dưới góp phần giúp các em viết VB kể (thuật) lại một chuyến đi hay hoạt động một cách thuận lợi.

– SGK đã có những gợi ý cụ thể để GV tổ chức dạy học viết kiểu bài này. Ở đây, tài liệu tập huấn cung cấp thêm một số thông tin và ý tưởng để GV tham khảo và lựa chọn phương án phù hợp. Chẳng hạn, GV có thể tổ chức hoạt động giới thiệu kiểu bài cho HS bằng các cách:

+ Gợi cho HS nhớ lại cách viết về một sự việc đã chứng kiến (nhìn, xem) hoặc tham gia ở Tiểu học, và gần hơn là cách viết thuật lại một sự kiện ở lớp 6 và lớp 7. Có thể gợi cho các em nhớ cụ thể hơn sự việc, sự kiện nào các em đã chọn để kể hay thuật lại, sau đó giải thích để HS nắm được đặc điểm của kiểu bài viết trong bài học này. Cùng là viết về một sự việc, sự kiện, nhưng ở đây yêu cầu cụ thể hơn, đó là kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội. Bài viết ở bài 1 của *Ngữ văn 8* còn đặt ra yêu cầu cụ thể hơn: kể lại một chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá để kết nối với nội dung của các VB đọc và chủ đề của bài học nói chung.

+ GV yêu cầu HS đọc lại các yêu cầu của kiểu bài này trong SGK *Ngữ văn 8*, tập một (trang 28) và phân tích để làm rõ vì sao kiểu bài này cần đáp ứng những yêu cầu đó.

– Đọc và phân tích bài viết tham khảo: GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để đọc bài viết tham khảo và phân tích để thấy bài viết đó đã đáp ứng các yêu cầu của kiểu bài như thế nào. GV nêu một số câu hỏi để định hướng cho HS trao đổi. GV có thể cụ thể hoá những câu hỏi trên bằng hình thức phiếu học tập. Sau khi HS thảo luận nhóm xong, GV yêu cầu đại diện các nhóm trả lời. GV tổng hợp ý kiến của HS và chốt lại vấn đề.

b. Kiểu bài tập làm một bài thơ tự do

– Từ hoạt động đọc hiểu, HS nhận biết được những đặc điểm nội dung và hình thức nghệ thuật của một bài thơ tự do. Cùng với việc nhận diện đặc điểm của thể thơ tự do, vai trò của ngữ cảm, trực quan về âm thanh ngôn ngữ khi sáng tác là rất quan trọng. Do đó, GV nên hướng dẫn HS đọc đi đọc lại, đọc to theo nhiều cách khác nhau để thực sự cảm nhận được âm thanh, nhạc điệu (vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu,...) của một bài thơ tự do. Điều này giúp HS sau khi đã lựa chọn được đề tài, ý tưởng, có thể chủ động hơn trong việc vận dụng, lựa chọn tiếng, từ ngữ để cấu tạo dòng thơ.

– GV cần cho HS tập gieo vần bằng cách điền các tiếng thích hợp cho các dòng thơ (đã bỏ bớt đi một số tiếng ở vị trí cần chú ý về vần).

– Vì HS mới tập làm thơ tự do nên GV chỉ cần yêu cầu các em viết được một bài thơ ngắn. Hoạt động tập làm thơ không đòi hỏi HS phải sáng tác được những câu thơ, bài thơ hay, mà chủ yếu là thực hành để HS hiểu hơn đặc điểm của thơ tự do và có thể giúp HS thể hiện được sở trường, năng khiếu, hứng thú (nếu có).

c. Kiểu bài ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do

– Ở lớp 6 và lớp 7, HS đã được thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát và một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ. Ở lớp 8, HS được thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ thuộc thể loại khác: thơ tự do. Hoạt động thực hành này được phân bố ở bài 7. *Tin yêu và ước vọng*. Trong bài học này, VB đọc chính được viết bằng thể thơ tự do: *Đồng chí* (Chính Hữu), *Lá đỏ* (Nguyễn Đình Thi). Do đó, GV cần tận dụng những kiến thức, kĩ năng HS đã đạt được qua hoạt động đọc hiểu để có thể thực hiện các mục tiêu của bài viết. Để giúp HS vượt qua khó khăn khi thực hành viết kiểu bài *Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do*, cần nhắc các em nhớ lại những điều đã nắm được về cách thể hiện cảm xúc trữ tình mang tính đặc thù của các bài thơ kể trên.

– HS viết được đoạn văn có bố cục 3 phần: Mở đoạn, Thân đoạn và Kết đoạn. Nội dung chính của đoạn là nêu được cảm nghĩ về một bài thơ tự do. Đoạn văn cần giới thiệu được tên bài thơ và tác giả bài thơ, nêu được cảm nghĩ chung về bài thơ; trình bày được cảm nghĩ về những nét nghệ thuật độc đáo, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ tự do trong việc góp phần tạo nên nét riêng, giá trị của bài thơ. Từ đó, nêu được những cảm nghĩ về nội dung của bài thơ. GV cần lưu ý giúp HS biết cách sử dụng từ ngữ, câu văn thích hợp để thể hiện cảm nghĩ một cách sinh động.

d. Kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống

– Kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống được đặt ở bài 3. *Lời sông núi* và bài 5. *Những câu chuyện hài*. Ở lớp 6 và lớp 7, HS đã được thực hành viết kiểu bài nghị luận về một vấn đề đời sống. Tuy nhiên, ở lớp 6, các em chỉ mới được rèn luyện một vài kĩ năng cơ bản, gắn với các khái niệm then chốt như ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Ở lớp 7, kiểu bài nghị luận đặt ra yêu cầu cao hơn. HS phải biết trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống theo hai hướng lập luận khác nhau: trình bày ý kiến tán thành, trình bày ý kiến phản đối. Đến lớp 8, HS còn phải biết đối thoại với những ý kiến khác (giả định) nhằm khẳng định quan điểm của người viết. Cần hình dung được những ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề mà người viết muốn thuyết phục người đọc là một yêu cầu nâng cao của kiểu bài nghị luận xã hội ở lớp 8 so với các lớp dưới. Nó chứng tỏ sự trưởng thành và nhận thức sâu sắc của người viết vì biết nhìn nhận một vấn đề nghị luận từ những góc nhìn khác nhau.

– Từ những VB nghị luận đã đọc và bài viết tham khảo trong phần *Viết*, GV cần hướng dẫn HS nhận diện những vấn đề đời sống quen thuộc cần quan tâm và tìm hiểu để đi đến những kết luận, rút ra ý nghĩa, bài học thiết thực, phù hợp với lứa tuổi của các em. Ở lớp 6 và lớp 7, vấn đề đời sống mà HS quan tâm thường xoay quanh các mối quan hệ với gia đình, thầy cô, bạn bè và các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi hằng ngày. Lên lớp 8, vấn đề đời sống được mở rộng, HS cần nhìn nhận các vấn đề với tư cách

công dân. Ở bài 3. *Lời sông núi*, VB đọc là bài *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn và *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* của Hồ Chí Minh. Vì vậy, đến phần viết, *Ngữ văn 8* cũng đặt yêu cầu HS viết về vấn đề con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước. Yêu cầu đó tạo sự kết nối chặt chẽ giữa nội dung các VB đọc và nội dung bài viết. Nó cũng góp phần bồi dưỡng cho HS những phẩm chất công dân, chuẩn bị cho việc học lên cấp học cao hơn trong Chương trình GDPT. Ở bài 5. *Những câu chuyện hài*, VB đọc là hài kịch *Trường giả học làm sang* của Mô-li-e và chùm truyện cười dân gian Việt Nam. Phần Viết yêu cầu HS viết về một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại. Yêu cầu viết ở đây cũng có mối liên hệ với nội dung các VB đọc, tạo cơ hội cho HS được rèn luyện tư duy phê phán, nhìn nhận các vấn đề của đời sống bằng suy nghĩ độc lập. Vì vậy, GV cần có quan điểm mở để tiếp nhận những cái nhìn đa chiều của HS về cuộc sống. Tuy vậy, các thầy cô cũng cần có định hướng uốn nắn những quan điểm lệch lạc của HS (nếu có).

e. Kiểu bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (truyện, thơ,...)

– Trên cơ sở một yêu cầu về viết của Chương trình là phân tích một tác phẩm văn học, SGK *Ngữ văn 8* thiết kế 4 bài viết ở 4 bài học: 2 bài phân tích tác phẩm thơ, 2 bài phân tích tác phẩm truyện, cụ thể: bài 2. *Về đẹp cổ điển* (phân tích một bài thơ Đường luật), bài 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ* (phân tích một bài thơ Đường luật có nội dung trào phúng), bài 6. *Chân dung cuộc sống* (phân tích một tác phẩm truyện), bài 8. *Nhà văn và trang viết* (phân tích một tác phẩm truyện).

– Phân tích một tác phẩm văn học là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm văn học đó được thể hiện chủ yếu qua ngôn ngữ biểu đạt và những yếu tố cơ bản của thể loại như cốt truyện, nhân vật, ngôi kể,... đối với tác phẩm truyện; niêm, luật, vần, nhịp,... đối với tác phẩm thơ Đường luật. Hai bài phân tích thơ đều tập trung vào thơ Đường luật, chỉ có một điểm khác biệt là trong khi bài viết thứ nhất (ở bài 2. *Về đẹp cổ điển*) làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật trữ tình thì bài viết thứ hai (ở bài 4. *Tiếng cười trào phúng trong thơ*) tập trung làm rõ nội dung và nghệ thuật của một bài thơ Đường luật trào phúng. Yêu cầu của hai bài phân tích tác phẩm truyện về cơ bản là giống nhau. Tuy vậy, vẫn có sự khác biệt: Bài viết thứ hai (ở bài 8. *Nhà văn và trang viết*) hướng dẫn HS tập trung nhiều hơn vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm. Việc phân tích một tác phẩm truyện nói chung đều theo định hướng không dàn đều ở tất cả các yếu tố của tác phẩm truyện nhưng càng về sau thì bài viết càng nâng cao theo hướng lựa chọn một số yếu tố để phân tích nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp cận VB có chiều sâu.

g. Kiểu VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên

Như tên gọi của nó, đây là một kiểu bài cụ thể của VB thuyết minh. Kiểu VB này được dùng nhiều trên báo chí và các tài liệu khoa học. Việc luyện tập kiểu VB này giúp tăng cường sự kết nối, tích hợp giữa môn *Ngữ văn* với các môn học trong khoa học tự nhiên như Vật lí, Hoá học, Sinh học,...

Để giới thiệu kiểu bài, GV cho HS đọc lời dẫn dưới nhan đề “Viết VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên” trong SGK và nêu một số câu hỏi như: *Vì sao đây là kiểu bài cần chú ý luyện viết? Em hình dung ra sao về các tình huống mà ở đó kĩ năng viết kiểu bài này được vận dụng? Kiểu bài đã tạo cơ hội cho em mở rộng hiểu biết và trình bày các kiến thức có được do quan sát, tìm hiểu, tra cứu như thế nào?* GV có thể căn cứ vào câu trả lời của HS để chọn cách giới thiệu tự nhiên mà ngắn gọn về nội dung của tiết học.

GV cho HS tìm hiểu, trao đổi về phần *Yêu cầu* trong SGK. Tất cả các yêu cầu đều được nêu rất ngắn gọn, tường minh nên không cần dành nhiều thời gian cho hoạt động này. GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo và các thẻ ghi chú bên cạnh VB.

GV tổ chức cho HS đọc và trao đổi về phần *Thực hành viết theo các bước* trong SGK, lưu ý các em cần xem đề tài nào trong danh mục gợi ý mà bản thân có được sự chuẩn bị tốt nhất thì quyết định lựa chọn. GV sơ duyệt các đề tài được HS đề xuất để “chốt” lại thành một danh sách; nhắc HS bám sát các câu hỏi đã nêu trong SGK để tìm ý. Nên cho các em sử dụng các tài liệu đã chuẩn bị sẵn để viết bài vì có lúc bài viết cần nêu trích dẫn hay đưa ra các số liệu, dữ kiện khó nhớ.

h. Kiểu VB thuyết minh giới thiệu một cuốn sách

Tiếp nối kiểu VB giải thích một hiện tượng tự nhiên, đây là một kiểu VB thuyết minh khác, rất thông dụng trong đời sống.

– Trong phần *Đọc*, HS đã được chuẩn bị để hiểu rõ mục đích và cách trình bày bố cục, nội dung của VB thuyết minh giới thiệu một cuốn sách. Tuy nhiên, GV vẫn cần lưu ý HS đọc kĩ phần *Yêu cầu* để xác định được rõ các thông tin cần trình bày và chủ động trong việc nêu quan điểm cá nhân về cuốn sách cũng như tìm cách nhấn mạnh những nội dung cần thiết nhằm thực hiện được mục đích giao tiếp quan trọng khi viết lời giới thiệu sách: thu hút người đọc, khơi gợi nhu cầu đọc, tìm hiểu về cuốn sách.

– GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo để tìm hiểu và nhận diện rõ những đặc điểm của bài thuyết minh giới thiệu sách, lựa chọn cuốn sách yêu thích đã đọc để chuẩn bị viết bài giới thiệu, thực hành viết theo các bước hướng dẫn của SGK, chỉnh sửa bài viết. *Lưu ý:* Bài thuyết minh giới thiệu sách có thể trình bày sáng tạo, kết hợp vẽ minh họa hoặc sơ đồ.

i. Kiểu VB kiến nghị về một vấn đề của đời sống

– Đây là một kiểu VB nhật dụng. Tuy không phổ biến trong đời sống như những kiểu VB nhật dụng mà HS đã được học ở các lớp dưới nhưng nó thực sự cần thiết trong một số trường hợp, vì vậy cũng là kiểu VB mà Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018 cần phải bao quát đủ. Do mục đích là để nghị những cá nhân, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền xem xét, giải quyết một vấn đề có liên quan đến cuộc sống của người viết và những người xung quanh nên kiểu VB kiến nghị cũng có yếu tố nghị luận hỗ trợ. Ngoài yêu cầu trình bày rõ ràng về vấn đề kiến nghị, VB cần gợi ý, đề xuất các giải pháp có tính khả thi và thuyết phục, có như vậy thì mới có thể khiến cho người tiếp nhận hành động để đáp ứng kiến nghị của người viết.

– Nội dung kiến nghị trong VB không nhất thiết phải là nội dung các em thực sự muốn nêu với một cá nhân, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền cụ thể ở chính môi trường sống của mình. Có như vậy thì việc lựa chọn đề tài mới thực sự dễ dàng, dựa trên những gợi ý của SGK. Đòi hỏi đối với VB mà HS phải viết là đảm bảo tính lô-gíc giữa vấn đề được nêu lên với những đề xuất về cách giải quyết.

– SGV đã có một số gợi ý cho GV về cách giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài, hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước. SGK đã nêu khái quát các yêu cầu của kiểu bài viết. GV có thể mô hình hoá toàn bộ yêu cầu đó để HS dễ theo dõi trong quá trình thực hành viết theo các bước. Lưu ý thêm: VB cần có dung lượng vừa phải với những câu văn ngắn gọn, cô đúc, đúng với đặc điểm ngôn ngữ của một VB kiến nghị nói riêng và VB nhật dụng nói chung.

3.3.3.4. Phân tích hoạt động dạy học viết từ một kiểu bài cụ thể (kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học – truyện)

Phần hướng dẫn dạy học viết kiểu bài này trong SGV gồm có các nội dung sau: 1. Phân tích yêu cầu cần đạt; 2. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện; 3. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học, gồm các bước như đã giới thiệu ở quy trình tổ chức dạy học viết: giới thiệu kiểu bài, tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện, đọc và phân tích bài viết tham khảo, thực hành viết theo các bước, trả bài. Đó cũng là nội dung hướng dẫn dạy học viết các kiểu VB nói chung.

a. Phân tích yêu cầu cần đạt

SGV chỉ nêu ngắn gọn: HS nhận biết được yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện và viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện (nêu chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm). GV cần nắm được yêu cầu đó (mục tiêu của bài học) để có định hướng triển khai dạy học viết phù hợp.

b. Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn phân tích tác phẩm truyện

Nội dung phần này nhằm cung cấp thêm thông tin và ý tưởng để hỗ trợ GV tổ chức dạy học viết một kiểu VB cụ thể. Trên cơ sở các yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện trong SGK, SGV thuyết minh, phân tích sâu hơn những yêu cầu này. Chẳng hạn, với yêu cầu “nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm truyện”, SGV cung cấp thêm thông tin để GV giúp HS hiểu rõ vì sao phải nêu ngắn gọn nội dung chính của truyện mà các em phân tích: Việc nêu nội dung chính của truyện giúp những người chưa từng đọc tác phẩm cũng có thể hiểu được ý kiến của người viết. Mặt khác, nội dung của câu chuyện chính là cơ sở quan trọng để người viết rút ra chủ đề của tác phẩm. SGV cũng lưu ý: Phần nêu nội dung chính cần vừa đủ, không quá dài để trở nên rườm rà và cũng không ngắn đến mức chưa đủ thông tin để người đọc nắm được nội dung tác phẩm.

Như đã trình bày ở trên, phân tích tác phẩm truyện là làm rõ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm được thể hiện chủ yếu qua ngôn ngữ biểu đạt và những yếu tố cơ bản của thể loại như cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện,... Tuy nhiên,

thông thường, một bài văn phân tích một tác phẩm truyện không nhất thiết phải bao quát hết tất cả các phương diện nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó mà chỉ tập trung vào một số nét đặc sắc nào đó như: cách xây dựng cốt truyện, ngôi kể, nhân vật, chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ,... Với khả năng của HS lớp 8, GV có thể cho các em tùy chọn những nội dung mà em thấy thuận lợi để phân tích, không ấn định một nội dung phân tích cụ thể. Lên THPT thì yêu cầu có nâng cao, khi đó sẽ yêu cầu HS tập trung vào một yếu tố, phương diện của thể loại truyện, chẳng hạn cốt truyện, nhân vật, hoặc nghệ thuật tự sự,...

c. Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học

SGV trình bày các “kịch bản” để GV tham khảo và vận dụng trong tổ chức dạy học.

– Trước hết là gợi ý giới thiệu kiểu bài. Chẳng hạn: GV có thể yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Tác phẩm truyện nào đã để lại trong em ấn tượng sâu sắc? Vì sao?* GV có thể yêu cầu HS nêu đặc điểm nổi bật về nội dung và hình thức nghệ thuật của một trong những truyện mà các em vừa học: *Mắt sói* hoặc *Lặng lẽ Sa Pa*. GV cũng có thể tổ chức trò chơi cho HS đoán tên các tác phẩm truyện qua hình ảnh hoặc qua từ khoá nêu nội dung, chi tiết của tác phẩm. Từ đó, GV dẫn dắt vào bài học về nhiệm vụ viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện.

– SGV cũng gợi ý phương án tổ chức cho HS đọc và tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện. GV có thể sử dụng câu hỏi như: *Theo em, bài văn phân tích một tác phẩm truyện cần phải đáp ứng được những yêu cầu gì?* Từ đó, đưa ra yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện. Đối với HS khá giỏi, GV có thể bổ sung yêu cầu giải thích vì sao phân tích một tác phẩm truyện thì phải đáp ứng những yêu cầu đó.

– Tiếp theo là gợi ý tổ chức cho HS đọc và phân tích bài viết tham khảo. Chẳng hạn, sau khi yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo *Hãy “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ” để cảm nhận vẻ đẹp diệu kì của cuộc sống*, GV hướng dẫn HS thảo luận về các yêu cầu của bài văn phân tích một tác phẩm truyện được thể hiện trong bài viết tham khảo này. GV có thể sử dụng các câu hỏi như: *Phần nào, câu nào đã giới thiệu tác phẩm truyện? Đoạn nào của bài văn nêu nội dung chính của tác phẩm truyện? Nêu “công thức” trình bày nội dung chính của tác phẩm truyện. Đọc đoạn (3), (4), (5), (6) của bài văn và chỉ ra: a) các câu nêu chủ đề của tác phẩm và những bằng chứng được trích từ tác phẩm để làm sáng tỏ chủ đề; b) các câu nhận xét, phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm và các bằng chứng được trích từ tác phẩm; c) các câu khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.*

Cần lưu ý, GV hướng dẫn HS phân tích bài viết tham khảo không phải để HS thấy được bài viết hay, đặc sắc như thế nào mà nhằm giúp các em hình dung cách triển khai một bài viết đáp ứng được yêu cầu của kiểu bài. Vì vậy, cần tránh để HS tiếp cận bài viết tham khảo như một VB đọc hiểu.

– Hướng dẫn tổ chức cho HS thực hành viết theo các bước và trả bài. Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện cũng cần thực hiện các bước đúng như viết các kiểu VB khác, bắt đầu từ việc xác định mục đích viết và người đọc; lựa chọn đề tài; tìm ý và lập

dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết. Việc đặt ra yêu cầu xác định mục đích viết và người đọc ở đây chủ yếu nhằm nhắc nhở HS khi viết bài thường xuyên có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến. Cùng một nội dung viết (ví dụ vấn đề ô nhiễm môi trường) nhưng với những mục đích khác nhau (giải thích, thuyết phục,...) cho những người đọc khác nhau (cho các bạn cùng lớp, cho những người dân trong khu dân cư, cho độc giả của một tờ báo, cho chính quyền địa phương,...) thì bài viết có những khác biệt đáng kể về kiểu bài (thuyết minh, nghị luận,...), ngôn ngữ diễn đạt (từ ngữ xưng hô, sắc thái thân mật hay trang trọng của từ ngữ,...),... Từ *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*, các tiết thực hành viết đã phải luôn lưu ý HS điều này, ở *Ngữ văn 8* và lớp tiếp theo của cấp THCS, điều này cần được tiếp tục lưu ý để HS khắc sâu thành nhận thức, thói quen.

- GV ra đề bài cụ thể cho HS thực hiện, chẳng hạn: *Phân tích truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long*. GV hướng dẫn HS phân tích yêu cầu của đề bài (gạch dưới các từ ngữ quan trọng trong đề bài) để xác định nhiệm vụ viết. Như các bài viết nói chung, GV lưu ý HS có ý thức bám sát mục đích viết và đối tượng người đọc mà bài viết hướng tới. GV hướng dẫn HS tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi được gợi ý trong SGK. GV có thể dựa vào SGK để thiết kế phiếu tìm ý cho HS. Sau khi HS điền đầy đủ thông tin vào phiếu, nghĩa là đã hoàn thành việc tìm ý, GV hướng dẫn các em sắp xếp lại theo trật tự hợp lí để có một dàn ý. Dàn ý phải ghi rõ từng phần: Mở bài, Thân bài, Kết bài.

- GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý để thực hiện bài viết. Nên xem lại bài viết tham khảo và các VB đã đọc để biết cách viết các phần theo bố cục mà dàn ý đã nêu. Các em có thể làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu tìm ý và trao đổi cặp đôi để góp ý cho nhau. Tùy vào điều kiện thời gian mà GV cho HS viết bài tại lớp hoặc ở nhà.

- Chấm bài và trả bài là một khâu quan trọng của quá trình dạy học viết, GV không nên bỏ qua. Tuy vậy, cần triển khai theo cách linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Tuy phân phối chương trình có dự kiến thời gian trả bài cho tất cả các bài viết, nhưng tùy vào quy định về đánh giá và bối cảnh thực tế, GV chỉ chấm và trả bài cho cả lớp đối với một số bài viết; còn các bài viết khác, GV có thể chỉ chấm và trả bài cho một số HS và mời một vài HS trình bày bài viết trước lớp để GV và các bạn cùng lớp góp ý, nhận xét. Khi trả bài, GV cần cho HS nhắc lại để khắc sâu yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm truyện và một vài lưu ý khi viết kiểu bài này. GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS và phân tích một số điểm tích cực lẫn hạn chế trong bài làm để HS rút kinh nghiệm.

- GV trả bài cho HS và yêu cầu các em chỉnh sửa bài viết theo hướng dẫn trong SGK bằng hình thức làm việc cá nhân hoặc theo nhóm. Nếu có ý kiến thắc mắc về nhận xét đánh giá của GV, GV cần giải thích thỏa đáng trên tinh thần dân chủ. Hướng dẫn HS tự sửa lại những chỗ đã được GV đánh dấu, nhận xét. Có thể đề nghị các em đọc bài của nhau để trao đổi, học hỏi thêm.

3.3.4. Hướng dẫn tổ chức dạy học nói và nghe

3.3.4.1. *Dạy học nói và nghe theo nguyên tắc giao tiếp*

Để HS thực sự có cơ hội trình bày, chia sẻ, trao đổi trong giờ học nói và nghe theo yêu cầu của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018 với các bài học cụ thể của *Ngữ văn 8*, khi triển khai dạy học phần *Nói và nghe*, GV cần chú ý những nhân tố sau:

– Đối tượng giao tiếp: GV cần giúp HS xác định được những đề tài, nội dung nói và nghe cụ thể xuất phát từ chính những trải nghiệm, vốn sống của các em. GV cần định hướng để đề tài, nội dung nói và nghe được lựa chọn thực sự gây hứng thú cho HS, đồng thời phù hợp với các yêu cầu cần đạt của bài học.

– Nhân vật giao tiếp: GV giúp HS xác định vai trò và các hoạt động phù hợp khi tham gia nói (trình bày vấn đề) hoặc khi nghe (tiếp nhận và phản hồi thích hợp trong khi nghe người khác trình bày).

– Mục đích giao tiếp: Trong mỗi bài học, HS đều được hướng dẫn để xác định rõ mục đích nói và nghe. Tuy nhiên, GV cần gợi ý để HS có thể chủ động trình bày mục đích nói và nghe một cách rõ ràng hơn khi thực hiện hoạt động nói và nghe với một đề tài, nội dung xác định. Chẳng hạn, với người nói: *Muốn làm rõ vấn đề gì nhất? Cần chia sẻ điều gì quan trọng? Mong muốn người nghe nắm bắt được điều gì nhất sau khi mình trình bày bài nói?*; với người nghe: *Mong muốn tiếp nhận được gì từ người nói? Có điều gì cần được làm rõ thêm từ người nói hay muốn trao đổi với người nói? Có thể học hỏi được gì từ kinh nghiệm của người nói?*

– Phương tiện giao tiếp: Cùng với khả năng sử dụng ngôn ngữ để trình bày, trao đổi, thảo luận, tranh luận,..., HS cần được hướng dẫn để sử dụng hiệu quả cử chỉ, điệu bộ,... và phương tiện hỗ trợ khi nói và nghe: sơ đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn, các thẻ tín hiệu theo quy ước của GV và HS,...

3.3.4.2. *Dạy học nói và nghe gắn kết với đọc, viết*

GV cần chú ý mối quan hệ tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa các hoạt động đọc, viết với hoạt động nói và nghe trong cách tổ chức bài học của *Ngữ văn 8*. Mối quan hệ này thể hiện trên cả phương diện loại, thể loại VB lẫn chủ đề, cụ thể là:

Bài	Đọc	Viết	Nói và nghe
Bài 1. <i>Câu chuyện của lịch sử</i>	Hai VB truyện lịch sử và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về một số sự kiện lớn trong lịch sử của dân tộc.	Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hoá).	Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử).

Bài 2. <i>Vẻ đẹp cổ điển</i>	Hai VB thơ Đường luật và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) viết về vẻ đẹp của cuộc sống và con người Việt Nam trong quá khứ cũng như sức sống lâu bền của những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.	Viết bài phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện tại).
Bài 3. <i>Lời sông núi</i>	Hai VB nghị luận và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về lòng yêu nước, tinh thần tự cường và quyết tâm chống giặc ngoại xâm của cha ông ta.	Viết VB nghị luận về một vấn đề của đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).	Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS).
Bài 4. <i>Tiếng cười trào phúng trong thơ</i>	Hai VB thơ Đường luật có nội dung trào phúng và một VB thông tin (VB kết nối về chủ đề) giải thích một số giọng điệu của tiếng cười trong thơ trào phúng.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ trào phúng).	Trình bày ý kiến về ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống.
Bài 5. <i>Những câu chuyện hài</i>	Một VB hài kịch, một chùm VB truyện cười và một chùm ca dao (VB kết nối về chủ đề) có nội dung trào phúng.	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại).
Bài 6. <i>Chân dung cuộc sống</i>	Hai VB truyện ngắn hiện đại và một VB thơ (VB kết nối về chủ đề) viết về sự phong phú và sinh động của cuộc sống quanh ta.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện).	Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (truyện).

Bài 7. <i>Tin yêu và ước vọng</i>	Hai VB thơ và một VB truyện (VB kết nối về chủ đề) viết về niềm tin yêu và ước vọng của con người trong những hoàn cảnh khó khăn, gian khổ.	Tập làm một bài thơ tự do; viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do.	Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã học).
Bài 8. <i>Nhà văn và trang viết</i>	Hai VB nghị luận và một VB truyện (VB kết nối về chủ đề) viết về nhà văn, sáng tác của nhà văn và việc tiếp nhận những sáng tác đó.	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện).	Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay).
Bài 9. <i>Hôm nay và ngày mai</i>	Hai VB thông tin và một VB nghị luận (VB kết nối về chủ đề) viết về những thách thức đang đặt ra đối với môi trường sống và tương lai của con người.	Viết VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên và VB kiến nghị về một vấn đề đời sống.	Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân).
Bài 10. <i>Sách – người bạn đồng hành</i>	VB thuyết minh giới thiệu sách và VB ghi lại suy nghĩ, cảm xúc của nhà thơ về tác phẩm của mình.	Viết bài thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; viết một nhan đề và sáng tạo một tác phẩm mới.	Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách hoặc trình bày về sản phẩm sáng tạo của mình.

Phần *Nói và nghe* là một trong những điểm nhấn nổi bật trong SGK *Ngữ văn 8*, thể hiện việc hiện thực hoá các yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT môn *Ngữ văn* năm 2018 theo quan điểm giao tiếp. Chính vì thế, trong quá trình tổ chức dạy học, GV cần chú ý đến việc tổ chức hoạt động nói và nghe bám sát yêu cầu cần đạt của bài học nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học và các năng lực chung của HS.

3.3.4.3. Các kiểu bài nói và nghe trong *Ngữ văn 8*

Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 8* tập trung vào các kiểu bài sau đây:

a. Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận)

– Trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một sản phẩm văn hoá truyền thống trong

cuộc sống hiện tại) (bài 2); trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (ý nghĩa của tiếng cười trong đời sống) (bài 4); trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (một thói xấu của con người trong xã hội hiện đại) (bài 5); trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ tác phẩm văn học đã học) (bài 7); trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay) (bài 8).

– Thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (ý thức trách nhiệm với cộng đồng của HS) (bài 3); thảo luận về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi (tổ chức hợp lý nề nếp sinh hoạt của bản thân) (bài 9).

b. Thuyết minh

– Trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (cuốn truyện lịch sử) (bài 1); giới thiệu về một cuốn sách (truyện) (bài 6); giới thiệu về một cuốn sách yêu thích/ Giới thiệu về tác phẩm của em (bài 10).

3.3.4.4. Quy trình dạy học nói và nghe

Hoạt động nói và nghe được thực hiện trên lớp, được phân bố sau các phần: *Đọc* (bao gồm cả *Thực hành tiếng Việt*) và *Viết*. Quy trình tổ chức dạy học nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 8* có thể được hình dung đại lược như sau:

– Bước 1: Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu.

– Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn HS chuẩn bị bài nói (phần hướng dẫn HS tập luyện chỉ thể hiện trong SGK lớp 6 và lớp 7; từ lớp 8, HS coi như đã thuần thục, không cần hướng dẫn nữa).

– Bước 3: Tổ chức, hướng dẫn HS trình bày bài nói.

– Bước 4: Tổ chức, hướng dẫn HS nhận xét, trao đổi về bài nói.

Tùy theo năng lực của HS và yêu cầu của từng kiểu bài, GV có thể vận dụng quy trình này một cách linh hoạt để bảo đảm hoạt động nói và nghe trên lớp đạt hiệu quả.

4 HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

4.1. Định hướng đánh giá năng lực, phẩm chất của HS trong môn Ngữ văn

Đánh giá kết quả giáo dục trong *Ngữ văn 8* được triển khai tuân thủ định hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018 và thống nhất với mục tiêu, nội dung, cách thức, phương pháp đánh giá được triển khai từ *Ngữ văn 6* và *Ngữ văn 7*.

4.1.1. Mục tiêu của hoạt động đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục trong môn Ngữ văn là cung cấp thông tin chính

xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học. Cụ thể là: 1) Giúp HS tự đánh giá những tiến bộ trong quá trình học của mình, kiểm soát, tự điều chỉnh các hoạt động học tập để từng bước đạt được những yêu cầu cần đạt mà Chương trình đã đề ra; 2) Giúp GV nhận biết những tiến bộ và hạn chế của HS, từ đó có những hướng dẫn kịp thời cho HS trong quá trình dạy học và điều chỉnh hoạt động dạy học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt; 3) Giúp nhà quản lý hiểu rõ chất lượng dạy học của nhà trường và có những biện pháp điều chỉnh phù hợp, kịp thời để nâng cao chất lượng giáo dục; 4) Giúp phụ huynh hiểu rõ những tiến bộ của con em mình để có biện pháp giáo dục phối hợp với GV.

4.1.2. Nội dung đánh giá kết quả giáo dục

– Đánh giá phẩm chất trong môn Ngữ văn chủ yếu là bằng định tính, thông qua quan sát, ghi chép, nhận xét về hành vi, cách ứng xử, các biểu hiện về thái độ, tình cảm của HS trong các mối quan hệ.

– Đánh giá các năng lực chung và năng lực đặc thù của môn Ngữ văn cần kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về năng lực đối với HS lớp 8.

+ Khi soạn đề kiểm tra, đề thi để đánh giá kĩ năng đọc của HS ở lớp 8, GV cần bám sát các yêu cầu cần đạt về đọc theo quy định của Chương trình dành cho lớp này (hoặc có thể gồm cả những yêu cầu cần đạt về đọc dành cho những lớp dưới (đã học) tùy theo chủ trương của các cấp quản lý), nhưng không được căn cứ vào yêu cầu cần đạt về đọc dành cho những lớp trên (chưa học) hoặc ngoài Chương trình. Ngữ liệu dùng cho phần đánh giá kĩ năng đọc hiểu cần phải ngoài SGK, tức HS chưa được học ở lớp, và chỉ nên là những VB ngắn hoặc đoạn trích để phù hợp với thời lượng quy định cho một bài kiểm tra hoặc bài thi.

+ Đánh giá kĩ năng viết ở lớp 8, cần tập trung vào yêu cầu tạo lập các kiểu VB được quy định trong Chương trình và được HS thực hành trong các bài học của SGK *Ngữ văn 8* như: VB nghị luận về một vấn đề đời sống, VB nghị luận phân tích một tác phẩm truyện, VB nghị luận phân tích một tác phẩm thơ (thơ Đường luật), đoạn văn ghi lại cảm nghĩ về một bài thơ tự do, VB kể lại một chuyện đi, VB thuyết minh giải thích một hiện tượng tự nhiên, VB thuyết minh giới thiệu một cuốn sách. Một số kiểu VB tuy HS được thực hành trong năm học như làm một bài thơ tự do, viết VB kiến nghị về một vấn đề đời sống nhưng khó có thể dùng để soạn đề kiểm tra, đề thi. Việc đánh giá kĩ năng viết cần dựa vào các tiêu chí chủ yếu như: 1) nội dung; 2) kết cấu bài viết; 3) khả năng biểu đạt và lập luận; 4) hình thức ngôn ngữ và trình bày; 5) tính sáng tạo của bài viết; trong đó tiêu chí nội dung có thể được xây dựng dựa vào các yêu cầu của kiểu bài được SGK *Ngữ văn 8* định hướng ngay ở phần đầu của mỗi bài thực hành viết.

+ Đánh giá kĩ năng nói cần lưu ý tính đặc thù của một số hình thức nói và nghe được triển khai ở lớp 8 như giới thiệu về một cuốn sách, trình bày ý kiến về một vấn đề xã hội hay thảo luận về một vấn đề trong đời sống,... SGK *Ngữ văn 8* có những gợi ý cụ thể về nội dung trao đổi, đánh giá sau khi nói và nghe, qua đó GV có thể hướng dẫn cho HS tự đánh giá và đánh giá kết quả thực hành.

4.1.3. Cách thức đánh giá kết quả giáo dục

Việc đánh giá thực hiện bằng hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Để bảo đảm nguyên tắc đánh giá đúng phẩm chất và năng lực của HS, bên cạnh việc tuân thủ định hướng của chương trình, cách thức đánh giá kết quả giáo dục còn cần phải đáp ứng yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá theo Công văn 3175/BGDĐT-GDTrH do Bộ GD&ĐT ban hành ngày 21/7/2022.

4.2. Một số gợi ý về đổi mới hình thức, phương pháp đánh giá theo SGK *Ngữ văn 8*

Ngoài hình thức, phương pháp đánh giá được định hướng chung trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018, SGK *Ngữ văn 8* thiết kế một số nội dung gợi ý cho việc đánh giá năng lực của HS theo học bộ sách này.

– SGK *Ngữ văn 8* thiết kế các nhiệm vụ học tập đa dạng trong các phần *Củng cố, mở rộng* cuối mỗi bài học trong SGK và nhiều mẫu phiếu học tập trong SGK. GV có thể sử dụng một số câu hỏi, bài tập trong phần *Củng cố, mở rộng* và thiết kế các phiếu học tập tương tự theo mẫu để đánh giá thường xuyên kết quả học tập của HS. Ngoài ra, kèm theo SGK *Ngữ văn 8* còn có *Bài tập Ngữ văn 8*. GV có thể dựa vào kết quả hoàn thành các bài tập trong *Bài tập Ngữ văn 8* để đánh giá năng lực đọc hiểu và viết của HS trong quá trình học.

– Sau phần ôn tập ở cuối mỗi tập, *Ngữ văn 8* có các phiếu học tập giúp HS có cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để luyện tập tổng hợp về đọc, viết, nói và nghe. Có thể coi đó như là gợi ý để xây dựng đề kiểm tra cuối học kì. Lưu ý, khác với đọc và viết, việc đánh giá kĩ năng nói và nghe được thực hiện trong cả quá trình học. Một tiết nói và nghe, GV bố trí cho một số HS tham gia. Ngoài ra, trong khi học đọc và viết, HS cũng có trao đổi, thảo luận. GV cần quan sát, ghi chép hoạt động cũng như sản phẩm của HS trong học kì và cả năm học để đánh giá kĩ năng nói và nghe của từng HS sao cho em nào cũng có điểm. Trong một số trường hợp, GV có thể đánh giá kĩ năng nói của HS thông qua các video clip mà các em tự quay.

– Việc thiết kế để kiểm tra, đánh giá cuối học kì và cuối năm học sẽ được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của các cấp quản lí. Tuy nhiên, các hướng dẫn này cũng phải phù hợp với định hướng đổi mới đánh giá của Chương trình GDPT môn Ngữ văn năm 2018 được nêu ở trên.

5 GIỚI THIỆU TÀI LIỆU BỔ TRỢ, NGUỒN TÀI NGUYÊN, HỌC LIỆU ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ GIÁO DỤC

5.1. Giới thiệu sách giáo viên

Tương ứng với mỗi bài học trong SGK có một bài hướng dẫn dạy học trong SGK. Mỗi bài hướng dẫn dạy học đều có cấu trúc gồm các phần: *Yêu cầu cần đạt*, *Chuẩn bị*, *Tổ chức hoạt động dạy học*.

Yêu cầu cần đạt có nội dung thống nhất với SGK. Trong SGK, yêu cầu cần đạt của mỗi bài học chỉ tập trung vào yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù (được thể hiện trong chương trình môn Ngữ văn ở từng lớp) và yêu cầu cần đạt về phẩm chất gắn với nội dung của các VB đọc. Tuy vậy, GV cần lưu ý các bài học trong SGK Ngữ văn mới còn cần hướng đến mục tiêu giúp HS phát triển các năng lực chung được quy định trong Chương trình tổng thể, bao gồm: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp (cũng là năng lực đặc thù của môn Ngữ văn) và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. HS cần được phát triển các năng lực chung này ở tất cả các bài học, vì vậy SGK không thể hiện riêng trong yêu cầu cần đạt của từng bài. GV cần nắm được điều này để không bỏ qua cơ hội giúp HS phát triển các năng lực chung khi tổ chức các hoạt động dạy học. Ngoài ra, đối với yêu cầu đọc hiểu VB, tuy yêu cầu đọc hiểu về nội dung của VB như đề tài, chủ đề hay tình cảm, cảm xúc của người viết được đặt ra đối với mọi VB, nhưng để tránh trùng lặp, SGK chỉ thể hiện trong yêu cầu cần đạt của một số bài, coi như là một điểm nhấn của bài đó.

Chuẩn bị gồm hai nội dung: 1. *Tri thức ngữ văn cho GV*; 2. *Phương tiện dạy học*. Ở nội dung *Tri thức ngữ văn cho GV*, SGK trình bày, phân tích những khái niệm công cụ đầy đủ hơn và sâu hơn so với SGK. GV không phải trình bày lại cho HS những tri thức này vì những gì HS cần nắm đã có trong SGK, nhưng GV cần được trang bị thêm tri thức để có thể làm chủ được bài dạy. Ngoài ra, SGK cũng cung cấp thêm một số nguồn tài liệu tham khảo để GV tự nghiên cứu, đào sâu thêm tri thức công cụ nếu thấy cần thiết. Về *phương tiện dạy học*, vừa có những phương tiện chung cho các bài (gồm các phương tiện cần phải có như SGK, SGK và các phương tiện có thể có như máy tính và màn hình trình chiếu) vừa có những phương tiện riêng, đặc trưng cho từng bài. GV cần nắm vững mục tiêu của từng bài học và tính chất của các hoạt động trong bài để chuẩn bị cho phù hợp.

Tổ chức hoạt động dạy học bám sát các hoạt động đã được thiết kế trong SGK, bao gồm các nội dung chính sau:

Tìm hiểu Giới thiệu bài học và Khám phá Tri thức ngữ văn: Hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học phần mở đầu của một bài học, đặc biệt là hướng dẫn GV cách giúp HS khai thác và vận dụng tri thức ngữ văn. (Phần *Đề từ* HS tự tìm hiểu, GV không cần tổ chức dạy học ở lớp.)

Đọc VB và Thực hành tiếng Việt: Trong hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học đọc VB và hoạt động thực hành tiếng Việt có hai nội dung chính: *Phân tích yêu cầu cần đạt; Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học* (gắn với các phần và các câu hỏi cụ thể trong từng bài). Bên cạnh những bài tập yêu cầu HS vận dụng kiến thức mới về tiếng Việt vừa được hình thành trong bài học, còn có những bài tập đòi hỏi HS phải vận dụng những kiến thức đã học từ trước. Với cách thiết kế bài tập tiếng Việt như vậy, HS vừa được thực hành tiếng Việt gắn với ngữ cảnh là VB các em vừa đọc (các hiện tượng ngôn ngữ trong một VB ít khi chỉ liên quan đến một kiến thức ngôn ngữ duy nhất), vừa có cơ hội ôn lại kiến thức tiếng Việt đã học.

Viết, Nói và nghe: Trong mỗi phần đều có hai nội dung quan trọng: *Phân tích yêu cầu cần đạt* và *Gợi ý tổ chức hoạt động dạy học*. Riêng phần *Viết* có thêm nội dung *Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn*. Đây là cơ sở để GV có được định hướng sáng rõ khi hướng dẫn HS viết theo từng kiểu bài đáp ứng yêu cầu của Chương trình và khi đánh giá bài viết của các em.

Củng cố, mở rộng; Thực hành đọc: GV cần khuyến khích HS phát huy năng lực tự học khi khai thác các nội dung này. GV cũng có thể căn cứ vào những gợi ý trong SGK và SGV để xây dựng thêm các công cụ hướng dẫn HS tự học, tự ôn tập. Ở phần *Thực hành đọc*, HS tự đọc một VB được đề xuất trong SGK, nhưng GV cần kiểm soát được việc tự đọc này của các em thông qua những hình thức kiểm tra đa dạng (đề nghị HS báo cáo, trực tiếp xem các ghi chép,...). GV có thể kiểm tra kết quả thực hành đọc của HS trong các tiết *Đọc mở rộng* được tổ chức ở lớp.

5.2. Giới thiệu sách bổ trợ, tham khảo

Ngoài SHS và SGV, *Ngữ văn 8* còn có SBT (*Bài tập Ngữ văn 8*, tập một và *Bài tập Ngữ văn 8*, tập hai). Sách được biên soạn theo hướng bám sát các yêu cầu cần đạt của SHS và có mở rộng về ngữ liệu nhằm tăng vốn hiểu biết và phát triển kĩ năng ngôn ngữ cho HS. Đúng với tính chất một tài liệu thực hành, sách thiết kế các dạng bài tập ngắn và đa dạng, HS có thể hoàn thành nhanh và cảm thấy hứng thú với việc hoàn thành những bài tập này.

Sách có 10 bài, chia thành 2 tập tương ứng với 10 bài học và 2 tập SGK *Ngữ văn 8*. Nội dung mỗi tập sách gồm hai phần, phần một: *Bài tập*, phần hai: *Gợi ý làm bài*. Các bài tập ở phần một được thiết kế theo các mạch hoạt động như trong SGK: đọc, viết, nói và nghe và đều hướng đến mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực (ngôn ngữ và văn học) cho HS, không có bài tập kiểm tra kiến thức thuần túy.

Về luyện đọc, sách dùng khoảng 60% ngữ liệu lấy từ SGK và khoảng 40% ngữ liệu mới, thường là đoạn trích hoặc VB ngắn. Dù dùng ngữ liệu đã có trong SGK hay ngữ liệu mới, sách đều xây dựng hệ thống câu hỏi đọc hiểu đòi hỏi người học phát huy năng lực tự đọc và tự đánh giá kết quả đọc của mình, chứ không phải cần ghi nhớ và lặp lại những

gì đã học. Bên cạnh yêu cầu hiểu nội dung của VB, các câu hỏi đọc hiểu chú trọng giúp HS nắm vững “mã thể loại” và đặc điểm ngôn ngữ của VB để có thể đọc hiểu các VB mới. Nhờ vậy, các em có khả năng thích ứng với các đề kiểm tra, đánh giá kỹ năng đọc hiểu dựa trên ngữ liệu ngoài SGK.

Về luyện viết, sách biên soạn một số đề bài thuộc các kiểu bài HS đã được thực hành trong SGK. Bên cạnh yêu cầu viết đoạn hoặc viết bài văn ngắn, sách còn yêu cầu lập dàn ý cho những đề bài cụ thể nhằm tạo cơ hội cho HS được luyện tập và phát triển kỹ năng viết một cách toàn diện. Về luyện nói và nghe, HS được yêu cầu lập dàn ý cho bài nói về một nội dung phù hợp, thường được tích hợp với nội dung đọc hoặc viết, và thực hành nói và nghe theo dàn ý đã lập.

Phần hai của sách là *Gợi ý làm bài*. Với những câu hỏi tự luận, sách không đưa đáp án có sẵn, nhưng có gợi ý đủ rõ giúp HS có thể kiểm tra kết quả làm bài của mình; phần nào HS không tự làm được thì có thể dựa vào gợi ý để hoàn thành. Nhờ đó, HS có thể sử dụng sách này để tự học và tự đánh giá kết quả học tập của bản thân.

Bài tập Ngữ văn 8 không chỉ là tài liệu giúp HS phát triển kỹ năng đọc, viết, nói và nghe mà còn là công cụ hỗ trợ cho GV trong việc thiết kế các bài tập hoặc để kiểm tra, đánh giá theo định hướng mới.

5.3. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên, học liệu điện tử

5.3.1. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn tài nguyên trong dạy học

a. Giới thiệu về Hành trang số: *hanhtrangso.nxbgd.vn*

Hành trang số là nền tảng Sách điện tử của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền *hanhtrangso.nxbgd.vn*. Hành trang số cung cấp phiên bản số hoá của SGK chương trình mới và cung cấp các học liệu điện tử hỗ trợ nội dung SGK và các công cụ hỗ trợ việc giảng dạy và học tập của GV và HS.

Hành trang số bao gồm 3 tính năng chính: Sách điện tử, Luyện tập và Thư viện. Tính năng *Sách điện tử* cung cấp trải nghiệm đọc và tương tác phiên bản số hoá của SGK chương trình mới. Trong đó, Hành trang số tôn trọng trải nghiệm đọc sách truyền thống với giao diện lật trang mềm mại, mục lục dễ tra cứu, đồng thời cung cấp các công cụ như: phóng to, thu nhỏ, đính kèm trực tiếp các học liệu bổ trợ lên trang sách điện tử, luyện tập trực quan các bài tập trong sách đi kèm kiểm tra, đánh giá... Người dùng truy cập SGK mọi lúc mọi nơi, sử dụng đa dạng thiết bị điện thoại, máy tính bảng hay laptop, phục vụ đồng thời việc giảng dạy trên lớp và việc tự học tại nhà.

Tính năng *Luyện tập* cung cấp trải nghiệm làm bài tập phiên bản số hoá đối với các bài tập trong SGK và SBT của NXBGDVN. Tính năng mang tới giao diện tối giản, thân

thiện cùng các công cụ hỗ trợ hành vi tự luyện tập của người dùng như: Kiểm tra kết quả, Gợi ý – Hướng dẫn bài tập, Bàn phím ảo, tích hợp kết quả luyện tập với Biểu đồ đánh giá năng lực cá nhân. Bên cạnh hệ thống bài tập sắp xếp theo danh mục SGK, SBT, Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống bài tập Tự kiểm tra, đánh giá bám sát chương trình SGK mới, giúp người dùng trải nghiệm thêm kho bài tập bổ trợ kiến thức trên lớp.

Tính năng Thư viện cung cấp hệ thống kho học liệu điện tử bổ trợ chương trình SGK mới. Tại đây, người dùng tiếp cận trực quan học liệu điện tử dưới ba định dạng chính: Video, Gif/ Hình ảnh, Âm thanh. Các học liệu điện tử được sắp xếp khoa học theo mục lục SGK và bám sát hình ảnh, chương trình, qua đó giúp sinh động và phong phú hoá bài học. Hành trang số đồng thời cung cấp hệ thống Bài giảng tham khảo, gồm hai nội dung: Bài giảng dạng PowerPoint với các tương tác tham khảo được thiết kế sẵn, song hành cùng kịch bản dạy học tham khảo. Qua đó, Hành trang số mong muốn hỗ trợ GV trong việc thiết kế bài giảng sử dụng học liệu điện tử.

b. Giới thiệu về Tập huấn

Tập huấn là nền tảng Tập huấn GV trực tuyến của NXBGDVN, được truy cập tại tên miền: taphuan.nxbgdvn.vn. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Việc cấp tài khoản trên Tập huấn được triển khai có hệ thống, cấp trên thiết lập cho cấp dưới trực thuộc: Sở GD&ĐT cấp tài khoản cho các Phòng GD&ĐT; Phòng GD&ĐT cấp tài khoản cho Nhà trường, Nhà trường cấp tài khoản cho GV. Việc cấp tài khoản có hệ thống đảm bảo GV được định danh, nhờ vậy các cấp quản lí có thể nắm bắt, đánh giá, quản trị hiệu quả triển khai tập huấn tại địa phương.

Đối với tài khoản GV: Tính năng Tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do NXBGDVN biên soạn dưới các định dạng đa dạng: PowerPoint, PDF/ Word, Video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra, đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT, Nhà trường): Tính năng Tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và

kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng Excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lý giáo dục.

5.3.2. Giới thiệu và hướng dẫn sử dụng nguồn học liệu điện tử

Nhằm phục vụ công tác tập huấn GV, NXBGDVN đã đăng tải các tài liệu tập huấn của các bộ SGK với định dạng và nội dung đa dạng như: Video tiết học minh họa, Tài liệu tập huấn (PDF, PowerPoint, Word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiểm tra – đánh giá, Video lớp học trực tuyến,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

Khoản 2 Điều 2 Thông tư 12/2016/TT-BGDĐT quy định: Học liệu điện tử là tập hợp các phương tiện điện tử phục vụ dạy và học, bao gồm: sách giáo trình, SGK, tài liệu tham khảo, bài kiểm tra đánh giá, bản trình chiếu, bảng dữ liệu, các tệp âm thanh, hình ảnh, video, bài giảng điện tử, phần mềm dạy học, thí nghiệm ảo,... Học liệu điện tử được phân làm 2 loại: 1) Tương tác một chiều: học liệu được số hoá dưới các định dạng như video, audio, hình ảnh... Hình thức tương tác chủ yếu giữa người học và hệ thống là một chiều; 2) Tương tác hai chiều: người học có thể tương tác hai chiều hoặc nhiều chiều với hệ thống, giảng viên và người học khác để thu được lượng kiến thức, kinh nghiệm tối đa. Các sản phẩm có thể kể đến như các sách điện tử tương tác, trò chơi giáo dục, lớp học ảo,...

Đối với học liệu điện tử tương tác một chiều, tính tới tháng 3/2023, NXBGDVN đã đăng tải hơn 3400 định dạng đa dạng, bao gồm: video, âm thanh, hình ảnh, ảnh động, 3D, slide bài giảng tham khảo, kịch bản tham khảo dạng PowerPoint và PDF hỗ trợ GV khai thác tối đa giá trị bộ SGK. Đối với tương tác hai chiều, NXBGDVN đã đăng tải hơn 4.100 bài tập tương tác chương trình lớp 1, trong đó các định dạng được lập trình phong phú, theo sát nội dung bài tập trong sách, bao gồm: Trắc nghiệm 1 đáp án đúng, Trắc nghiệm nhiều đáp án đúng, Chọn đúng – sai, Điền câu trả lời vào ô trống, Câu điền từ vào chỗ trống, Nối hình, Select box, Tự luận.

Các học liệu điện tử đều bám sát hình ảnh và nội dung của bộ sách, tuân thủ triết lý bộ sách, tham vấn SGV, được tác giả hướng dẫn và thẩm định.

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử và được tổng hợp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao

chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, SBT, Hành trang số cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra, đánh giá tại tính năng Luyện tập. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

– Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide PowerPoint song hành là kịch bản dạy học được cung cấp tại tính năng Thư viện, các thầy cô giáo có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được Hành trang số xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGK và SGV.

– Ngoài ra, các thầy cô giáo cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng Hành trang số kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử... Như vậy, các thầy cô giáo có thể truy cập SGK mọi lúc, mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính bàn, laptop, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn giáo án.

1 QUY TRÌNH THIẾT KẾ KẾ HOẠCH BÀI DẠY**1.1. Chuẩn bị tài liệu**

- Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường (ban hành ngày 18/12/2020).
- Phụ lục IV kèm theo Công văn 5512 về Khung kế hoạch bài dạy.
- *Ngữ văn 8* – SGK
- *Ngữ văn 8* – SGV

1.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy

- Xác định bài dạy, mục tiêu bài dạy, các thiết bị và học liệu cần chuẩn bị.
- Xác định các hoạt động chính của bài dạy (gồm đọc, viết, nói và nghe).
- Xác định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và cách tổ chức thực hiện từng hoạt động dạy học cụ thể (được quy thành 4 nhóm: khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng).

2 BÀI SOẠN MINH HOẠ

BÀI

6**CHÂN DUNG CUỘC SỐNG** (13 tiết)**A. MỤC TIÊU**

Bài học góp phần phát triển các năng lực và phẩm chất sau cho HS:

I. Về năng lực

1. Năng lực đặc thù (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Nhận biết và phân tích được cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.
- Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm văn học.

– Nhận biết được đặc điểm của trợ từ, thán từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.

– Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học (truyện).

– Biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách (truyện).

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

– Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp, thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

– Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

II. VỀ PHẨM CHẤT

Trân trọng, tin yêu vẻ đẹp của con người, thiên nhiên; biết sống có trách nhiệm.

B. NỘI DUNG DẠY HỌC, PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị của HS
Đọc hiểu VB 1: <i>Mắt sói</i> (3 tiết)	– Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, dạy học hợp tác, ... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	– Đọc trước phần <i>Tri thức ngữ văn</i> trong SGK (tr. 5). – Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. Tìm hiểu khái quát về bài học

1. Mục tiêu

HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

2. Nội dung

HS đọc SGK để trả lời các câu hỏi, từ đó hiểu được nội dung khái quát của bài học.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện

GV tổ chức hoạt động	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i> , nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài.	HS nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học.	– Chủ đề bài học: Bức chân dung cuộc sống đa diện, nhiều sắc thái được nhà văn vẽ nên bằng ngôn ngữ nghệ thuật trong tác phẩm văn học. – Thể loại VB đọc chính: truyện.

II. ĐỌC VĂN BẢN

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu: Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.
2. Nội dung: HS vận dụng trải nghiệm về nghệ thuật để trả lời câu hỏi.
3. Sản phẩm: câu trả lời của HS.
4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: Nêu tên một tác phẩm văn học hoặc một bộ phim có nội dung nói về sự đồng cảm, gắn bó giữa con người và thế giới tự nhiên (loài vật, cây cỏ, vũ trụ,...). Chia sẻ ngắn gọn cảm nhận về tác phẩm văn học hoặc bộ phim đó.	HS nêu tên tác phẩm văn học hoặc bộ phim và chia sẻ ngắn gọn cảm nhận.	– HS nêu được tên một tác phẩm văn học hoặc bộ phim có nội dung nói về sự đồng cảm, gắn bó giữa con người và thế giới tự nhiên. – HS chia sẻ được cảm nhận của mình. – Lưu ý: Ở lớp 6 và lớp 7, HS đã được học một số tác phẩm như: <i>Con chào mào</i> (Mai Văn Phấn), <i>Bầy chim chia với</i> (Nguyễn Quang Thiều), <i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (Nguyễn Ngọc Thuần), <i>Ngàn sao làm việc</i> (Võ Quảng),...

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- HS nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- HS nhận biết và phân tích được cốt truyện đa tuyến trong VB *Mắt sói*.
- HS nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm hoặc cách sống của bản thân sau khi đọc tác phẩm.

2. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng tri thức ngữ văn, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
I. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung 1. Khám phá tri thức ngữ văn – GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1. – GV yêu cầu HS nêu tên một tác phẩm truyện mà em đã được học hoặc đọc và bước đầu xác định kiểu cốt truyện. 2. Tác giả Đa-ni-en Pen-nắc GV yêu cầu HS trình bày ngắn gọn thông tin giới thiệu về nhà văn Đa-ni-en Pen-nắc (HS đã chuẩn bị ở nhà, nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 1). 3. Cách đọc hiểu VB truyện đa tuyến GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em đã được đọc nhiều tác phẩm truyện và bước đầu biết được kiểu cốt truyện đơn tuyến, đa tuyến. Dựa vào những hiểu biết đó, em định hướng sẽ thực hiện những hoạt động nào để đọc hiểu văn bản <i>Mắt sói</i>?	– HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thảo luận. – HS nêu tên một tác phẩm truyện và bước đầu xác định kiểu cốt truyện đơn tuyến hoặc đa tuyến. – HS trình bày ngắn gọn thông tin về tác giả. – HS chia sẻ cảm xúc, ấn tượng ban đầu về văn bản <i>Mắt sói</i>. – HS trả lời câu hỏi, thảo luận, góp ý.	I. Tìm hiểu chung 1. Khám phá tri thức ngữ văn Điền đúng được các từ ngữ vào chỗ trống: – một mạch sự kiện, tương đối đơn giản, một hoặc một vài nhân vật chính. – hai mạch sự kiện, phức tạp, chồng chéo, các nhân vật chính. 2. Tác giả Đa-ni-en Pen-nắc – Đa-ni-en Pen-nắc sinh năm 1944, là nhà văn lớn người Pháp. – Ông thành công với nhiều thể loại: tiểu luận, tự truyện, tiểu thuyết, truyện tranh, kịch bản phim,... – <i>Mắt sói</i> là tác phẩm nổi tiếng của Đa-ni-en Pen-nắc. 3. Cách đọc hiểu VB truyện đa tuyến Khi đọc truyện đa tuyến cần tóm tắt được các tuyến sự kiện; tìm hiểu nhân vật, chi tiết tiêu biểu; tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện; xác định chủ đề của truyện;...

II. Khám phá VB 1. Hướng dẫn HS đọc, tìm hiểu cốt truyện, tóm tắt VB a. <i>Sơ đồ cốt truyện</i> GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi: Dựa vào nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 2 (đã chuẩn bị ở nhà) và chỉ ra cốt truyện đa tuyến trong tác phẩm. b. <i>Tóm tắt VB</i> – GV yêu cầu HS: Dựa trên kết quả của nhiệm vụ 2 trong phiếu học tập số 2, tóm tắt bằng lời VB <i>Mắt sói</i>. – GV yêu cầu HS: Từ việc đọc và tóm tắt cốt truyện ở nhà, em hãy xác định cách đọc diễn cảm VB trong SGK.	– HS trao đổi, trình bày và thảo luận. – HS tóm tắt VB. – HS nêu cách đọc VB.	II. Khám phá VB 1. Tìm hiểu cốt truyện, tóm tắt VB a. <i>Sơ đồ cốt truyện</i> – Chương 1: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam và Phi Châu; thời gian: hiện tại; không gian: vườn bách thú; nội dung câu chuyện: cuộc gặp gỡ kì lạ giữa cậu bé tên là Phi Châu và Sói Lam. – Chương 2: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam; thời gian: quá khứ; không gian: Bắc Cực; nội dung câu chuyện: những cuộc trốn chạy các toán đi săn của gia đình nhà sói. – Chương 3: Mạch truyện về nhân vật Phi Châu; thời gian: quá khứ; không gian: châu Phi; nội dung câu chuyện: hành trình của cậu bé Phi Châu. – Chương 4: Mạch truyện về nhân vật Sói Lam và Phi Châu; thời gian: hiện tại; không gian: vườn bách thú; nội dung câu chuyện: Sói Lam và Phi Châu làm bạn ⇒ Tác phẩm có kiểu cốt truyện lồng truyện. b. <i>Tóm tắt VB trong SGK</i> – Chương 2: Phi Châu nhìn sâu vào mắt Sói Lam và câu chuyện hiện lên trong mắt sói là hồi ức về gia đình nhà sói, việc Sói Lam cứu em gái Ánh Vàng. – Chương 3: Sói Lam nhìn sâu vào mắt Phi Châu với sự đồng cảm, thấu hiểu sâu sắc. Câu chuyện hiện lên trong mắt người là tình bạn giữa Phi Châu với lạc đà Hàng Xén và Báo.
--	--	--

– GV yêu cầu HS đọc diễn cảm một phần/ đoạn trong VB mà em thấy thích nhất, chia sẻ lí do vì sao em ấn tượng với phần/đoạn đó. 2. Tìm hiểu mạch truyện về nhân vật Sói Lam – GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập số 3. Sau đó, GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ.	– HS đọc diễn cảm một số phần/ đoạn được chọn trong VB. – HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận.	– Giọng đọc chung: chậm rãi, buồn, tha thiết, sâu lắng. Chú ý phân biệt lời của người kể chuyện và lời nhân vật. 2. Tìm hiểu mạch truyện về nhân vật Sói Lam a. <i>Hình ảnh mắt sói</i> – Chi tiết: con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con người màu đen, con mắt không chớp bao giờ, con người có sự sống,... – So sánh, liên tưởng: như ngọn đèn trong đêm, như tuần trăng úa trên bầu trời trống trải,... ⇒ Cảm nhận được trong mắt sói chất chứa nỗi buồn thẳm sâu, sự u uất, cô đơn. ⇒ Những chi tiết này cho thấy sự đồng cảm, thấu hiểu sâu sắc của Phi Châu với nỗi buồn đau của Sói Lam. b. <i>Câu chuyện Sói Lam cứu Ánh Vàng</i> Các chi tiết trong VB: <i>Sói Lam tung người bay trên làn không khí bông rạt, dùng răng cắn đứt sợi dây, hét: “Chạy đi, Ánh Vàng...”</i>; <i>Sói Lam ngã xuống, ngã xuống, cứ xoay tròn và rơi mãi trong màn đêm đầy tia lửa,...</i> ⇒ Qua những hành động đó, có thể thấy Sói Lam vô cùng dũng cảm, nhanh nhẹn, thông minh, mạnh mẽ, quyết đoán, sẵn sàng hi sinh vì em.
---	---	---

3. Tìm hiểu mạch truyện về nhân vật Phi Châu. GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để hoàn thành phiếu học tập số 4. Sau đó, GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi và trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ: – Tìm hiểu về hình ảnh mắt người. – Tìm hiểu về nhân vật Phi Châu.	– HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận. – HS trình bày, trao đổi.	3. Tìm hiểu mạch truyện về nhân vật Phi Châu. a. <i>Hình ảnh mắt người</i> – HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận. Các chi tiết miêu tả mắt người: con mắt như một ánh sáng vụt tắt, như một đường hầm bị sập dưới lòng đất, mờ mịt, tối om, không còn giọt nắng nào,... ⇒ Mắt người thể hiện nỗi buồn đau, mất mát, sự cô đơn, tuyệt vọng. ⇒ Những chi tiết này cho thấy mối đồng cảm sâu sắc, sự thấu hiểu của Sói Lam với nỗi buồn đau của cậu bé Phi Châu. b. <i>Câu chuyện của Phi Châu và những người bạn.</i> – Với lạc đà Hàng Xén: Phi Châu “mất hàng giờ” để tìm lạc đà Hàng Xén. – Với Sư Tử: Đàn cừu và dê không có kẻ thù. Nếu thi thoảng có sư tử hay báo ăn thịt một con dê cái thì chỉ vì nó đói. – Với Báo: chi tiết Phi Châu kết bạn với Báo bằng tâm hồn tinh tế, sự thấu cảm sâu sắc. ⇒ Phi Châu là một cậu bé có tâm hồn trong sáng, sâu sắc, tinh tế, có tấm lòng nhân hậu, trân trọng tình bạn, yêu thương loài vật, tôn trọng thiên nhiên.
4. Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, thảo luận các câu hỏi về nghệ thuật kể chuyện của nhà văn.	– HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. – HS trình bày, trao đổi, thảo luận.	4. Tìm hiểu vài nét về nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm – Câu chuyện trong VB được kể theo ngôi thứ ba nhưng có sự thay đổi điểm nhìn: + Ở chương 2, câu chuyện được kể từ điểm nhìn của nhân vật Sói Lam. + Ở chương 3, câu chuyện lại được kể từ điểm nhìn của nhân vật Phi Châu.

– Xác định ngôi kể trong từng chương; vị trí người kể dựa vào để quan sát, kể lại các sự kiện. – Nhận xét về vai trò của hình ảnh mắt sói, mắt người trong việc tổ chức các sự kiện của cốt truyện. III. Tổng kết GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: – Nêu một vài nét nghệ thuật đặc sắc của VB <i>Mắt sói</i>. – Nêu ý nghĩa của VB <i>Mắt sói</i>.		– Hình ảnh mắt sói, mắt người giúp kết nối và chuyển mạch truyện. III. Tổng kết – Một vài nét nghệ thuật đặc sắc của VB <i>Mắt sói</i>: + Cốt truyện đa tuyến với kiểu truyện lồng truyện. + Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo. + Nghệ thuật kể chuyện đặc sắc. – Ý nghĩa: + Ca ngợi vẻ đẹp của sự đồng cảm, thấu hiểu giữa muôn loài trên thế giới. + Ca ngợi tình anh em, tình bạn giữa con người và loài vật. + Đau đớn, xót xa trước sự tham lam, vô cảm, trước hành động tàn phá thế giới tự nhiên của con người.
--	--	--

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, kỹ năng đã học.
2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.
3. Sản phẩm: câu trả lời, đoạn văn của HS.
4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS: – Nêu cách đọc một tác phẩm truyện có cốt truyện đa tuyến.	– HS trả lời câu hỏi. – HS viết đoạn văn và trình bày đoạn văn.	– Cách đọc truyện đa tuyến: xác định các mạch nhân vật, sự kiện trong tác phẩm; tìm hiểu nhân vật, chi tiết tiêu biểu; tìm hiểu nghệ thuật kể chuyện của nhà văn; khám phá thông điệp của tác phẩm;...

– Thực hiện bài tập viết kết nối với đọc trong SGK.		– Đoạn văn của HS cần bảo đảm các yêu cầu: nội dung kể lại sự kiện Phi Châu và Báo đã trở thành đôi bạn thân thiết; câu chuyện được kể lại bằng lời nhân vật Báo; đúng chính tả và diễn đạt; dung lượng đoạn văn 7 – 9 câu.
---	--	---

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: HS vẽ tranh theo cảm nhận và hình dung của mình.

3. Sản phẩm: câu trả lời, tranh vẽ của HS.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Sản phẩm cần đạt
GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: – Nêu cảm nhận của em về một bức tranh minh hoạ mà em thích trong VB. – Vẽ tranh thể hiện một chi tiết nghệ thuật trong VB <i>Mắt sói</i> mà em ấn tượng (thực hiện ở nhà).	– HS trả lời câu hỏi. – HS vẽ tranh.	– HS nêu cảm nhận về một bức tranh minh hoạ trong VB. – Tranh vẽ của HS.

PHỤ LỤC

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc phần *Tri thức ngữ văn*, tìm và điền các từ ngữ phù hợp vào chỗ trống trong các nhận định dưới đây:

a. Cốt truyện đơn tuyến là kiểu cốt truyện chỉ có Trong cốt truyện đơn tuyến, hệ thống sự kiện thường, tập trung thể hiện quá trình phát triển tính cách của

b. Cốt truyện đa tuyến là kiểu cốt truyện tồn tại đồng thời ít nhất Trong cốt truyện đa tuyến, hệ thống sự kiện thường, tái hiện nhiều bình diện của đời sống gắn với số phận của tác phẩm.

2. Tìm hiểu, ghi vắn tắt thông tin giới thiệu về nhà văn Đa-ni-en Pen-nắc.

Điều em tìm hiểu được về nhà văn Đa-ni-en Pen-nắc:

.....

.....

.....

.....

.....

.....



3. Ấn tượng ban đầu của em:

Chia sẻ cảm xúc, ấn tượng ban đầu của em sau khi đọc văn bản *Mắt sói*.



.....

.....

.....

.....

.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. Đọc kĩ phần tóm tắt truyện ở cước chú ⁽¹⁾, SGK, trang 6 và điền vào sơ đồ mạch truyện để thấy được cốt truyện đa tuyến trong tác phẩm *Mắt sói*.

Chương 1: Mạch truyện về nhân vật:

Thời gian:

Không gian:

Nội dung câu chuyện:

Chương 2:

Mạch truyện về nhân vật:

Thời gian:

Không gian:

Nội dung câu chuyện:

Chương 3:

Mạch truyện về nhân vật:

Thời gian:

Không gian:

Nội dung câu chuyện:

Chương 4:

Mạch truyện về nhân vật:

Thời gian:

Không gian:

Nội dung câu chuyện:

2. Đọc văn bản trong SGK, trang 6 – 12. Khi đọc, chú ý vào các gợi dẫn ở bên phải trang sách. Dừng lại ở kết thúc mỗi phần và hoàn thành sơ đồ sau để tóm tắt văn bản:

1

Sự việc xảy ra ở Phần (1) Chương (2) là:

.....
.....
.....

2

Sự việc xảy ra ở Phần (2) Chương (2) là:

.....
.....
.....

3

Sự việc xảy ra ở Phần (3) Chương (3) là:

.....
.....
.....

4

Sự việc xảy ra ở Phần (4) Chương (3) là:

.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Thực hiện cá nhân nhiệm vụ 1, 2, sau đó cùng trao đổi theo cặp để thực hiện nhiệm vụ 3.

1. Gạch dưới văn bản và tìm hiểu về hình ảnh mắt sói, nhân vật Sói Lam theo gợi dẫn.

Một con mắt màu vàng, tròn xoe, chính giữa có một con ngươi màu đen. Một con mắt không chớp bao giờ. Hệt như cậu bé đang nhìn một ngọn đèn trong đêm; cậu chẳng thấy gì ngoài con mắt này: cây cối, vườn thú, khu chuồng, mọi thứ đã biến mất. Chỉ còn lại một điều duy nhất: mắt sói. Con mắt càng lúc như càng to hơn, tròn hơn, như một tuần trăng úa trên bầu trời trống trải, và chính giữa, một con ngươi như càng đen hơn, và trong quang vàng nâu quanh con ngươi, người ta thấy xuất hiện những điểm màu khác nhau, chỗ này là màu lam (xanh như nước đóng băng dưới bầu trời), chỗ kia là một tia ánh vàng, lấp lánh như trang kim.

Những điểm quan trọng nhất chính là con ngươi. Con ngươi màu đen!

– Mi đã muốn nhìn ta thì nhìn đi!

Dường như con ngươi muốn nói. Nó loé lên một tia sáng khủng khiếp. Hệt một ngọn lửa. “Đúng rồi, cậu bé nghĩ: ngọn hắc hoả!”

Và cậu trả lời:

– Được rồi, Hắc Hoả, ta nhìn đây. Ta không sợ đâu.

a. Gạch dưới các từ ngữ miêu tả mắt sói.

b. Trong cái nhìn của cậu bé, mắt sói được so sánh với những hình ảnh nào?

.....
.....
.....

c. Theo em, Phi Châu cảm nhận được tâm trạng gì của Sói Lam khi nhìn sâu vào mắt sói?

.....
.....
.....

d. Điều gì khiến Phi Châu có thể cảm nhận về mắt sói như vậy?

.....
.....

2. Đọc Phần (2) Chương 2 và hình dung cảnh Sói Lam cứu Ánh Vàng. Dùng ngôn ngữ để miêu tả sự việc này theo hình dung của em.

3. Làm việc theo cặp để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 2 và cùng thảo luận.

Qua hành động Sói Lam cứu Ánh Vàng, em hãy nhận xét về tính cách nhân vật Sói Lam.

.....
.....
.....
.....
.....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Thực hiện cá nhân nhiệm vụ 1, 2, sau đó cùng trao đổi theo cặp để thực hiện nhiệm vụ 3.

1. Gạch dưới văn bản và tìm hiểu về hình ảnh mắt người theo gợi dẫn.

Và đến lượt con mắt của cậu bé chuyển động. Như một ánh sáng vụt tắt. Hoặc cảm giác như một đường hầm bị sập dưới lòng đất. Phải rồi, một đường hầm giống như một cái hang cáo mà Sói Lam từng chui vào. Càng vào sâu thì càng mờ mịt. Chẳng mấy chốc thì tối om, không còn giọt nắng nào. Ngay tới đầu ngón chân mình Sói Lam cũng không nhìn thấy. Không biết nó chìm trong con mắt của cậu bé như thế bao lâu rồi nhỉ? Thật khó nói. Nhiều phút trôi qua tưởng chừng như hàng năm trời. Mãi tới lúc, một giọng nói nhỏ nhẹ cất lên từ sâu trong bóng đêm:

“Đây rồi, Sói Lam ơi, đây là nơi có kỉ niệm đầu tiên của ta đó!”

a. Gạch dưới các từ ngữ miêu tả mắt người.

b. Theo em, Sói Lam cảm nhận được tâm trạng gì của Phi Châu khi nhìn sâu vào mắt cậu bé?

.....
.....

c. Điều gì khiến Sói Lam có thể cảm nhận về mắt Phi Châu như vậy?

.....
.....

d. Câu cuối của đoạn trích cho thấy câu chuyện của Sói Lam dường như được kể theo vị trí của nhân vật nào?

.....
.....

2. Tìm hiểu về nhân vật Phi Châu theo gợi dẫn.

2.1. Hành động, thái độ của Phi Châu với lạc đà Hàng Xén:.....
.....

2.2. Suy nghĩ của Phi Châu về Sư Tử:

2.3. Điền từ ngữ phù hợp để hoàn thành các lời nói sau của nhân vật Phi Châu với Báo:

– Báo này, đừng có bò như rắn thế, tôi.....

– Thấy chưa, Phi Châu nói, tôi cần

– Anh là

– Báo này, anh cần.....

3. Làm việc theo cặp để chia sẻ kết quả thực hiện nhiệm vụ 2 và cùng thảo luận.

3.1. Nêu cảm nhận của em về nhân vật Phi Châu:.....
.....

3.2. Phát biểu bằng lời: Qua câu chuyện của Sói Lam và cậu bé Phi Châu, tác giả muốn ca ngợi hay phê phán điều gì?

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN HIỀN TRANG

Giám đốc Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHẠM THỊ HỒNG

Biên tập nội dung: THÂN THUỶ TRANG – TRẦN MAI THANH HẰNG

Trình bày bìa: PHẠM VIỆT QUANG

Thiết kế sách: ĐINH THANH LIÊM

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.**

*Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ,
chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội.*

**TÀI LIỆU TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA
MÔN NGỮ VĂN LỚP 8**

BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Mã số:

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in Địa chỉ:

Cơ sở in Địa chỉ:

Số ĐKXB: ... /CXBIPH/...-.../GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20.....

Mã số ISBN: 978-604-0-...-.....-....